BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ 9

TẬP HAI

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỒ SONG - NGUYỄN KIÊN

LỊCH SỬ 9

truongxua.vn

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ 10)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

thuongmaitr

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc PHẠM VĂN AN
Tổng biên tập NGUYỄN NHƯ Ý
Biên tập lần đầu :
TRƯƠNG QUANG QUẬT
Biên tập tái bản :
LÊ ĐÌNH HÀ
Trình bày bìa :
PHẠM QUANG
Sửa bản in :
PHAN TƯ TRANG

9(075) / GD – 99 767/157 - 98

Mã số : 2H906T9

LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NAY (1991)

CHƯƠNG I
BƯỚC TIẾN MỚI CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM

ruongxua.vn

Bài 1
BỐI CẢNH TRONG NƯỚC VÀ TRÊN THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

1. Đế quốc Pháp đẩy mạnh khai thác, bóc lột

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, để khôi phục nền kinh tế chính quốc bị tàn phá nặng nề, đế quốc Pháp ra sức bóc lột nhân dân lao động trong nước và các dân tộc thuộc địa.

Tại Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng, việc cướp đoạt ruộng đất để mở đồn điền là một trong những thủ đoạn bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp.

Đồn điền cao su được phát triển nhanh về diện tích. Đồn điền cao su năm 1929 lên đến gần 100.000 ha, gấp khoảng 14 lần năm 1920 ; lượng mủ cao su thu hoạch năm 1929 được 11.000 tấn, gấp 3 lần năm 1915.

Ngoài cao su, còn có nhiều đồn điền chè, cà phê, dừa, thuốc lá, mía, bông gòn ...

Ruộng lúa do thực dân Pháp chiếm cũng tăng nhanh, nhất là ở Nam Bộ. Ngoài lúa ở các đồn điền, nhiều công ti thương mại Pháp còn vơ vét thóc gạo ở thôn quê để xuất khẩu. Hàng năm thực dân Pháp đã xuất khẩu 1 763 587 tấn thóc, vượt xa thời kì trước chiến tranh và thóc lúa chiếm 60 – 70% tổng thu nhập xuất khẩu trong thời gian này.

Đi đôi với việc khai thác nông nghiệp, tư bản Pháp còn đẩy mạnh việc chiếm đoạt hầm mỏ (chủ yếu ở Bắc Bộ). Diện tích khai thác lên đến 428 000 ha, gấp 7 lần trước chiến tranh. Than là loại quặng được khai thác nhiều nhất và chủ yếu dành cho xuất khẩu.

Cùng với sự phát triển đồn điền và khai thác hầm mỏ, tư bản Pháp đầu tư vào công nghiệp nhẹ như : dệt, vật liệu kiến trúc, xay xát, điện nước, làm đường, nấu rượu, chế biến chè và thuốc lá, giấy, ấn loát, văn phòng phẩm, diêm, thủy tinh, xà phòng ... Thương mại, giao thông vận tải ... cũng hoạt động tấp nập hơn trước.

thuongmaitr

Thuế khóa trong bất cứ thời gian nào vẫn là nguồn bóc lột chủ yếu của chính quyền thực dân. Mỗi suất thuế đinh trị giá hơn 60kg thóc lúc bấy giờ. Thuế đinh và thuế điền đều gia tăng thêm một khoản phụ thu là 15% cho ngân sách hàng tỉnh. Các loại thuế gián thu đều tăng lên, nhất là thuế muối, thuế thuốc phiện, và thuế rượu.

? – Đời sống kinh tế nước ta sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có những biến đổi như thế nào ?

2. Những biến đổi trong đời sống xã hội

Giai cấp công nhân phát triển nhanh. So với trước chiến tranh, công nhân ngành mỏ tăng hơn 5 lần, công nhân đồn điền tăng hơn 20 lần. Tính đến cuối năm 1929, tổng số công nhân tập trung ở các đồn điền, hầm mỏ, xí nghiệp lên tới 22 vạn người. Nếu tính cả số công nhân nông nghiệp ở nông thôn (cố nông), công nhân làm theo mùa (ngày mùa ở

thôn quê, ngày rỗi ra thành thị kiếm việc), công nhân lưu động làm đường sá, số lượng công nhân còn cao hơn nhiều.

Trừ một vài xưởng đặc biệt của nhà nước, ở các nơi khác số giờ làm việc trong ngày rất cao. Công nhân đồn điền phải tập trung đi làm từ 4 giờ sáng và mãi đến 7 – 8 giờ tối mới về đến lán trại. Tại nhà máy dệt Nam Định, thời gian lao động trong ngày được quy định năm 1924 là 16 giờ, từ 1925 đến 1927 là 14 giờ, năm 1928 là 12 giờ.

Lương công nhân rất thấp so với giá sinh hoạt. Có đến 30 – 40% tiền lương phải dành cho mua gạo ; nói chung thực phẩm chiếm hết 70%, nhà ở khoảng 15% tiền lương. Trên thực tế, lương công nhân còn bị cắt xén bởi tiền nghỉ chủ nhật, tiền cúp phạt, tiền dụng cụ lao động, lễ tết ...

Ngoài cảnh làm việc cực nhọc và tiền lương chết đói, công nhân còn bị đánh đập, giam cầm trong các nhà tù riêng của bọn chủ đồn điền, hầm mỏ. Điều kiện vệ sinh lại thiếu thốn nên công nhân bị ốm đau, chết chóc rất nhiều.

truongxua.vn

Nông dân chiếm 90% dân số. Đông đảo nông dân không có tấc đất nào hoặc chỉ có chút ít. Họ buộc phải thuê ruộng đất của phú nông, địa chủ hoặc lãnh canh nộp tô. Ở Bắc Bộ và Trung Bộ, địa tô chiếm 40 – 70% hoa lợi ; ở Nam Bộ trung bình từ 50 đến 80%.

Việc lo đóng thuế trở thành nỗi kinh hoàng đối với nông dân. Mỗi năm đến mùa thu thuế, hàng trăm nghìn người bị gông xiềng, giam cầm, đánh đập cho đến lúc vợ con họ chạy xong suất sưu. Ngoài ra, nông dân còn phải biếu xén cho địa chủ, hào lí ; thực hiện những tập tục như cúng giỗ, ma chay, đình đám ... ; bão lụt, hạn hán, dịch tễ thường xuyên xảy ra, do đó không mấy nông dân tránh khỏi vay nợ. Lãi mẹ đẻ lãi con, tỉ lệ lãi có khi lên đến 200 – 300%/năm.

Đại đa số nông dân bị mù chữ, con cái họ cũng chịu cảnh thất học vì "học xa không lương, học gần không trường".

Tư sản Việt Nam sau chiến tranh đông hẳn lên. Khắp Trung, Nam, Bắc – ở các thành phố trong tất cả các ngành kinh tế đều có mặt tư

sản Việt Nam. Năm 1926, một Ngân hàng Việt Nam được thành lập với sự tham gia của tư sản Việt Nam, đầu tư vào khai thác mỏ, xí nghiệp, giao thông vận tải không quá 1% số tư bản Pháp đầu tư vào các ngành ấy ; số công nhân trong các xí nghiệp của tư sản Việt Nam chỉ chiếm khoảng 3% số công nhân cả nước.

Hàng ngũ tiểu tư sản đông đảo thêm với tầng lớp trí thức, viên chức, học sinh, thợ thủ công, dân nghèo thành thị.

Giai cấp phong kiến bao gồm bọn địa chủ và bộ máy vua quan, hào lí cũ được đế quốc Pháp dung dưỡng. Gồm khoảng 3 – 5% dân số, giai cấp phong kiến đã chiếm gần 50% diện tích ruộng đất.

Địa chủ thường cho thuê ruộng đất từng mùa, từng năm với một số hoa lợi hoặc một số tiền nhất định, người thuê ruộng chịu mọi sự rủi ro về thời tiết ; hoặc họ đem ruộng phát canh, đến ngày gặt hái, tá điền mời họ đến coi gặt và thu tô. Địa chủ thường kết hợp việc bóc lột tô với cho vay nặng lãi, đầu cơ thóc gạo, kinh doanh công thương nghiệp. Bọn địa chủ nông thôn nắm mọi quyền hành ở thôn xã.

thuongmaitr

?

– Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, trong xã hội Việt Nam có những giai cấp nào ?

– Hãy nêu lên những sự khác nhau về mặt kinh tế – xã hội giữa các giai cấp.

3. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và phong trào cách mạng thế giới

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thắng lợi năm 1917. Quốc tế cộng sản (Quốc tế III) ra đời năm 1919. Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết thành lập năm 1922.

Dưới ảnh hưởng của những sự kiện nói trên, Đảng Cộng sản được thành lập ở nhiều nước, thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới tiến lên mạnh mẽ.

Hoàn cảnh thế giới ấy đã phát huy ảnh hưởng thuận lợi đến phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam.

?

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, có những nhân tố gì mới trong phong trào cách mạng thế giới ?

2. Bối cảnh trong nước và trên thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã ảnh hưởng như thế nào đến phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam ?

Bài 2

HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI (1919 - 1925)

1. Nguyễn Ái Quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất tại Pháp

Từ giã nước nhà từ năm 1911 để đi tìm đường cứu nước, sau khi đã qua nhiều nơi ở Tây Âu, châu Phi và châu Mĩ ... Nguyễn Tất Thành trở lại Pa-ri (Pháp). Người làm nhiều nghề để kiếm sống. Người liên hệ với những người Việt Nam yêu nước đang ở Pháp như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường... Người tham gia Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp và trở thành người lãnh đạo chủ yếu của hội này. Người còn liên hệ với nhiều giới trong xã hội Pháp, nhất là với công nhân.

truongxua.vn

Năm 1919, bọn đế quốc thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp ở Vec-xai (gần Pa-ri) để phân chia quyền lợi. Thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước, Người gửi tới hội nghị bản yêu sách, kí tên Nguyễn Ái Quốc. Bản yêu sách đòi chính phủ Pháp ban bố các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Từ đó ba tiếng Nguyễn Ái Quốc thay cho Nguyễn Tất Thành, đi vào lịch sử như là biểu tượng về tinh thần yêu nước của nhân dân ta, đồng thời cũng thu hút sự chú ý theo dõi, đối phó của đế quốc Pháp.

Cũng vào thời gian này, thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga vang dội đến nước Pháp. Nhờ được đọc những bài viết của Lê-nin, những sách báo nói về Cách mạng tháng Mười và dự

những cuộc tranh luận về phong trào cách mạng thế giới, Người phát hiện được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chỉ có hướng theo con đường cách mạng do Mác – Lê nin vạch ra mới giải phóng được dân tộc Việt Nam. Từ đó, Người càng chủ động tham gia phong trào công nhân Pháp và đến cuối năm 1920, cùng với những chiến sĩ cách mạng chân chính người Pháp, Người tán thành chủ trương lập Đảng Cộng sản Pháp.

Hình 1 – Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua

Năm 1921, với sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng với những người yêu nước của các thuộc địa Pháp đang sống và hoạt động ở Pháp, thành lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc

địa. Người vừa là ủy viên thường trực Ban chấp hành Trung ương Hội, vừa là người chăm lo về mọi mặt cho tờ báo "Người cùng khổ", cơ quan ngôn luận của Hội.

Người thường xuyên viết bài cho báo "Người cùng khổ" và nhiều tờ báo tiến bộ khác, tố cáo tội ác của bọn thực dân ở các thuộc địa. Người còn phát biểu ở các cuộc hội họp, mít tinh nhằm tranh thủ sự thông cảm, sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Pháp đối với phong trào đấu tranh ở thuộc địa.

? – Em hãy thuật lại những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

2. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô và làm việc trong Quốc tế cộng sản

Giữa năm 1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đi Liên Xô. Người dự hội nghị Quốc tế nông dân họp tại Mat-xcơ-va từ ngày 1 đến 15-10-1923 và được bầu vào Ban chấp hành Quốc tế nông dân.

Sau đó, Người làm việc ở Quốc tế cộng sản, Người viết bài cho báo Sự thật của Đảng Cộng sản Liên Xô, cho tạp chí "Thư tín quốc tế" của Quốc tế cộng sản, trình bày những ý kiến của mình về cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.

Từ ngày 17-6 đến 18-7-1924, Quốc tế cộng sản họp Đại hội lần thứ năm, Nguyễn Ái Quốc tham dự đại hội với tư cách là đại biểu của Đảng Cộng sản Pháp. Tại Đại hội, Người trình bày tham luận nói rõ tầm quan trọng của cách mạng giải phóng dân tộc, mối quan hệ khăng khít giữa phong trào ấy với phong trào cách mạng của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm chiếm thuộc địa. Người kêu gọi sự giúp đỡ của giai cấp vô sản và các Đảng Cộng sản ở chính quốc đối với phong trào giải phóng dân tộc, đề ra nhiều biện pháp nhằm hướng phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa trở thành một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới.

Sau đại hội lần thứ năm của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc tham dự đại hội Quốc tế thanh niên cộng sản. Đại hội Quốc tế phụ nữ cộng sản, Đại hội Quốc tế công đoàn ...

Trong thời gian ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc dành nhiều công sức nghiên cứu những tác phẩm của Lê-nin, tìm hiểu những thành tựu và bài học kinh nghiệm trong buổi đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở đất nước Xô-viết.

? – Em hãy thuật lại những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô từ cuối năm 1923 đến cuối năm 1924.

3. Tác dụng của những hoạt động nói trên đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam

Từ người yêu nước chân chính, trải qua nhiều năm hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một chiến sĩ cộng sản. Bằng sự biến chuyển của bản thân, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra cho nhân dân Việt Nam con đường để tự giải phóng khỏi ách áp bức của đế quốc và phong kiến : đó là, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trên báo chí và qua những diễn đàn quốc tế, Người bước đầu truyền bá lí luận cách mạng mới về trong nước giác ngộ những người quan tâm đến vận mệnh của Tổ quốc, nhất là trong thanh niên, trí thức, học sinh ... Đồng thời, Người cũng bước đầu xây dựng mối liên hệ, tình đoàn kết quốc tế giữa phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng Pháp, phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa, phong trào cách mạng thế giới.

?

1. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp và Liên Xô trong thời gian 1919 – 1925 có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam ?

2. Công lao to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam là gì ?

Bài 3

CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG Ở TRONG NƯỚC
(sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến giữa những năm 20)

1. Phong trào dân tộc, dân chủ trong những năm 1919 - 1926

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, với sự phát triển của giai cấp tư sản và các tầng lớp tiểu tư sản thành thị (viên chức, thầy giáo, nhà văn, nhà báo, học sinh ...), phong trào đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ diễn ra khá sôi nổi.

Nhiều tổ chức chính trị được thành lập như Lập hiến, Phục Việt, Thanh niên cao vọng, Tâm tâm xã. Nhiều tờ báo tiến bộ được xuất bản như : *Chuông rạn, Người nhà quê, An nam trẻ, Thực nghiệp dân báo ...*

Những hoạt động có tiếng vang mạnh mẽ nhất lúc bấy giờ là vụ Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền Mec–lanh, vụ đòi thả Phan Bội Châu và vụ để tang Phan Châu Trinh.

Tháng 6–1924, toàn quyền Đông Dương là Mec–lanh sang Nhật và Trung Hoa, âm mưu câu kết với chính quyền phản động ở những nước ấy để phá hoại cách mạng Việt Nam. Tâm tâm xã giao cho Phạm Hồng Thái nhiệm vụ trừ khử tên thực dân đầu sỏ gian ác này. Phạm Hồng Thái dõi theo Mec–lanh trong cuộc hành trình của y. Biết được tin trên đường về, Mec–lanh sẽ ghé vào Sa Diện (Quảng Châu), Phạm Hồng Thái cải trang làm một phóng viên nhiếp ảnh trà trộn được vào khách sạn, nơi tổ chức đón tiếp. Phạm Hồng Thái ném một quả tạc đạn vào giữa buổi tiệc chiêu đãi Mec–lanh. Bốn tên thực dân Pháp chết, hai tên nữa bị thương nhưng Mec–lanh thoát được. Bị vây đuổi ráo riết, Phạm Hồng Thái nhảy xuống sông Châu Giang tự vẫn.

Cuộc mưu sát không thành nhưng hành động của Phạm Hồng Thái đã gây tiếng vang lớn ở trong và ngoài nước.

Phan Bội Châu là nhà yêu nước, hoạt động từ đầu thế kỉ XX. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Phan Bội Châu tiếp tục hoạt động ở

Trung Quốc. Giữa năm 1925, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt cóc ở Thượng Hải và bí mật đưa về nước, giam ở Hỏa Lò (Hà Nội). Thực dân Pháp ra sức bưng bít hành động này của chúng nhưng tin Phan Bội Châu bị bắt và bị giam vẫn lan ra ngoài. Phong trào đòi thả Phan Bội Châu dấy lên sôi nổi. Thực dân Pháp phải đưa cụ Phan ra xử công khai, với dự định sẽ thực hiện án tử hình mà trước đây chúng đã quyết định đối với cụ.

Trước vành móng ngựa, Phan Bội Châu đã hùng hồn tự bào chữa cho hoạt động cứu nước của mình. Những trạng sư bào chữa cũng lên tiếng bảo vệ cuộc đời trong sáng và hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu. Công chúng dự phiên tòa và khắp nơi trong nước rất sôi nổi phản đối việc xử án Phan Bội Châu. Thực dân Pháp phải giảm án xuống khổ sai chung thân nhưng làn sóng phản đối, đòi thả Phan Bội Châu vẫn sôi nổi trong cả nước, lan tận sang Pháp. Cuối cùng, thực dân Pháp phải tha bổng Phan Bội Châu nhưng buộc cụ phải sống ở Huế ; đấy là một hình thức giam lỏng cụ.

thuongmaitr

Cùng hoạt động với Phan Bội Châu vào đầu thế kỉ có Phan Châu Trinh. Khi vụ chống thuế ở Trung Kì xảy ra (1908), Phan Châu Trinh bị bắt và đày đi Côn Đảo. Được tha, cụ xin sang Pháp (1911). Sau nhiều năm hoạt động không đưa lại kết quả gì, cụ trở về nước, ở Sài Gòn, dự định tiếp tục hoạt động ở trong nước. Cụ diễn thuyết được mấy lần rồi bị bệnh mất ngày 24–3–1926. Cái chết đột ngột của Phan Châu Trinh khơi dậy mối cảm tình thương tiếc của nhân dân trong khắp cả nước. Tại Sài Gòn, đám tang đưa cụ về nơi an nghỉ cuối cùng đã lôi cuốn đến 14 vạn người đủ mọi tầng lớp xã hội. Nhiều nơi khác trong nước tổ chức lễ truy điệu bất chấp sự ngăn cấm của thực dân Pháp.

? – Nêu những nét chính của phong trào dân chủ trong những năm 1919 – 1925.

2. Phong trào công nhân (đến những năm 1925 - 1926)

Với chính sách tăng cường đầu tư, đẩy mạnh khai thác sau Chiến tranh thế giới thứ nhất của thực dân Pháp, số lượng công nhân Việt

Nam tăng lên nhanh chóng. Nhưng đời sống của họ vô cùng cơ cực, điều kiện lao động lại hết sức khắc nghiệt. Tình cảnh ấy đã khiến cho công nhân sớm vùng dậy đấu tranh. Họ tham gia vào những cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ, những vụ đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu, để tang Phan Châu Trinh. Họ phá giao kèo, bỏ việc trước thời hạn. Ngoài ra, trong thời gian 1919 – 1925, có đến 25 cuộc đấu tranh riêng biệt của công nhân đã nổ ra. Có tiếng vang nhất là những cuộc đấu tranh của công nhân ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương vào năm 1924 ; cuộc bãi công của công nhân xưởng sửa chữa và đóng tàu thủy ở Ba Son (Sài Gòn) năm 1925.

Phong trào đấu tranh của công nhân trong thời gian này tuy có sôi nổi nhưng thiếu tổ chức phối hợp, thiếu lãnh đạo, chưa thể hiện tính độc lập về chính trị của tổ chức công nhân.

? – Nêu những nét chính của phong trào công nhân từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến những năm 1925 – 1926.

uongxua.vn

3. Tính chất và ý nghĩa của phong trào đấu tranh trong thời gian này

Phong trào dân tộc, dân chủ cũng như phong trào công nhân trong thời gian này có tính chất quần chúng rộng rãi, thể hiện sự khát khao tự do, dân chủ, đòi cải thiện đời sống, một tinh thần yêu nước tích cực. Tuy nhiên, các phong trào đều có tính chất bồng bột, tự phát, chỉ nhằm những yêu cầu trước mắt, thiếu liên hệ với nhau. Mặc dù thế, phong trào đấu tranh trong thời kì này sẽ là mảnh đất thuận lợi cho sự nảy sinh và hoạt động của những tổ chức chính trị cao hơn sẽ xuất hiện trong thời gian tiếp theo.

?

1. Phong trào dân tộc, dân chủ và phong trào công nhân 1919 – 1925 có những ưu điểm và những hạn chế như thế nào ?

2. Tác dụng của những phong trào đó đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời gian tiếp theo ?

Bài 4

NHỮNG TỔ CHỨC CÁCH MẠNG MỚI ĐƯỢC THÀNH LẬP

1. Sự thành lập và hoạt động của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội

Cuối năm 1924, sau một thời gian làm việc và nghiên cứu ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc sang Quảng Châu (Trung Quốc). Người tập hợp những thanh niên Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở đây thành lập một tổ chức cách mạng mới là Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (tháng 6-1925). Hội tổ chức những lớp huấn luyện tại Quảng Châu. Nhiều thanh niên từ trong nước được bí mật gửi ra theo học rồi trở về hoạt động trong nước.

Những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc ở các lớp huấn luyện được tập hợp trong cuốn "Đường kách mệnh". Tác phẩm này nêu bật tầm quan trọng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tấm gương của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đối với cách mạng Việt Nam ; tác phẩm phân tích cho thấy động lực chính của cách mạng Việt Nam là công nhân và nông dân, do một đảng theo chủ nghĩa Mác – Lênin lãnh đạo. Tác phẩm còn nhấn mạnh đến mối quan hệ mật thiết giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, giữa các đoàn thể ở Việt Nam như thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông dân ... với những tổ chức quốc tế đồng dạng.

Từ năm 1926, Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội bắt đầu có cơ sở ở trong nước, đến năm 1929 phát triển mạnh. Tổng số hội viên của thanh niên vào năm 1929 khoảng 1000 người, hoạt động ở cả Trung, Nam, Bắc. Xung quanh các chi bộ của Thanh niên, tại nhiều nơi đã tổ chức công hội, nông hội ... Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội còn phát triển được cơ sở trong Việt kiều ở Thái Lan, Lào ...

? – Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội được thành lập và hoạt động như thế nào ?

2. Tân Việt cách mạng đảng (Tân Việt)

Trong phong trào dân tộc, dân chủ những năm 1925 – 1926, ở trong nước một tổ chức cách mạng bao gồm phần lớn là trí thức, học sinh yêu nước ... đã xuất hiện và đến ngày14-7-1928 lấy tên là Tân Việt cách mạng đảng. Tổ chức này đã nhiều lần vận động hợp nhất với Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội nhưng không đạt được kết quả. Tuy thế, Tân Việt vẫn cử người sang Quảng Châu theo học những lớp huấn luyện với tổ chức Thanh niên. Do đó trong chủ trương cách mạng của Đảng Tân Việt có nhiều điều thể hiện rõ ảnh hưởng của Thanh niên, ví như Đảng Tân Việt chủ trương liên hiệp toàn dân Việt Nam kết giao với các dân tộc bị áp bức, với giai cấp vô sản ở các nước tư bản, làm cách mạng quốc gia rồi làm cách mạng thế giới ; Đảng Tân Việt chú ý tuyên truyền vận động trong thanh niên, công nhân, nông dân... Nhiều đảng viên Tân Việt, trong quá trình phát triển đã chuyển sang tổ chức Thanh niên, khiến cho hàng ngũ Tân Việt ngày càng bị thu hẹp.

ruongxua.vn

? – Trong hoạt động của Đảng Tân Việt có những biểu hiện gì về mối quan hệ với Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ?

3. Việt Nam quốc dân đảng

Tiếp theo Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và Tân Việt cách mạng đảng, cuối năm 1927 đã xuất hiện một tổ chức cách mạng mới là Việt Nam quốc dân đảng. Việt Nam quốc dân đảng chủ trương dùng vũ lực đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập dân tộc, xây dựng một nước Việt Nam phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Địa bàn tổ chức của Đảng chủ yếu ở Bắc Bộ ; đảng viên phần nhiều thuộc tầng lớp tư sản, tiểu tư sản viên chức, hạ sĩ quan người Việt Nam trong quân đội Pháp, những người giàu có ở nông thôn. Lãnh tụ của Đảng là Nguyễn Thái Học.

Lúc bấy giờ, việc mộ phu cho các đồn điền cao su đang là một tai họa khủng khiếp đối với nông dân Bắc Kì. Tất cả các tổ chức chính trị đều lên tiếng phản đối. Việt Nam quốc dân đảng chủ trương ám sát

tên trùm mộ phu khét tiếng gian ác là Ba-danh để cảnh cáo. Vụ ám sát Ba-danh (tháng 2-1929) gây một sự náo động lớn trong dư luận của thực dân Pháp. Chính quyền thực dân tiến hành khủng bố, vây ráp, lùng bắt hàng trăm người thuộc các đảng phái chính trị bí mật. Việt Nam quốc dân đảng bị tổn thất nặng nề hơn cả vì trước đó, mật thám Pháp đã cài tay chân dò xét các tổ chức và mọi hoạt động của Đảng. Cơ sở của Việt Nam quốc dân đảng từ Nam chí Bắc gần như bị phá vỡ, những nhân vật chủ chốt của Đảng như Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu... bị truy nã ráo riết.

Trước tình hình nói trên, những người lãnh đạo Việt Nam quốc dân đảng chủ trương gấp rút chuẩn bị bạo động, với dự kiến cùng một lúc tiến công vào những đô thị lớn và những cứ điểm quân sự trọng yếu của thực dân Pháp. Cuộc khởi nghĩa nổ ra đầu tiên ở Yên Bái (9-2-1930). Quân khởi nghĩa chiếm được trại lính, giết một số sĩ quan Pháp, cướp vũ khí đạn dược. Nhưng quân địch vẫn làm chủ tỉnh lị, điều quân phản công lại. Nghĩa quân một phần bị tiêu diệt, một phần phải lẩn tránh vào rừng núi. Khởi nghĩa còn nổ ra ở một số nơi khác như Lâm Thao, Hưng Hóa (Phú Thọ), Vĩnh Bảo (Hải Dương), Phù Dực (Thái Bình), Kiến An ... nhưng đều nhanh chóng bị dập tắt. Thực dân Pháp đàn áp rất dã man : cho máy bay ném bom thiêu hủy hoàn toàn vùng Cổ Am (Hải Dương), giam cầm, đày ải hàng ngàn người, đưa lên đoạn đầu đài hàng chục người trong đó có Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Đoàn Trần Nghiệp ...

Khởi nghĩa Yên Bái là một trang oanh liệt trong lịch sử chống Pháp của nhân dân ta. Khởi nghĩa Yên Bái thất bại đánh dấu sự tan rã hoàn toàn của Việt Nam quốc dân đảng.

?

1. Khởi nghĩa Yên Bái nổ ra trong tình huống như thế nào ? Vì sao cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng thất bại ?

2. Hãy so sánh ba tổ chức : Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, Tân Việt cách mạng đảng và Việt Nam quốc dân đảng về mặt chủ trương và biện pháp cách mạng.

CHƯƠNG II

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 30

Bài 5

NHỮNG TỔ CHỨC CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐẦU TIÊN

1. Phong trào công nhân và phong trào yêu nước nửa sau thập niên 20

Từ khi những tổ chức cách mạng mới ra đời, phong trào cách mạng trong nước sôi nổi hẳn lên. Với hoạt động của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và Tân Việt, công nhân liên tục vùng dậy. Năm 1928 đã chứng kiến những cuộc bãi công ở khắp Bắc, Trung, Nam : tại miền Bắc,bãi công của công nhân lò bánh mì Hà Nội, thợ dệt lụa Nam Định ; tại miền Trung, bãi công của thợ nhà máy cưa Bến Thủy, của thợ máy và tài xế ga-ra bắc Trung Kì (Vinh) ; ở Nam Bộ, bãi công của công nhân hãng nước đá Sài Gòn, nhà in Poóc - tai (Sài Gòn), nhà máy xay gạo Chợ Lớn...

Cuộc đấu tranh có tiếng vang rộng nhất, sang đến tận Pa-ri là cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền Phú Riềng (tháng 9 - 1928). Ngoài chế độ lao động hà khắc, bọn chủ đồn điền ở đây còn thiết lập một nhà tù riêng, có phòng tối để giam cùm những công nhân mà chúng cho là loại cầm đầu, nguy hiểm. Bọn chủ và xu-vây-dăng (cai) Tây đánh công nhân rất ác. Nổi tiếng ác nhất là tên Mông-tây, đánh từ sáng đến tối gãy và hỏng hàng bó roi. Công nhân vô cùng căm phẫn, uống máu ăn thề, quyết "giết một thằng để làm khiếp vía những đứa khác". Ngày 20 -9 - 1928, như thường lệ Mông-tây đến điểm danh. Cứ mỗi lần đếm là hắn lại gõ roi song vào đầu một người. Chờ cho hắn đi sâu mãi vào

trong hàng, công nhân xông lên đánh lại. Mông-tây bị thương bỏ chạy, công nhân đuổi theo, mấy tên cai khác cũng chạy tán loạn. Tên chủ huy động lính da đen đến đàn áp. Hàng chục người chết, hàng trăm người bỏ trốn vào rừng nhưng cuối cùng cũng không thoát được.

Sang năm 1929, phong trào công nhân càng lên cao. Từ tháng 4 - 1929 đến tháng 4 - 1930 có 43 cuộc bãi công. Chống đánh đập, ngày làm 8 giờ, tăng lương, trả lương cho những ngày đình công ... trở thành khẩu hiệu đấu tranh của hầu hết các cuộc bãi công. Trong cuộc bãi công của công nhân lò nhuộm ở nhà máy dệt Nam Định (tháng 6 và 7 - 1929), công hội Nam Định đã rải truyền đơn giải thích : "Anh em thợ nhuộm bãi công vì quyền lợi của mình mà cũng là vì quyền lợi của tất cả những người bạn lao khổ như mình ...". Kêu gọi toàn thể công nhân ở Nam Định và các nơi khác hưởng ứng. Tổng công hội Bắc Kì cũng phát lời kêu gọi công nhân, quyên tiền ủng hộ và bãi công để bênh vực quyền lợi chung.

Song song với phong trào công nhân, phong trào của các tầng lớp xã hội khác cũng không kém phần sôi động. Tiếp sau những vụ đòi thả Phan Bội Châu, truy điệu Phan Châu Trinh lôi cuốn hàng vạn người năm 1925 - 1926, sang năm 1927, tại Huế, học sinh các trường Quốc học, Pen-lơ-ranh, Đồng Khánh bãi khóa ; tại Hà Nội những người lao động, học sinh, buôn bán nhỏ biểu tình chống tờ *Dân báo* đã thóa mạ những người chí sĩ yêu nước. Năm 1928, Nam Kì xôn xao với việc đàn áp vụ "Hội kín Nguyễn An Ninh". Nguyễn An Ninh là một trí thức yêu nước, du học ở Pháp về, viết báo và diễn thuyết đòi tự do, dân chủ. Bị bắt năm 1926 đến năm 1928 được thả ra. Nguyễn An Ninh tiếp tục hoạt động, đi vào quần chúng diễn thuyết, cổ động. Nguyễn An Ninh được nhân dân hưởng ứng khá đông. Nguyễn An Ninh lại bị bắt lần nữa cùng với hàng trăm người khác.

Vụ Nguyễn An Ninh còn đang chờ ngày ra tòa thì nhiều vụ khác lại xảy ra làm náo động dư luận cả nước, đặc biệt là vụ ám sát Ba-danh và cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

? – Nêu một vài sự kiện chứng minh sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước vào những năm cuối thập niên 20.

2. Những tổ chức cộng sản đầu tiên ra đời

Giữa lúc không khí chính trị trong nước đang sục sôi với những cuộc bãi công của công nhân và những hoạt động của các tầng lớp xã hội khác, với những vụ bắt bớ, vây ráp của chính quyền thực dân, Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội họp Đại Hội đại biểu toàn quốc ở Hương Cảng (từ 1 – 5 – 1929 đến 9 – 5 – 1929). Mở đầu đại hội, đoàn đại biểu Bắc Kì do Quốc Anh (Trần Văn Cung) dẫn đầu, đề nghị thành lập Đảng Cộng sản vì tổ chức Thanh niên không thể đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo trong tình hình mới. Đề nghị này không được đại hội chấp nhận. Đoàn đại biểu Bắc Kì bỏ đại hội ra về, tuyên bố li khai Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Tháng 6 – 1929, Đông Dương cộng sản đảng được thành lập ở Bắc Kì, phát truyền đơn ra mắt nhân dân. Không phải tất cả đảng viên Thanh niên đều trở thành đảng viên cộng sản như là một sự đổi tên đảng. Đảng viên Thanh niên phải được xét từng người một kết nạp vào Đông Dương cộng sản đảng. Ảnh hưởng của Đông Dương cộng sản đảng lan rộng nhanh chóng. Đến cuối năm 1929, Đảng đã có cơ sở, hệ thống ở khắp ba kì. Các tổ chức quần chúng của Đảng như Tổng công hội đỏ, nông hội đỏ, Thanh niên cộng sản đoàn, hội phụ nữ giải phóng được xây dựng. Báo chí bí mật của Đảng phát hành khá rộng. Đảng đã bắt đầu lãnh đạo một số cuộc đấu tranh của công nhân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, một lần nữa, công nhân Phú Riềng lại nổi dậy (cuối 1929 – đầu 1930), thu hút sự chú ý của dân chúng và báo chí.

Trước ảnh hưởng ngày càng mạnh của Đông Dương cộng sản đảng bộ phận còn lại của tổ chức Thanh niên, phần lớn ở Nam Kì, thành lập An Nam cộng sản đảng. Những người tiên tiến trong đảng Tân Việt, trước trào lưu cách mạng mới, cũng tự tách mình khỏi tổ chức cũ, thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Hình 2 – Trụ sở chi bộ cộng sản đầu tiên
(số nhà 5D Hàm Long Hà Nội)

Như thế, vào cuối năm 1929 đầu năm 1930, ở Việt Nam đã xuất hiện ba tổ chức cộng sản : Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn. Cả ba tổ chức đều đi vào công nhân, nông dân, trí thức yêu nước ... kết hợp lãnh đạo đấu tranh với tuyên truyền cho tổ chức mới.

? – Ba tổ chức cộng sản được thành lập trong tình hình cụ thể như thế nào ?

3. Ý nghĩa của sự xuất hiện những tổ chức cộng sản. Yêu cầu của tình hình mới

Sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam vào

những năm cuối của thập niên 20. Đặc biệt, giai cấp công nhân đã thể hiện sự giác ngộ về vai trò lãnh đạo của giai cấp mình đối với phong trào cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên, tình trạng chia rẽ về mặt tổ chức đang diễn ra trong hàng ngũ những người cộng sản. Một yêu cầu cấp thiết được đề ra là phải thống nhất những người cộng sản Việt Nam trong một đảng cộng sản duy nhất. Có như thế mới thống nhất được lực lượng quần chúng, đẩy sự nghiệp giải phóng dân tộc tiến lên.

?

1. Vì sao nói sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân và phong trào yêu nước ?

2. Vì sao sự thành lập một đảng cộng sản duy nhất trở thành một yêu cầu cấp thiết sau khi ba tổ chức cộng sản ra đời ?

uongxua.vn

Bài 6

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI (3 - 2 - 1930)

1. Hội nghị thành lập Đảng

Hội nghị đã họp đầu tháng 2 – 1930 tại Hương Cảng (Trung Quốc), dưới sự chủ tọa của Nguyễn Ái Quốc, đại diện của Quốc tế cộng sản. Các đại biểu đã phân tích tình hình và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam, thấy rõ sự cần thiết phải chấm dứt tình trạng chia rẽ và lập một đảng cộng sản thống nhất cho cả nước : Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3 – 2 – 1930). Hội nghị thông qua chính cương, sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Chính cương, sách lược vắn tắt trình bày một cách ngắn gọn những nội dung cơ bản của cách mạng Việt Nam. Hội nghị đã cử ra ban Chấp hành Trung ương lâm thời.

Nhân dịp này, Nguyễn Ái Quốc ra lời kêu gọi, báo tin sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, nêu bật ý nghĩa quan trọng của sự kiện này

và kêu gọi những người cách mạng Việt Nam gia nhập hàng ngũ đảng chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

? – Nguyễn Ái Quốc giữ vai trò như thế nào đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ?

2. Luận cương chính trị năm 1930

Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã dấy lên một cao trào cách mạng sôi nổi trong cả nước. Để thống nhất tư tưởng và hành động trong đảng nhằm nâng cao sức chiến đấu của đảng, tháng 10 – 1930, Trung ương Đảng đã họp hội nghị lần thứ nhất. Hội nghị thảo luận và thông qua Luận cương chính trị do Trần Phú, Tổng bí thư đầu tiên khởi thảo.

Luận cương xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đổ đế quốc Pháp làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập và xóa bỏ chế độ phong kiến, đem lại ruộng đất cho nông dân, tức là nhiệm vụ của một cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ (lúc bấy giờ gọi là cách mạng tư sản dân quyền). Sau khi hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ, cách mạng Việt Nam sẽ chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Hình 3 – Trần Phú

Lực lượng cách mạng chủ yếu là công nhân và nông dân do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nhằm tập hợp mọi lực lượng, Hội nghị quyết định thành lập mặt trận dân tộc thống nhất lấy tên là Hội phản đế đồng minh Đông Dương và tổ chức có quy củ hơn những đoàn thể quần chúng xung quanh Đảng như Công hội, Nông hội, Thanh niên cộng sản đoàn, Phụ nữ ...

Hội nghị còn quyết định đổi tên đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương nhằm thể hiện rõ hơn nữa mối liên hệ khăng khít giữa cách mạng ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

? – Những nội dung chính của Luận cương chính trị 1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương là gì ?

3. Ý nghĩa lịch sử của sự thành lập Đảng

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam mở đầu thời kì cách mạng Việt Nam do giai cấp công nhân lãnh đạo với một chính đảng thống nhất theo học thuyết Mác – Lênin.

Chính cương, sách lược vắn tắt và Luận cương chính trị 1930 vạch ra cho nhân dân ta một đường lối cách mạng đúng đắn, chấm dứt thời kì mò mẫm của cách mạng Việt Nam. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

truongxua.vn

Với những ý nghĩa như trên, sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

?

1. Quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra như thế nào ?
2. Vì sao nói sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam ?

Bài 7

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ NÔNG DÂN 1930 - 1931. XÔ VIẾT NGHỆ-TĨNH

1. Phong trào công nhân và nông dân 1930 - 1931

Từ năm 1929, một cuộc khủng hoảng lớn về kinh tế tàn phá nặng nề các nước tư bản. Cuộc khủng hoảng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế và đời sống nhân dân Việt Nam.

Sản xuất bị đình đốn, hàng hóa ế ẩm, nhiều xí nghiệp nhất là của tư sản Việt Nam và những người sản xuất nhỏ bị phá sản. Công nhân, viên chức bị sa thải ngày càng nhiều ; những người còn làm việc bị bớt lương và phải tăng giờ làm ; nạn thất nghiệp thường xuyên đe dọa. Nông dân cũng bị đói khổ, điêu đứng vì nạn khủng hoảng kinh tế.

Đã thế, tiếp sau những vụ biến động về chính trị như ám sát Ba-danh, khởi nghĩa Yên Bái ... thực dân Pháp thẳng tay khủng bố, đàn áp. Hàng vạn người bị bắt, bị kết án.

Trong tình hình ấy, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930) là một nguồn cổ vũ lớn đối với công nhân và nhân dân lao động. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nhân và nông dân trong cả nước liên tiếp vùng lên đấu tranh.

Ngày 1 - 5 - 1930, lần đầu tiên công nhân và nông dân Việt Nam kỉ niệm ngày Quốc tế lao động. Những truyền đơn, biểu ngữ đòi tăng lương, bớt giờ làm, bỏ đánh đập công nhân, hoãn thuế cho nông dân, kèm theo cả khẩu hiệu "Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại !" xuất hiện ở nhiều nơi trong nước : Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Biên Hòa, Sài Gòn ... Nông dân ở Tiền Hải biểu tình kéo xuống thị xã Thái Bình ; nông dân Cao Lãnh và Tân Phú biểu tình đòi hoãn thuế. Công nhân xe lửa Dĩ An (Sài Gòn), nhà đèn Chợ Lớn đình công. Tại Vinh, công nhân nhà máy diêm Bến Thủy đình công, biểu tình được nông dân mấy làng xung quanh thị xã Vinh sôi nổi hưởng ứng.

thuongmaitr

Sau ngày 1 – 5 – 1930, phong trào tiếp tục lên mạnh ở khắp nơi trong nước, nhất là Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Cao Lãnh, mãi đến giữa 1931 mới dịu đi.

? – Những điều kiện nào đã dẫn đến sự bùng nổ những cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân những năm 1930 – 1931 ?

2. Xô viết Nghệ-Tĩnh

Trong những năm 1930 – 1931, Nghệ-Tĩnh là nơi phong trào đấu tranh lên mạnh nhất.

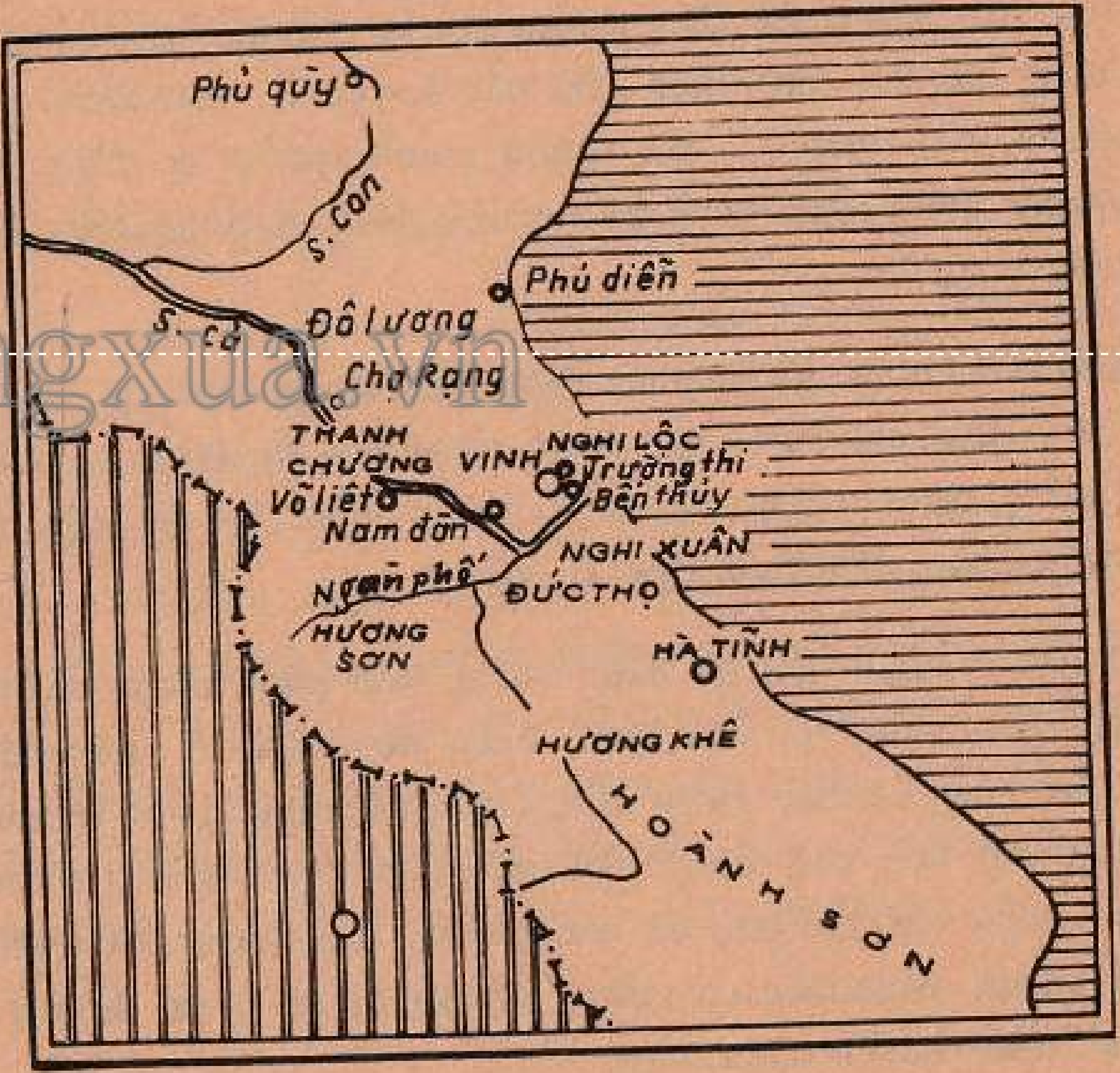

Hình 4 – Phong trào Nghệ–Tĩnh 1930 – 1931

Nhân kỉ niệm ngày Quốc tế lao động 1 – 5 – 1930, công nhân nhà máy diêm, nhà máy cưa Bến Thủy cùng hàng ngàn nông dân các vùng lân cận thị xã Vinh biểu tình, thị uy, giương cao khẩu hiệu : tăng tiền

lương, bớt giờ làm, giảm sưu thuế, thi hành luật lao động ... Cùng ngày hôm đó, hàng ngàn nông dân các huyện Thanh Chương, Can Lộc cũng biểu tình đòi giảm thuế thân, giảm tô, bỏ thuế chợ, thuế đò ...

Thực dân Pháp đàn áp dữ dội nhưng phong trào vẫn ngày càng lan rộng trong hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh.

Ngày 12 - 9 - 1930 hàng vạn nông dân huyện Hưng Nguyên xếp hàng dài mấy kilômét với cờ đỏ búa liềm dẫn đầu kéo về tỉnh lị Vinh đưa yêu sách. Chính quyền thực dân vừa cho binh lính đến đàn áp vừa cho máy bay ném bom vào đoàn biểu tình làm 217 người chết, 126 người bị thương. Nhưng phong trào đấu tranh của nông dân Nghệ-Tĩnh vẫn không hề lắng xuống. Suốt tháng 9 và tháng 10, nông dân lại tiếp tục nổi dậy đánh phá các huyện lị, đồn điền, trạm kiểm lâm, nhà ga, nhà giam ... Hệ thống chính quyền ở thôn xã của đế quốc, phong kiến nhiều nơi bị tan rã. Hào lí hoặc đầu hàng cách mạng hoặc bỏ trốn.

thuongmaitr

Để thay thế chính quyền phản động đã tan rã, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng, các ban chấp hành nông hội xã đứng ra quản lí mọi mặt đời sống chính trị và xã hội ở nông thôn. Đó là một hình thức chính quyền nhân dân theo kiểu xô viết.

Chính quyền nhân dân thi hành nhiều biện pháp nhằm cải thiện đời sống nhân dân : Bãi bỏ sưu thuế, hoãn nợ, chia lại ruộng đất công, giảm địa tô. Nạn cờ bạc rượu chè, trộm cắp, mê tín dị đoan .. giảm hẳn. Nhiều lớp học chữ quốc ngữ được tổ chức. Các tổ chức quần chúng như nông hội, hội phụ nữ giải phóng, đoàn thanh niên phản đế ... phát triển mạnh. Mỗi làng có những đội tự vệ võ trang để giữ gìn trật tự bảo vệ chính quyền cách mạng.

Giữa lúc Nghệ An, Hà Tĩnh đang sôi động với phong trào Xô viết, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam họp hội nghị lần thứ nhất (10 - 1930). Trung ương Đảng kêu gọi các nơi hưởng ứng và bảo vệ Xô viết Nghệ-Tĩnh. Khắp Trung, Nam, Bắc nhiều cuộc biểu tình của nông dân và bãi công của công nhân diễn ra liên tiếp.

Chính quyền đế quốc, phong kiến đã không từ một biện pháp nào để dập tắt phong trào cách mạng của quần chúng. Đi đôi với những thủ đoạn chia rẽ, dụ dỗ, mua chuộc, chúng cho quân đội, máy bay đi bắn giết, đốt phá, triệt hạ làng mạc

Nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng bị phá vỡ. Hàng vạn cán bộ, đảng viên, chiến sĩ cách mạng bị bắt, giết, tù đày.

Cho đến giữa năm 1931, thực dân Pháp mới khôi phục được trật tự phản động vùng nông thôn Nghệ An và Hà Tĩnh.

? – Em hãy trình bày diễn biến của Xô viết Nghệ–Tĩnh.

3. Ý nghĩa của phong trào công nhân và nông dân 1930 - 1931

Phong trào công nông 1930 – 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ–Tĩnh chứng minh rằng đường lối và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đã được quần chúng lao động nhiệt liệt hưởng ứng. Lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, công nông đã vùng lên như bão táp, áp đảo thế lực của chính quyền phản động ở nhiều vùng nông thôn. Cao trào cách mạng 1930 – 1931 khẳng định khả năng lãnh đạo cách mạng của Đảng cộng sản đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. "Tinh thần anh dũng của nó luôn luôn nồng nàn trong tâm hồn của chúng ta và nó đã mở đường cho thắng lợi về sau" (Chủ tịch Hồ Chí Minh).

?

1. Hãy giải thích lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân trong những năm 1930– 1931 ?

2. Em hãy sưu tập thơ, ca phản ánh tinh thần chiến đấu dũng cảm của nhân dân và chiến sĩ cách mạng trong phong trào Xô viết Nghệ–Tĩnh.

Bài 8

PHONG TRÀO DÂN TỘC, DÂN CHỦ 1936 - 1939

1. Phong trào chống chủ nghĩa phát xít của nhân dân thế giới, bảo vệ hòa bình và dân chủ

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đã tàn phá nặng nề nền kinh tế của các nước tư bản và làm cho mâu thuẫn xã hội ở những nước ấy hết sức gay gắt. Các đế quốc Đức, Italia, Nhật đã tìm lối thoát khỏi tình hình nguy ngập nói trên bằng việc thực hiện chủ nghĩa phát xít. Trong nước, bọn phát xít đàn áp cách mạng, thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ. Đối với nước ngoài, chúng chuẩn bị chiến tranh hòng chia lại thị trường thế giới.

Trước nguy cơ phát xít đang đe dọa nhân loại, Đại hội lần thứ 7 của Quốc tế cộng sản (tháng 7 – 1935) quyết định thành lập ở mỗi nước Mặt trận nhân dân nhằm tập hợp các lực lượng tiến bộ chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ dân chủ và hòa bình thế giới.

Tại Pháp, trong cuộc tổng tuyển cử năm 1936, Mặt trận nhân dân giành được thắng lợi lớn, lên nắm chính quyền. Chính phủ do Mặt trận nhân dân Pháp làm hậu thuẫn ban bố nhiều chính sách tự do dân chủ, lệnh ân xá ... áp dụng cho cả các thuộc địa.

? – Vì sao chống phát xít trở thành nhiệm vụ chung của nhân dân thế giới ?

2. Phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam những năm 1936 - 1939

Nhằm phối hợp với phong trào nhân dân thế giới chống phát xít, Đảng Cộng sản Đông Dương vận động thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương để tập hợp mọi lực lượng tiến bộ chống bọn thực dân phản động Pháp, đòi ban hành những quyền tự do dân chủ, luật lao động, ân xá chính trị phạm, cải thiện đời sống nhân dân, chống phát xít, bảo vệ hòa bình thế giới. Như thế, trong tình hình mới, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương tạm gác nhiệm vụ đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến.

Lúc bấy giờ, chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp dự định cử một phái đoàn sang điều tra tình hình ở Đông Dương. Đảng phát động ở Nam Kì một phong trào công khai chuẩn bị một cuộc đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương với nội dung hoạt động là thu thập nguyện vọng của mọi tầng lớp xã hội, của nhân dân lao động để trình bày cho phái đoàn sắp sang. Hàng trăm Ủy ban hành động được thành lập. Phong trào nhanh chóng lan ra ở Trung Kì và Bắc Kì. Bọn phản động thuộc địa tìm mọi cách phá hoại. Đông Dương đại hội không họp được nhưng công cuộc chuẩn bị đã dấy lên một phong trào đòi quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống.

Sách báo đóng một vai trò quan trọng lúc bấy giờ. Nhiều tờ báo tiến bộ do Đảng chủ trương hoặc chịu ảnh hưởng của Đảng được xuất bản công khai. Một số sách và tài liệu phổ biến những điều sơ đẳng về chủ nghĩa Mác – Lênin, về đường lối chính sách mới của Đảng được lưu hành khá rộng rãi. Hội truyền bá chữ Quốc ngữ hoạt động mạnh. Nhiều thanh niên có học thức tự nguyện đi vào quần chúng lao động, mở lớp học không lấy tiền để thanh toán nạn mù chữ, phổ biến kiến thức khoa học ... Với sự hướng dẫn của các tổ chức Đảng, nhiều tổ chức nửa công khai như nghiệp đoàn, hội ái hữu, hội tương tế ... được thành lập.

Phong trào đấu tranh của quần chúng lên rất cao. Nông dân khắp nơi liên tiếp biểu tình đòi bỏ thuế thân, giảm các thứ thuế khác, chia công điền, chống đi xâu ... Công nhân ở các đồn điền Dầu Tiếng, Phú Riềng, mỏ than Cẩm Phả, Hòn Gai, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy xe lửa Trường Thi, nhiều xí nghiệp lớn ở Hà Nội, Sài Gòn bãi công, biểu tình với khẩu hiệu đòi tăng lương, bớt giờ làm, chống đánh đập, chống dùng trẻ em dưới 10 tuổi, chống việc bắt phụ nữ làm ca đêm ... Năm 1938, kỉ niệm ngày Quốc tế lao động 1 – 5, tại Hà Nội, 25000 người thuộc 25 đoàn thể quần chúng theo hàng ngũ chỉnh tề với băng, biểu ngữ ... kéo về quảng trường nhà Đấu Xảo (khu vực Cung văn hóa lao động hữu nghị Việt – Xô ngày nay) họp mít tinh, nêu cao những yêu cầu về tự do dân chủ, cải thiện đời sống.

Từ cuối năm 1938, nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới ngày càng xích lại gần. Tại Đông Dương, bọn thực dân phản động Pháp

trỗi dậy, ngăn cấm những hoạt động chống đối, khủng bố những chiến sĩ trong phong trào dân tộc, dân chủ. Phong trào đấu tranh công khai thu hẹp dần và chấm dứt hẳn khi Chiến tranh thế giới thứ hai xảy ra.

Hình 5 – Cuộc mít tinh ở Đấu Xảo, Hà Nội

? – Phong trào dân tộc, dân chủ (1936 – 1939) đã diễn ra như thế nào ? Có những đặc điểm gì ?

3. Kết quả và ý nghĩa của phong trào

Qua phong trào dân tộc, dân chủ trong những năm 1936 – 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã thể hiện năng lực vận dụng một chính sách mặt trận đúng đắn để tập hợp rộng rãi các lực lượng yêu nước, tiến bộ, tiến hành đấu tranh theo những mục tiêu do Đảng nêu ra.

Phối hợp hình thức công khai hợp pháp với hình thức bí mật, Đảng đã tuyên truyền rộng rãi đường lối chính sách của Đảng, lấy đó làm nội

dung giáo dục quần chúng tổ chức quần chúng, làm cho vai trò lãnh đạo của Đảng càng được củng cố.

Phong trào dân tộc, dân chủ những năm 1936 – 1939 thực sự đã chuẩn bị thêm một bước về lực lượng quần chúng, về cán bộ cách mạng, về kinh nghiệm đấu tranh cho thời kì tiếp theo.

?

1. Phong trào dân tộc, dân chủ những năm 1936 – 1939 đã đem lại kết quả như thế nào cho thời kì đấu tranh tiếp theo ?
2. Phong trào dân tộc dân chủ 1936 – 1939 và cao trào công nông 1930 – 1931 có những điểm gì khác nhau ?

CHƯƠNG III

CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1939 - 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

uongxua.vn

Bài 9

CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939 -1945)

I - NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA ĐẦU TIÊN TRONG THỜI GIAN CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1. Việt Nam trong thời kì đầu của Chiến tranh thế giới thứ hai

Tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ ở châu Âu. Pháp cùng với Anh là một bên tham chiến. Tại Viễn Đông, bọn phát

xít Nhật mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc và ngày càng đe dọa Đông Dương. Để đảm bảo nền an ninh phản động tại Đông Dương và phục vụ chiến tranh ở chính quốc, chính quyền Pháp tại Đông Dương thẳng tay đàn áp cách mạng, bắt phu, bắt lính, vơ vét nguyên vật liệu chở sang Pháp.

Hình 6
Nguyễn Văn Cừ

Vào trận chưa được bao lâu, quân đội Pháp đã bị tan rã trước sự tấn công chớp nhoáng của phát xít Đức, chính phủ Pháp phải đầu hàng (tháng 6 năm 1940) ; một chính phủ bù nhìn tay sai của Đức được dựng lên.

Lợi dụng sự thất bại của đế quốc Pháp, phát-xít Nhật yêu cầu chính quyền thực dân ở Đông Dương để cho chúng kiểm soát biên giới Việt – Trung và đưa quân vào Đông Dương. Từ cuối tháng 9-1940, quân đội Nhật bắt đầu kéo vào Đông Dương và ngày càng mở rộng sự chiếm đóng.

Từ đây, nhân dân Việt Nam bị cảnh một cổ đôi tròng. Từ thuộc địa của Pháp, Việt Nam trở thành thuộc địa của Nhật – Pháp.

?

–Trong những điều kiện như thế nào Việt Nam trở thành thuộc địa của Nhật –Pháp ?

2. Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương

Từ sau thất bại ở chính quốc, thực dân Pháp ở Đông Dương đã chấp nhận những yêu sách của phát xít Nhật. Để làm áp lực buộc thực

dân Pháp phải hoàn toàn khuất phục, cuối tháng 9 – 1940, quân Nhật từ Quảng Tây (Trung Quốc) tấn công vào Lạng Sơn. Quân đội Pháp tháo chạy tán loạn, dự định qua đường Bắc Sơn rút về Hà Nội. Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tại Bắc Sơn đã kịp thời phát động nhân dân địa phương vùng dậy tước khí giới của quân Pháp đang tháo chạy (27 – 9 – 1940). Quân khởi nghĩa tiến đánh Mỏ Nhài, Bình Gia, giải tán chính quyền phản động, tổ chức bảo vệ an ninh, trật tự trong vùng. Tiếp đấy, quân khởi nghĩa đánh chiếm Vũ Lăng. Trước khí thế tiến công của nghĩa quân, phát xít Nhật và chính quyền phản động Pháp vội vàng thỏa hiệp với nhau, dàn xếp nhanh chóng sự kiện Lạng Sơn. Được tạm yên với Nhật, thực dân Pháp tập trung sức đàn áp quân khởi nghĩa Bắc Sơn. Một bộ phận nghĩa quân đã rút vào vùng rừng núi, tạo thành những hạt nhân đầu tiên của chiến tranh du kích do Đảng Cộng sản lãnh đạo sau này.

Trong khi khởi nghĩa bùng lên ở Bắc Sơn thì tại Nam Kì, phong trào chống động viên, bắt lính diễn ra sôi nổi. Lúc bấy giờ, được sự hậu thuẫn của phát xít Nhật, Thái Lan đòi thực dân Pháp cắt giao cho mình vùng đất ở phía tây bắc Biển Hồ của Campuchia và vùng đất của Lào ở bờ phải sông Mê Công. Nhiều đơn vị lính Việt Nam đã bị thực dân Pháp đẩy đến vùng biên giới để chống nhau với quân Thái Lan. Lòng căm phẫn tràn ngập trong số binh lính người Việt còn đóng tại Sài Gòn, họ quyết định khởi nghĩa. Quyết định này được Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tại Nam Kì ủng hộ vì từ tháng 6 năm 1940, đảng bộ đã tích cực chuẩn bị khởi nghĩa. Đảng bộ vạch kế hoạch hành động trên toàn bộ Nam Kì, phối hợp hoạt động của binh lính với sự vùng lên của công nhân và nông dân.

Thời gian khởi nghĩa là đêm 22 rạng ngày 23 – 11 – 1940. Nhưng trước đó một ngày, kế hoạch khởi nghĩa bị lộ, Thực dân Pháp lập tức đối phó. Một mặt lùng bắt những người cầm đầu, một mặt tước khí giới binh lính người Việt và nhốt chặt trong trại. Cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn – Chợ Lớn, mà chủ lực quân là binh lính, bị bóp nghẹt nhưng tại các tỉnh khác như Gia Định, Tân An, Mĩ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bạc Liêu, Sóc Trăng ... nghĩa quân vẫn vùng lên theo ngày định. Nhiều

đồn bốt và châu quận bị tấn công. Nhiều quãng đường giao thông bị phá hoại. Tại nhiều vùng, chính quyền nhân dân và tòa án cách mạng được thành lập. Trong cuộc khởi nghĩa này, lần đầu tiên, lá cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện ở Nam Kì.

Thực dân Pháp đàn áp rất dã man. Nhiều làng mạc bị ném bom triệt hạ, có thôn xóm không còn một ai sống sót. Nhà tù, trại giam không chứa hết người bị bắt, thực dân Pháp nhốt cả vào những chiếc tàu hỏng hoặc xà lan ở giữa sông. Xiềng xích cũng không đủ, chúng dùng dây thép gai xâu qua bàn tay, hoặc bắp chân của đàn ông đàn bà, trẻ em giam giữ một chỗ hoặc ném xuống sông. Đảng bị tổn thất nặng nề nhưng một số cán bộ và quần chúng thoát được đã rút vào rừng, chờ cơ hội trở lại hoạt động.

Dư âm của cuộc khởi nghĩa Nam Kì chưa tan hẳn thì tại Nghệ An, ngày 13 – 1 – 1941, binh lính ở đồn Chợ Rạng dưới sự chỉ huy của Đội Cung (Nguyễn Văn Cung) đã vùng dậy chiếm đồn rồi tiến đánh Đô Lương. Họ dùng súng và xe cướp được kéo về Vinh, dự định sẽ kêu gọi binh lính ở đấy cùng nổi dậy chiếm thành. Nhưng kế hoạch không thực hiện được. Đội Cung cùng một số đồng đội bị bắt và bị xử tử.

? – Nêu những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì, và cuộc binh biến Đô Lương.

3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm

Chỉ trong hơn một năm đầu của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân Việt Nam đã ba lần vùng dậy khởi nghĩa vũ trang. Tình hình ấy chứng minh rằng nền thống trị của thực dân phản động Pháp và bước đầu xâm nhập của phát xít Nhật đã nung nấu thêm lòng căm thù bè lũ đế quốc và nguyện vọng giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Tình hình ấy nói lên khả năng giải phóng dân tộc bằng khởi nghĩa vũ trang. Tất cả các cuộc khởi nghĩa và binh biến đều thất bại nhưng đã nêu lên một bài học kinh nghiệm quý báu là cuộc khởi nghĩa muốn thắng lợi

phải được toàn dân chuẩn bị cả về chính trị lẫn vũ trang và nổ ra đúng thời cơ.

?

1. Phân tích nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương.

2. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của những cuộc khởi nghĩa và binh biến nói trên.

II - VIỆT NAM ĐỘC LẬP ĐỒNG MINH VÀ CÔNG CUỘC CHUẨN BỊ CHO CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Nhân dân Việt Nam dưới hai tầng áp bức của Nhật - Pháp

Sự câu kết giữa Nhật và Pháp, từ sau khi quân Nhật kéo vào Đông Dương, đè nặng lên đời sống của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam.

Chính quyền thực dân Pháp phải cung cấp lúa gạo và giấy bạc Đông Dương cho quân đội chiếm đóng Nhật với số lượng mỗi năm một tăng. Nạn lạm phát trở nên trầm trọng khiến cho giá cả tăng vọt. Các vật liệu khác cần cho chiến tranh như xi măng, than đá, các loại dầu ... phát xít Nhật cũng buộc Pháp phải cung cấp. Thậm chí khi Nhật yêu sách bao bì và dầu, thực dân Pháp đã bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay, lạc, thầu dầu ...

Ngoài việc cung đốn cho Nhật, thực dân còn lo vơ vét riêng cho chúng. Thuế má tăng. Lúa gạo bị cưỡng bức giao nộp. Không kể được mùa hay mất mùa, mỗi địa phương chiếu theo diện tích, phải bán cho chính quyền thực dân một số thóc nhất định theo giá rẻ mạt so với thị trường. Nhiều nơi mất mùa phải đi mua thóc với giá gấp 2, 3 lần để nộp cho đủ số quy định.

Đi đôi với những thủ đoạn bóc lột tàn khốc về kinh tế, thực dân Pháp tiếp tục chính sách đàn áp cách mạng : tù đày, giam cầm tất cả những người bị nghi ngờ, kiểm duyệt gắt gao những sách báo tiến bộ. Mặt khác chúng lại giở những trò lừa bịp, mị dân. Chúng tung ra những

khẩu hiệu "Cách mạng quốc gia", "Pháp – Việt phục hưng", "Đoàn kết và khỏe để phụng sự". Chúng cho hát những bài ca khích lệ tinh thần yêu nước, cho kỉ niệm những anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Lê Lợi. Chúng còn khuấy động một phong trào thanh niên, lôi cuốn thanh niên vào những hoạt động thể thao, thể dục để nhằm tách họ khỏi ảnh hưởng của những hoạt động cách mạng.

Còn bọn phát xít Nhật, trong khi câu kết chặt chẽ với Pháp cũng giở những trò lừa bịp, mị dân. Chúng tung ra luận điệu là với sự giúp đỡ của Nhật, nhân dân Việt Nam sẽ giành lại độc lập dân tộc, cùng với các dân tộc châu Á khác chống lại sự thống trị của người da trắng và xây dựng khối thịnh vượng chung của vùng Đại Đông Á. Chúng còn xuất bản sách học tiếng Nhật, mở lớp dạy tiếng Nhật, ra báo chí, chiếu phim ảnh tuyên truyền cho sức mạnh của Nhật.

Nhưng cả Pháp lẫn Nhật đều không thể che lấp nổi thực tế khốn quẫn của đời sống xã hội.

Vì thiếu nguyên liệu, vì máy bay Mĩ bắn phá, nhiều nhà máy, nhiều xí nghiệp phải giảm bớt hoặc ngừng hẳn hoạt động. Một số khá đông công nhân bị mất việc làm. Số còn lại phải chịu cảnh bớt lương, tăng giờ làm, cúp phạt ... và nơm nớp lo sợ nạn sa thải. Giá cả sinh hoạt lại không ngừng tăng lên nên phần lớn đã phải "bữa cháo, bữa cơm".

Với nạn thu thóc, nạn nhổ lúa trồng đay, thầu dầu ... rồi mưa bão lớn xảy ra năm 1944, đời sống nông dân, nhất là ở miền Bắc, càng khốn đốn hơn. Từ năm 1943, nạn đói đã xảy ra ở miền Bắc, sang năm 1944 trở nên trầm trọng. Số người phải bỏ làng đi lang thang xin ăn ngày càng đông, thây người chết đói rải khắp đường từ làng quê đến thành thị vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Viên chức, tiểu thương, tiểu chủ, những người làm nghề tự do ..., hầu hết đều lâm vào cảnh thiếu thốn. Ngay cả một số tư sản, địa chủ cũng bị sa sút.

Cả nước Việt Nam như một đống cỏ khô, chỉ một tàn lửa nhỏ cũng có thể làm bùng lên đám cháy lớn thiêu đốt cả bè lũ xâm lược và tay sai.

? – Những thủ đoạn thống trị của Pháp – Nhật đã ảnh hưởng như thế nào đến đời sống của nhân dân ta từ khi quân Nhật vào Đông Dương ?

2. Việt Nam độc lập đồng minh ra đời, tập hợp nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc

Tháng 5 năm 1941, tại Pác Bó (Cao Bằng), Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp dưới sự chủ tọa của Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài mới về. Hội nghị đã quyết định đặt lên hàng đầu nhiệm vụ đánh đuổi Nhật, Pháp, giành lại độc lập dân tộc và tạm gác khẩu hiệu "Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày". Hội nghị chủ trương thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất mới lấy tên là Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Việt Minh sẽ tổ chức tất cả những người yêu nước vào những hội cứu quốc như Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc ... Hội nghị còn quyết định gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang để khi thời cơ đến, cùng toàn dân đã được tập hợp trong Việt Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát động tổng khởi nghĩa, giành lấy chính quyền.

tuongxua.vn

Kết hợp việc chuẩn bị cho nhiệm vụ lâu dài với việc bảo vệ quyền lợi hàng ngày cho nhân dân, Việt Minh sẽ tổ chức nhân dân đấu tranh chống đi phu, đi lính, chống thu thóc, giảm giờ làm, tăng tiền lương ...

Cơ sở của Việt Minh phát triển nhanh chóng trong khắp cả nước, ở miền đồng bằng lẫn miền rừng núi, ở nông thôn và thành thị. Đặc biệt tại Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, được sự chỉ dẫn trực tiếp của Hồ Chí Minh (tức Nguyễn Ái Quốc) trong một thời gian ngắn, Việt Minh đã xây dựng cơ sở từ xã đến tỉnh rồi lập Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng.

Về mặt vũ trang, những đội du kích của khởi nghĩa Bắc Sơn đã từ miền biên giới, trở lại hoạt động, khôi phục được căn cứ địa Bắc Sơn – Vũ Nhai và thống nhất thành đội Cứu quốc quân. Đến cuối năm 1943, những hoạt động "vũ trang tuyên truyền" của Việt Minh lan rộng trên mấy tỉnh vùng thượng du phía bắc sông Hồng. Ngày 22 – 12 – 1944, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng ra đời, trách nhiệm chỉ huy được giao cho Võ Nguyên Giáp. Chỉ sau hai ngày thành lập, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã hạ được hai đồn giặc là Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng) làm kẻ địch hoang mang, lo sợ và cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng.

Trong khi những hoạt động vũ trang đang phát triển ở vùng thượng du thì ở các thành thị và vùng đồng bằng, phong trào đấu tranh cũng lên rất cao. Nông dân nhiều nơi họp mít tinh chống tăng thuế, chống bắt phu, chống khủng bố, chống cướp thóc. Có nơi nông dân đã dùng giáo mác, gậy gộc, liềm hái biểu tình, vây chặt bọn tay chân của Nhật – Pháp và ngay cả bọn lính Nhật để chống thu thóc, chống nhổ lúa, ngô, trồng đay, trồng lạc. Tại các thành phố, những cuộc bãi công của công nhân đòi tăng lương, chống đánh đập... thường xuyên xảy ra.

?

– Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5–1941 đã có những chủ trương mới như thế nào về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam ?

– Việt Minh ra đời làm cho phong trào cách mạng nước ta phát triển ra sao ?

3. Cao trào chống Nhật, tiến tới tổng khởi nghĩa

Pháp và Nhật câu kết với nhau thống trị nhân dân Đông Dương nhưng luôn luôn chờ cơ hội gạt bỏ nhau vì chúng như hai con thú dữ không thể cùng chung nhau một miếng mồi. Vào đầu năm 1945, bọn phát xít ở mặt trận châu Âu cũng như ở châu Á liên tiếp bị thất bại, ngày diệt vong của chúng đã rõ ràng. Thực dân Pháp tại Đông Dương ngóc đầu dậy, chuẩn bị công việc chống Nhật. Về phía phát xít Nhật, chúng cũng hiểu đã đến lúc không thể duy trì chính quyền thực dân

Pháp để làm tay sai được nữa. Đêm 9-3-1945, quân Nhật nổ súng tiến công, quân Pháp tan rã nhanh chóng trên khắp chiến trường Đông Dương.

Lật xong Pháp, phát xít Nhật tuyên bố "Việt Nam độc lập", duy trì hoàng đế bù nhìn Bảo Đại, đưa Trần Trọng Kim làm Thủ tướng, nhưng mọi việc đều do "cố vấn tối cao" người Nhật định đoạt...

Ngay sau biến cố Nhật hất cẳng Pháp, Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh đã phát động cao trào chống Nhật cứu nước, chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Tại vùng thượng du và trung du, chiến tranh du kích được đẩy mạnh, đánh phá các đường giao thông quan trọng, các đồn lẻ, cướp khí giới, diệt trừ Việt gian. Tháng 5-1945, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân hợp nhất thành Việt Nam giải phóng quân. Việt Nam giải phóng quân đã nhiều lần phục kích, giáng cho quân đội Nhật những thất bại nặng nề. Đến tháng 6-1945, hầu như toàn bộ sáu tỉnh phía bắc sông Hồng (Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên) được hoàn toàn giải phóng. Khu giải phóng Việt Bắc ra đời, trở thành một căn cứ địa cách mạng vững chắc cho cả nước ; một hình ảnh của nước Việt Nam độc lập, tự do đang hình thành.

Trong khi ấy, tại các nhà lao ở Bắc, Trung, Nam, nhiều chiến sĩ cộng sản bị tù đã vượt ngục, tổ chức nhân dân quanh vùng, chuẩn bị khởi nghĩa. Đặc biệt, tại Ba Tơ (Quảng Ngãi), tù chính trị đã nổi dậy, đánh chiếm đồn giặc, lập chính quyền cách mạng và tổ chức đội du kích Ba Tơ.

Tại vùng đồng bằng Bắc Bộ và bắc Trung Bộ, nạn đói lan tràn dữ dội. Nhiều làng chết một phần ba, một nửa số dân. Dưới sự hướng dẫn của Việt Minh, nông dân tổ chức đánh phá các kho thóc, các đoàn xe chở lương thực của giặc Nhật, chia cho dân cứu đói.

Tại Hà Nội, mỗi xí nghiệp đều có hội công nhân cứu quốc, nhiều nơi có đội tự vệ. Biểu tình, diễn thuyết thường xuyên xảy ra trên đường phố, ở trường học, nhà máy, các cửa ô. Ở Huế, nhiều cơ sở Đảng

được phát triển trong công nhân, những người buôn bán nhỏ, trong học sinh. Tại Sài Gòn, hội công nhân cứu quốc đạt đến con số 120 000 hội viên. Tại Sài Gòn, Việt Minh còn tranh thủ được sự đồng tình của Thanh niên tiền phong, một tổ chức thanh niên rộng lớn, công khai xuất hiện ở Nam Bộ sau ngày Nhật hất cẳng Pháp.

Cao trào chống Nhật cứu nước biến thành cao trào tiền khởi nghĩa, lan rộng nhanh chóng trong cả nước.

?

1. Nêu những nét chính của cao trào chống Nhật, cứu nước tiến tới tổng khởi nghĩa sau khi Nhật hất cẳng Pháp.

2. Chứng minh rằng với việc thành lập Mặt trận Việt Minh, Đảng ta đã khẩn trương chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa.

Bài 10

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 THẮNG LỢI. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI

thuongmait

I - TỔNG KHỞI NGHĨA HOÀN TOÀN THẮNG LỢI

1. Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố

Giữa lúc cao trào chống Nhật cứu nước đang diễn ra như vũ bão ở Việt Nam thì tại châu Âu, phát xít Đức bị thất bại hoàn toàn, đã chấp nhận đầu hàng không điều kiện (Tháng 5–1945) ; và tại châu Á, ngày 14–8–1945, chính phủ Nhật cũng tuyên bố đầu hàng.

Thời cơ cách mạng đã đến. Từ ngày 13 đến 15–8–1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Tân Trào, tham dự có đại biểu của các Đảng bộ Trung, Nam, Bắc, và đại biểu kiều bào ở nước ngoài. Hội nghị đã khẳng định : "Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới. Tình thế vô cùng khẩn cấp..." Hội nghị nêu bật yêu cầu phải tập trung lực lượng thống nhất hành động, kịp thời hành động để

thực hiện mục đích là giành quyền độc lập hoàn toàn. Một Ủy ban khởi nghĩa được thành lập và mệnh lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố.

Hình 7
Cây đa Tân Trào

Liền sau hội nghị toàn quốc của Đảng, Quốc dân đại hội do Việt Minh triệu tập họp trong hai ngày 16 và 17-8-1945 đã hiệu triệu nhân dân toàn quốc "giành chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập". Đại hội thông qua việc thành lập Ủy ban khởi nghĩa và bầu Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam (làm nhiệm vụ như chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Đúng lúc khai mạc Quốc dân đại hội (14 giờ ngày 16 - 8 - 1945), dưới quyền chỉ huy của Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa, Giải phóng quân xuất phát từ căn cứ địa Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

? –Lệnh Tổng khởi nghĩa được quyết định trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào ?

2. Khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn

Hà Nội là một trong những nơi mà cao trào chống Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi nhất. Ngày 15 - 8 - 1945, mệnh lệnh khởi nghĩa từ Tân Trào được truyền đến Hà Nội, càng cổ vũ mạnh mẽ hơn nữa công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa cướp lấy chính quyền. Diễn thuyết, mít tinh, biểu tình có vũ trang diễn ra liên tiếp ; truyền đơn, biểu ngữ xuất hiện ở

khắp nơi. Đại diện của chính quyền bù nhìn tại Bắc Kì là khâm sai Phan Kế Toại xin từ chức.

Ngày 19 – 8 – 1945, từ sáng sớm, quần chúng cách mạng và tự vệ cứu quốc, theo đội ngũ chỉnh tề, từ mọi ngả đường, kéo về quảng trường Nhà hát thành phố dự cuộc mít tinh do Việt Minh tổ chức. Cả Hà Nội vùng lên trong rừng cờ đỏ sao vàng và trong tiếng hô vang dội những khẩu hiệu :

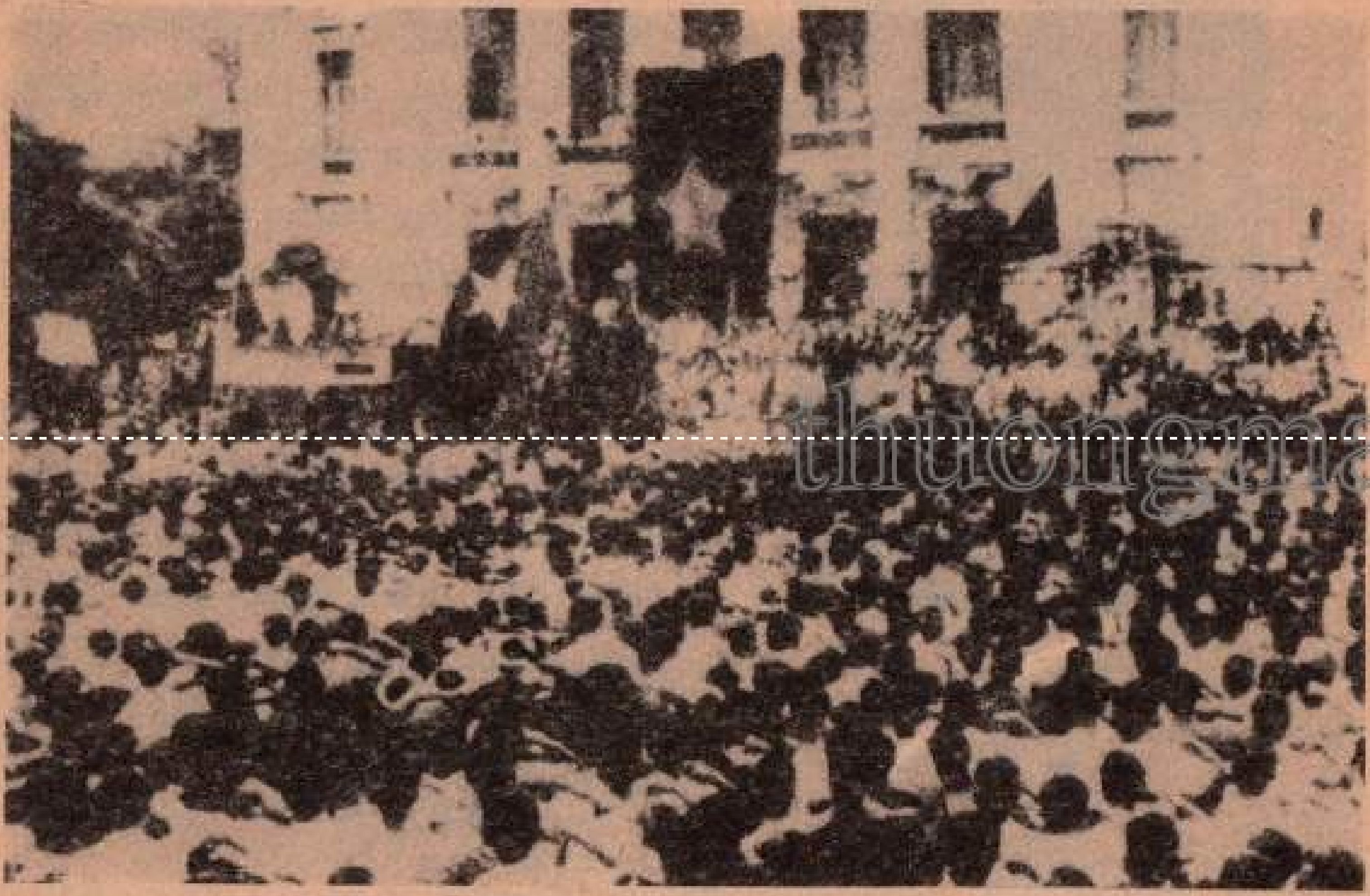

Hình 8 – Cuộc mít tinh ở nhà Hát lớn, Hà Nội

– Đả đảo chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim !

– Thành lập Chính phủ cộng hòa dân chủ Việt Nam !

– Việt Nam hoàn toàn độc lập !

Ngay sau cuộc mít tinh, quần chúng cách mạng có các đơn vị tự vệ chiến đấu đi đầu, chia thành nhiều đoàn nhanh chóng chiếm Phủ khâm sai, Trại bảo an binh, Sở cảnh sát, các công sở của chính quyền bù

nhìn. Cán bộ Việt Minh còn dùng điện thoại ở Phủ khâm sai báo cho chính quyền bù nhìn ở Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định tin thắng lợi của khởi nghĩa tại Hà Nội và ra lệnh cho chúng phải trao chính quyền cho Việt Minh tại địa phương.

Huế là kinh đô của triều đình họ Nguyễn và của chính phủ bù nhìn thân Nhật Trần Trọng Kim. Được tin Nhật đầu hàng, với cố gắng tránh mọi cuộc đổ máu, cán bộ Việt Minh đã thuyết phục Bảo Đại (hoàng đế bù nhìn) thoái vị và Trần Trọng Kim từ chức. Nhưng bọn phản động ngoan cố, dự định cầu cứu Nhật để chống lại. Biết được âm mưu này, ngày 23 – 8, ban lãnh đạo Việt Minh Huế huy động đông đảo quần chúng cách mạng nội ngoại thành, có lực lượng vũ trang yểm trợ, xuống đường biểu tình chiếm các công sở. Bảo Đại xin thoái vị. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim tan rã. Một phái đoàn của chính quyền cách mạng trung ương được cử vào Huế, do Trần Huy Liệu làm trưởng đoàn. Chiều ngày 30 – 8, trong một cuộc mít tinh có hàng vạn quần chúng với băng, biểu ngữ, cờ đỏ sao vàng tham dự, Bảo Đại nộp ấn và kiếm cho đại diện của chính quyền cách mạng trung ương. Chính thể quân chủ ở Việt Nam từ nay bị xóa bỏ.

Tại Sài Gòn, được tin Nhật đầu hàng, Việt Minh xúc tiến công việc chuẩn bị cướp chính quyền. Trong khi ấy, bọn tay sai thân Nhật cũng tập hợp lại và yêu cầu Nhật cung cấp vũ khí để đối phó. Nhưng từ sáng sớm ngày 25 – 8, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, các lực lượng vũ trang đã chia nhau chiếm các công sở. Tiếp đó, một cuộc mít tinh gần một triệu người tham dự, nhiệt liệt chào mừng Ủy ban hành chính Nam Bộ vừa được thành lập. Cuộc mít tinh biến thành cuộc tuần hành thị uy làm tê liệt mọi âm mưu chống cự của bọn thân Nhật.

? – Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa quan trọng như thế nào ?

3. Khởi nghĩa ở các địa phương trong toàn quốc

Khu giải phóng bao gồm 6 tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên được thành lập từ tháng 6 – 1945. Trước ngày khởi nghĩa 19 – 8 ở Hà Nội, đã có 4 tỉnh giành được chính

quyền là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam. Hai tỉnh đoạt chính quyền cuối cùng là Hà Tiên và Đồng Nai Thượng (28 – 8). Trừ một số thị xã bị bọn phản động còn tạm thời chiếm đóng như thị xã Vĩnh Yên, tỉnh lị Hà Giang, Lao Cai, Móng Cái và tỉnh lị Lai Châu, tính đến ngày 28 – 8, tất cả các địa phương khác trong nước đã được giải phóng.

Thế là, chỉ trong vòng hai tuần lễ từ khi mệnh lệnh được ban bố, tổng khởi nghĩa đã thắng lợi trong cả nước.

?

1. Em có những nhận xét gì về Tổng khởi nghĩa tháng 8 – 1945 ? (Thời cơ, lực lượng tham gia, diễn biến).

2. Hãy sưu tầm những mẩu chuyện về Cách mạng tháng Tám ở địa phương em.

II - THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (2 - 9 - 1945)

thuongmaitr

1. Lễ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

Từ sáng sớm ngày 2 – 9, cả Hà Nội đã bừng lên trong cảnh cờ hoa rực rỡ. Những biểu ngữ lớn bằng các thứ tiếng Việt, Pháp, Nga, Trung Quốc, Anh chăng khắp các đường phố : "Nước Việt Nam của người Việt Nam!", "Ủng hộ Chính phủ lâm thời !" "Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh !"

Đến trưa, các đoàn người cuồn cuộn kéo về quảng trường Ba Đình trong tiếng trống, tiếng hô khẩu hiệu, tiếng hát vang những bài ca cách mạng. Hàng chục vạn người gồm đủ các giới, các lứa tuổi : công nhân, nông dân, phụ nữ, phụ lão, học sinh, thiếu nhi, sư sãi, linh mục ... đến dự mít tinh.

Đúng 14 giờ, Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu, bước lên lễ đài. Nhạc Tiến quân ca vang lên, lá cờ nền đỏ sao vàng được từ từ kéo lên. Mọi người đứng nghiêm chào, cánh tay phải gập lại đưa ngang vai, bàn tay nắm lại.

Tiếp đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Chính phủ lâm thời tuyên thệ.

Quần chúng dự mít tinh cùng tuyên thệ ủng hộ Chính phủ lâm thời, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyết giữ quyền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chống mọi mưu mô xâm lược của kẻ thù.

Cuộc mít tinh chuyển thành biểu tình. Đoàn người lần lượt diễu qua lễ đài rồi theo ba ngả đường diễu hành qua các phố.

Hình 9 – Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập

uongxua.vn

? – Em hãy tường thuật buổi lễ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ở Hà Nội

2. Tuyên ngôn độc lập

Mở đầu, Tuyên ngôn khẳng định rằng mọi dân tộc đều có quyền bình đẳng, tự do và sống sung sướng.

Tiếp đó, Tuyên ngôn tố cáo tội ác của bọn thực dân Pháp trong hơn 80 năm qua đã đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta, bóc lột dân ta đến tận xương tủy.

Từ mùa thu năm 1940, thực dân Pháp lại phạm thêm tội ác mới là mở cửa nước ta rước Nhật vào. Đến khi bị Nhật đánh (9 – 3 – 1945), thực dân Pháp lại bỏ chạy hoặc đầu hàng.

Nhân dân ta giành chính quyền từ tay Nhật, tuyên bố thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, "xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất Việt Nam".

Cuối cùng, Tuyên ngôn khẳng định quyền độc lập, tự do chính đáng của dân tộc Việt Nam và quyết bảo vệ nền độc lập, tự do vừa giành được : "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy."

? – Em hãy trình bày những nội dung chủ yếu của Tuyên ngôn độc lập.

3. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi đã kết thúc quá trình hơn 80 năm đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, chống chủ nghĩa đế quốc thực dân. Đồng thời, Cách mạng tháng Tám thắng lợi cũng kết thúc quá trình đấu tranh hàng ngàn năm của nhân dân ta chống áp bức của vua chúa phong kiến. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời ngày 2 – 9 – 1945 đã đưa nhân dân ta từ địa vị nô lệ lên địa vị làm chủ nước nhà, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do của nhân dân ta.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào chống đế quốc thực dân của hai nước láng giềng là Lào và Campuchia, góp phần thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, nhất là ở các nước Đông Nam Á và các thuộc địa của Pháp.

Trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Pháp bị thiệt hại nặng rồi bị phát xít Nhật hất cẳng ở Đông Dương. Kế đó, phát xít Nhật lại bị Hồng quân Liên Xô và các nước Đồng minh đánh bại hoàn toàn. Như thế là qua cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, hai kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam đã bị ngã gục.

Tuy nhiên, nếu trong tình hình thuận lợi ấy, nhân dân ta lại không có lực lượng, không vùng lên kịp thời thì cũng không thể nào tạo ra thắng lợi kì diệu của Cách mạng tháng Tám.

thuongmaitr

Do đó, sự chuẩn bị lực lượng một cách kiên trì (lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang) được đẩy mạnh trong hoạt động của Việt Minh, sự vùng dậy cướp chính quyền trong cả nước ngay sau khi phát xít Nhật đầu hàng có vị trí rất quan trọng. Và thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả rực rỡ của sự kết hợp chặt chẽ những điều kiện bên ngoài với những điều kiện trong nước.

Thắng lợi ấy gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

? Hãy nêu ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

uongxua.vn

CHƯƠNG IV

BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (TỪ 2 - 9 - 1945 ĐẾN 19 - 12 - 1946)

Bài 11

BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (từ 2 - 9 - 1945 đến 19 - 12 - 1946)

I - BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

1. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nước ta đứng trước tình hình cực kì khó khăn, phức tạp.

Nạn đói năm 1944 chưa chấm dứt hẳn, năm 1945 lại xảy ra nạn lụt lớn rồi nạn hạn hán kéo dài. Lúa mùa, vụ quan trọng nhất trong năm bị mất một phần ba. Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh mất đến 50%. Lúa gạo miền Nam không chở ra được vì từ 23 – 9, thực dân Pháp đã trở lại chiếm Sài Gòn. Nguy cơ một nạn đói lớn đang đe dọa miền Bắc Việt Nam. Đã thế, ngân quỹ nhà nước lại trống rỗng, làm cho giá cả đắt đỏ, đời sống khó khăn.

Đi đôi với nạn đói là nạn dốt ; 95 % số dân mù chữ. Những tệ nạn khác do chế độ cũ để lại như thất nghiệp, bệnh tật, mê tín dị đoan, trộm cắp, mãi dâm ... cũng không kém phần trầm trọng.

Nhưng nguy cơ lớn nhất đối với nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa mới ra đời là nạn xâm lược của bọn đế quốc và phản động thế giới.

Theo sự thỏa thuận giữa các nước Đồng minh khi chiến tranh thế giới kết thúc, quân đội Anh sẽ vào Việt Nam, từ vĩ tuyến 16 (Đà Nẵng) trở vào, để tước khí giới và hồi hương quân đội Nhật ; từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, do quân đội Tưởng Giới Thạch đảm nhiệm. Cả Anh và Tưởng Giới Thạch đều là kẻ thù của cách mạng. Bọn Anh vừa đến Sài Gòn đã che chở và giúp sức cho thực dân Pháp gây lại cuộc chiến tranh xâm chiếm Nam Bộ (23 – 9 – 1945). Còn bọn Tưởng Giới Thạch vào miền Bắc gây sức ép đòi chính phủ ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu phải từ chức, tung tay chân đi phá rối trật tự trị an như : bắt cóc, tống tiền, ám sát cán bộ, làm giấy bạc giả ...

Thế là cùng một lúc, chúng ta phải đối phó với những khó khăn trong đời sống của nhân dân và âm mưu xâm lược của những kẻ thù từ bên ngoài tràn vào ...

? – Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước ta đứng trước những khó khăn như thế nào ?

2. Diệt giặc đói và giặc dốt

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gọi giặc đói và giặc dốt là những bạn đồng minh của giặc ngoại xâm.

Diệt giặc đói trở thành một nhiệm vụ cấp bách hàng đầu. Ngay ngày 3 – 9, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đồng thời phát động hai phong trào : Phong trào tiết kiệm "nhường cơm sẻ áo" và phong trào tăng gia sản xuất.

Đáp lại lời kêu gọi của Người và noi gương Người, cả nước đã nhịn ăn mỗi tháng ba bữa, mỗi bữa nấu cơm bớt lại một nắm gạo bỏ vào "hũ gạo cứu đói". Mọi người lại lo tăng gia sản xuất. Những cây lương thực ngắn ngày như khoai lang, rau muống, bầu, bí ... mọc khắp nơi, cả trong những vườn hoa công cộng. Cuối năm 1945, đầu 1946, ở Bắc Bộ đã thu hoạch được 230000 tấn khoai lang, 220000 tấn ngô, 60000 tấn đậu tương ; vụ chiêm năm ấy lại được mùa.

Với công sức của toàn dân, chính quyền cách mạng non trẻ đã vượt qua được một thử thách lớn, khắc phục được nạn đói ở miền Bắc.

Công việc diệt trừ nạn dốt cũng diễn ra rất khẩn trương trên phạm vi cả nước. Chỉ một tuần sau khi giành được chính quyền, ngày 8 – 9 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xóa nạn mù chữ. Gần 10 vạn người đã tự nguyện giảng dạy không có thù lao, hơn 7 vạn lớp học được mở ở đình, chùa, nhà máy, bệnh viện, trong các chợ, trên bờ đê, dưới bóng những cây cổ thụ ... Nhiều cụ già cùng ngồi học với thanh niên ; nhiều em bé biết đọc, biết viết trở thành những người hướng dẫn cho chính cha mẹ hoặc ông bà của các em. Nhờ thế, chỉ trong một năm, từ tháng 9 – 1945 đến tháng 9 – 1946, hai triệu rưỡi người đã thoát nạn mù chữ.

Song song với phong trào diệt giặc dốt, những nền móng đầu tiên của một nền giáo dục dân tộc cũng được xây dựng : Tiếng Việt với chữ quốc ngữ được sử dụng ở các cấp học.

? – Chúng ta đã làm gì để diệt giặc đói và giặc dốt ?

3. Bước đầu xây dựng chính quyền nhân dân

Cùng với việc tập trung sức giải quyết những khó khăn lớn trước mắt, Đảng và Chính phủ lâm thời còn lo xây dựng chính quyền nhân dân. Khối đoàn kết toàn dân, cơ sở của chính quyền cách mạng được mở rộng với việc thành lập Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam năm 1946 (gọi tắt là Liên Việt). Nhiều quyền tự do dân chủ lần lượt được ban hành : quyền bầu cử và ứng cử, quyền bình đẳng giữa nam và nữ, bình đẳng giữa các dân tộc, quyền tự do tín ngưỡng ... ; nạn đầu cơ tích trữ lúa gạo bị cấm, địa tô được giảm, những giao kết bất công giữa chủ và thợ bị hủy bỏ.

Ngày 6 – 1 – 1946, lần đầu tiên Tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước để bầu Quốc hội, cơ quan nhà nước có quyền lực cao nhất. Hơn 90% cử tri đã đi bỏ phiếu. Ngay tại những vùng bị giặc Pháp tạm thời chiếm đóng, nhân dân cũng hăng hái đi bầu, bất chấp sự khủng bố của giặc. Ngày 2 – 3 – 1946, Quốc hội họp phiên đầu tiên, nhất trí bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và thông qua danh sách chính phủ chính thức do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Tiếp đó, các địa phương tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Hội đồng nhân dân bầu ra Ủy ban hành chính, đảm nhiệm chức năng của chính quyền địa phương.

Đến tháng 10 – 1946, Quốc hội họp kì thứ hai, thông qua hiến pháp đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Như thế, chỉ trong vòng một năm, từ thủ đô Hà Nội đến tận thôn xã, chính quyền nhân dân đã được thiết lập, tạo nên một nguồn sức mạnh mới cho cách mạng.

?

1. Những chủ trương và biện pháp gì đã được thực hiện để bước đầu xây dựng chính quyền nhân dân ?

2. Phân tích ý nghĩa quan trọng của việc chiến thắng nạn đói, nạn dốt và việc bước đầu xây dựng chính quyền nhân dân đối với sự củng cố thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945.

II - CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG BỌN PHẢN ĐỘNG TƯỞNG GIỚI THẠCH Ở MIỀN BẮC VÀ THỰC DÂN PHÁP GÂY CHIẾN Ở NAM BỘ

1. Chống bọn phản động Tưởng Giới Thạch ở miền Bắc

Trước tình hình ở cả hai miền của đất nước đều bị nạn ngoại xâm đe dọa, Đảng và Chính phủ ta cố gắng tránh cùng một lúc phải đụng độ với nhiều kẻ thù. Bọn thực dân Pháp đã lộ ra dã tâm cướp nước ta lần nữa, phải tập trung lực lượng chống lại chúng. Bọn Tưởng Giới Thạch tuy giở nhiều thủ đoạn khiêu khích phá hoại nhưng chưa thể gây chiến tranh với chúng ta bởi vì lúc bấy giờ, tại Trung Hoa, Tưởng Giới Thạch đang phải lo đối phó với phong trào cách mạng do Đảng cộng sản Trung Quốc lãnh đạo. Do đấy, ta chủ trương hòa hoãn với Tưởng Giới Thạch, thỏa mãn một số yêu sách của chúng. Ví như : mở rộng chính phủ lâm thời cho bọn tay chân của Tưởng Giới Thạch tham gia, nhượng cho bọn này 70 ghế trong Quốc hội khóa I mặc dù chúng không dám ra tranh cử, dành cho chúng chức vụ Phó Chủ tịch nước và 4 ghế bộ trưởng trong chính phủ chính thức ; cung cấp cho quân đội Tưởng một phần nào lúa gạo và phương tiện giao thông ; đồng ý cho quân đội Tưởng tiêu giấy bạc mất giá của chúng ... Đồng thời, chúng ta kiên quyết bác bỏ những yêu sách vi phạm chủ quyền dân tộc. Ví như : bác bỏ yêu sách đòi Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chức, đòi gạt những người cộng sản ra khỏi chính phủ lâm thời, đòi thay đổi quốc kì, quốc ca ... Khi chúng giở trò khiêu khích, phá hoại chính quyền cách mạng, chúng ta huy động đông đảo nhân dân mít tinh, biểu tình, biểu hiện sự ủng hộ triệt để chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Những hành động phá hoại, những tội ác của bọn tay chân ấy bị vạch mặt và lên án trước nhân dân, những kẻ phạm trọng án bị trừng trị.

Với chủ trương vừa mềm dẻo, vừa kiên quyết chúng ta đã hạn chế được những hành động phá hoại của bọn phản động Tưởng Giới Thạch và tay sai, làm thất bại âm mưu thủ tiêu chính quyền cách mạng của chúng.

? – Chúng ta đã đối phó như thế nào với âm mưu và thủ đoạn phá hoại của bọn phản động Tưởng Giới Thạch ?

2. Chống thực dân Pháp gây chiến ở Nam Bộ

Được sự che chở và giúp sức của quân đội Anh, ngày 23 – 9 – 1945, thực dân Pháp tiến công Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh hòng cướp nước ta lần nữa. Ủy ban hành chính Nam Bộ tức thời hiệu triệu nhân dân đứng lên chống giặc. Khẩu hiệu "Độc lập hay là Chết" vang dội khắp nơi. Ngày 26 – 9. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi cả nước hết lòng ủng hộ nhân dân miền Nam chiến đấu bảo vệ độc lập của Tổ quốc.

Chính quyền cách mạng ở Nam Bộ được thiết lập chưa đầy một tháng (25 – 8 đến 23 – 9) nên chưa có thời gian xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang. Nhưng nhân dân Nam Bộ với gậy tầm vông vót nhọn, giáo mác ... đã nhất tề đứng lên chống giặc. Nhiều trận chiến đấu ác liệt xảy ra ở các đường phố, các nhà máy và những chướng ngại vật được dựng lên. Lệnh tổng bãi công được ban hành. Phong trào bất hợp tác, triệt mọi nguồn tiếp tế của địch được mọi người hưởng ứng. Công nhân đốt phá nhiều xí nghiệp của Pháp hoặc tháo gỡ máy móc chuyển về nông thôn. Thực dân Pháp bị bao vây, cô lập, đêm đêm lại bị du kích ta tiến công, không thể mở rộng chiếm đóng ra ngoài Sài Gòn. Chúng giở trò thương lượng nhưng vẫn giữ lập trường hiếu chiến, xâm lược.

Đến cuối tháng 10 – 1945, nhận được viện binh từ Pháp sang, thực dân Pháp mở những cuộc tiến công về hướng đồng bằng sông Cửu Long và nam Trung Bộ. Cuộc hành quân kéo dài mấy tháng liền có cả hải quân và chiến xa yểm trợ. Đến cuối tháng 1 – 1946, thực dân Pháp chiếm được những thành phố và những đường giao thông quan trọng ở Nam Bộ, miền duyên hải nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trước cuộc chiến đấu không ngang sức này, lực lượng kháng chiến đã rút khỏi các thành thị, tổ chức cuộc kháng chiến ở nông thôn. Những căn cứ được xây dựng ở vùng Đồng Tháp Mười, Thạnh Phú, Bến Tre, U Minh, miền Tây Nam Bộ. Trong khi đó, nhiều trận đánh bất ngờ, nhiều cuộc phá hoại sau lưng địch đã diễn ra như việc Lê Văn Tám tẩm dầu vào thân mình, làm bó đuốc sống lao vào đốt kho xăng của giặc ngay giữa Sài Gòn. Cả nước sôi nổi ủng hộ Nam Bộ kháng chiến.

Quỹ nuôi quân, quỹ Nam Bộ kháng chiến, Hội mẹ chiến sĩ lần lượt ra đời. Hàng nghìn thanh niên từ miền Bắc gia nhập đoàn quân "Nam tiến" xung phong vào miền Nam chiến đấu.

? – Cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ đã diễn ra như thế nào ?

3. Hiệp định sơ bộ 6 - 3 - 1946

Cuối tháng 1 – 1946, quân Anh rút, trao quyền lại cho quân Pháp. Thực dân Pháp tự cho như đã chiếm được miền Nam Việt Nam, nhưng tham vọng của chúng không dừng lại ở đấy. Hơn nữa, chúng hiểu rằng sự chiếm đóng ấy vẫn bấp bênh chừng nào mà chính phủ trung ương của ta vẫn còn tồn tại. Chúng tìm cách đưa quân vào miền Bắc Việt Nam. Thực dân Pháp bắt đầu thương lượng với Tưởng Giới Thạch cho quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng. Để có thể tập trung sức đối phó với quân cách mạng Trung Quốc, sau khi được Pháp nhượng cho một số quyền lợi, Tưởng Giới Thạch đã chấp thuận yêu cầu của Pháp. Dàn xếp xong với Tưởng Giới Thạch, thực dân Pháp tiếp xúc với chính phủ ta thăm dò ý kiến về kế hoạch hành quân của chúng. Nhằm đẩy nhanh 20 vạn quân Tưởng cùng bọn tay chân ra khỏi nước ta và tránh một cuộc chiến tranh tức thời với Pháp mà ta chưa có điều kiện chuẩn bị, chính phủ ta đã chủ trương hòa hoãn với Pháp.

Ngày 6 – 3 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và đại diện chính phủ Pháp đã kí hiệp định sơ bộ với các nội dung chính :

– Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

– Chính phủ ta thỏa thuận cho quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân đội Tưởng Giới Thạch.

– Hai bên thực hiện ngừng bắn và tạo không khí thuận lợi cho việc mở cuộc đàm phán chính thức ở Pa–ri.

Ngày 6 – 7 – 1946, cuộc đàm phán chính thức được tổ chức ở Pháp. Cuộc đàm phán kéo dài hơn hai tháng, không đưa lại kết quả gì vì thực dân Pháp vẫn bám lấy lập trường ngoan cố là thiết lập lại nền thống

trị ở nước ta. Với những cố gắng cuối cùng nhằm duy trì không khí hòa hoãn, Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc bấy giờ đang ở thăm Pháp đã kí với đại diện chính phủ Pháp Tạm ước 14 – 9 – 1946, công nhận cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa ở Việt Nam.

Việc kí Hiệp định sơ bộ 6 – 3 – 1946 và Tạm ước 14 – 9 – 1946 vừa thể hiện thiện chí của Chính phủ và nhân dân ta, vừa tạo được một thời gian hòa hoãn cần thiết để nhân dân ta khẩn trương chuẩn bị lực lượng cho một cuộc kháng chiến lâu dài mà ta biết trước không thể tránh được.

?

1. Vì sao Chính phủ ta kí với Pháp Hiệp định sơ bộ 6 – 3 – 1946 và Tạm ước 14 – 9 – 1946 ?

2. Đảng và Chính phủ ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đối phó như thế nào với bọn phản động Tưởng Giới Thạch và thực dân Pháp xâm lược ?

thuongmaitı

CHƯƠNG V
CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TRỞ LẠI XÂM LƯỢC

Bài 12
THỜI GIAN ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC

1. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ

Sau khi kí Tạm ước 14 – 9 – 1946, chúng ta thực hiện ngay việc ngừng bắn ở miền Nam, thả một số tù binh, trao trả viện Pa–xtơ ở Hà

Nội cho Pháp, tỏ thiện chí sẵn sàng nối lại cuộc đàm phán chính thức giữa hai bên. Còn thực dân Pháp thì vẫn tiếp tục nổ súng, âm mưu đưa ngọn lửa chiến tranh từ miền Nam lan rộng ra cả miền Bắc.

Tháng 11 – 1946, chúng không cho ta thu thuế quan ở cảng Hải Phòng, đánh chiếm Lạng Sơn, cho tàu chiến bắn đại bác vào các khu phố ở Hải Phòng rồi đánh chiếm luôn thành phố. Các cuộc xung đột, ta đều cử người đến dàn xếp nhưng đều không có kết quả.

Sang tháng 12, chúng liên tiếp gây xung đột với công an, tự vệ thủ đô Hà Nội, bắn đại bác tàn sát nhân dân phố Hàng Bún, chiếm trụ sở Bộ Tài chính và một số cơ quan khác. Hơn 6000 quân Pháp đóng ở 45 vị trí xung yếu trong thành phố Hà Nội được lệnh sẵn sàng đánh úp các cơ quan đầu não của ta.

Ngày 18 – 12 – 1946, Moóc-li-e (chỉ huy quân Pháp ở miền Bắc Việt Nam) gửi tối hậu thư cho Chính phủ ta đòi giải tán lực lượng công an và tự vệ, giao việc đảm bảo an ninh ở Thủ đô cho quân đội Pháp.

Tình thế rất căng thẳng. Bộ mặt xâm lược của thực dân Pháp đã lộ rõ. Dân tộc Việt Nam đang đứng trước hai con đường : đánh hay hàng.

Đảng và Chính phủ ta hạ quyết tâm chiến đấu đến cùng. Bộ Tổng chỉ huy của ta chủ trương phải tiến công quân địch trước, giành thế chủ động.

Đêm 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi nhân dân toàn quốc đứng dậy kháng chiến.

"Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.

Không ! Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào !

Chúng ta phải đứng lên !

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh

thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân, cứu nước".

. . . .

Khoảng 20 giờ ngày 19 – 12 – 1946, đèn đường phụt tắt, quân dân Hà Nội đồng loạt nổ súng vào các vị trí đóng quân của thực dân Pháp. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

? – Vì sao chúng ta phải cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp ?

2. Cuộc chiến đấu ở các đô thị

Đêm 19 – 12 – 1946, trong khi Hà Nội nổ súng chiến đấu, thì nhiều đô thị khác, có quân Pháp chiếm đóng, quân ta cũng bất ngờ tiến công địch.

thuongmaitr

Ở Hải Dương, quân ta nhanh chóng tiêu diệt địch ở trường nữ học và cầu Phú Lương, ngăn cản đường tiếp tế của địch từ Hải Phòng về Hà Nội.

Ở Bắc Ninh, Bắc Giang, quân ta tiến công buộc một tiểu đoàn địch đóng ở hai nơi phải rút về Hà Nội.

Ở Nam Định, quân ta bao vây địch ở khu nhà máy sợi gần ba tháng, diệt hơn 400 tên.

Ở Vinh, địch chỉ có một trung đội nên chỉ sau hai tiếng đồng hồ quân ta nổ súng, chúng phải xin đầu hàng.

Ở Huế, địch có tới một trung đoàn nhưng vẫn bị quân ta vây hãm trong 50 ngày.

Ở Đà Nẵng, địch có 6500 quân, có sân bay dã chiến, có hải quân yểm trợ nhưng quân ta đã dũng cảm, mưu trí quần nhau với địch suốt một tháng trời.

Đặc biệt ở Hà Nội, đêm chiến đấu đầu tiên, ta đã tiêu diệt hàng trăm tên địch, phá hủy hàng chục xe tăng. Chiến lũy mọc ngay trên các đường phố. Các chiến sĩ vệ quốc và tự vệ được nhân dân che chở chiến đấu suốt ngày đêm với kẻ địch đông hơn, mạnh hơn. Với tinh

Hình 10 – Cảnh chiến đấu ở Hà Nội

thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh", quân ta đã bám giữ từng ngôi nhà, từng góc phố, gây cho địch nhiều thiệt hại. Cuộc chiến đấu ở Liên khu I diễn ra ác liệt nhất. Các đơn vị vệ quốc và tự vệ của Liên khu I được thống nhất tổ chức thành "Trung đoàn thủ đô" đánh cho địch những trận bất ngờ như tại nhà Xô–va (trên đường Trần Quang Khải), tại khu chợ Đồng Xuân... Ở năm cửa ô, quân ta vừa tiêu hao, vây hãm địch không cho chúng đánh nống ra, vừa đột nhập đánh vào thành phố, phối hợp với cuộc chiến ở Liên khu I. Sau 60 ngày đêm chiến đấu anh dũng, ngày 17 – 2 – 1947, các lực lượng vũ trang Liên khu I được lệnh rút ra khỏi Hà Nội.

Nhìn chung, cuộc chiến đấu ở các đô thị chỉ diễn ra trong vòng mấy tháng song nó đã đánh bại hoàn toàn âm mưu đánh úp của địch, tiêu hao và vây hãm quân địch một thời gian, tạo điều kiện cho ta xây dựng lực lượng đánh địch lâu dài.

?

1. Em hãy sưu tầm những mẩu chuyện về cuộc chiến đấu ở các đô thị từ cuối 1946 đến đầu 1947.

2. Cuộc chiến đấu ở các đô thị diễn ra như thế nào ? Kết quả ?

3. Những hi sinh lớn lao của nhân dân đô thị đóng góp cho kháng chiến thể hiện như thế nào ?

Bài 13

TỪ SAU KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC BÙNG NỔ ĐẾN CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC 1947

thuongmait

1. Chuẩn bị chiến đấu lâu dài

Sau khi thực dân Pháp gây xung đột ở Hải Phòng, Lạng Sơn, Đảng và Chính phủ ta đã ra lệnh phải khẩn trương chuyển các máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu (đặc biệt là công nghiệp quốc phòng), lương thực, thực phẩm (đặc biệt là gạo, muối), hàng hóa ... về các vùng an toàn ; tích cực chuẩn bị địa điểm để sẵn sàng đưa các cơ quan Trung ương ra khỏi Hà Nội ; vận động và tổ chức chu đáo việc tản cư, bảo toàn tính mạng, tài sản cho nhân dân ; nhanh chóng chuyển đất nước vào chiến tranh.

Chấp hành chủ trương của trên, ta đã chuyển được gần 40 000 tấn máy móc nguyên vật liệu. Riêng ở Bắc Bộ, gần hai phần ba số máy móc được chuyển về các căn cứ. Nhờ đó, cuối 1946, ta đã xây dựng được 57 cơ sở sản xuất. Các cơ quan Trung ương lần lượt chuyển lên Việt Bắc. Căn cứ Việt Bắc cũ nay trở thành Thủ đô kháng chiến. Các Ủy ban tản cư từ Trung ương đến cấp xã, trong một thời gian ngắn, đã đưa đón hàng

chục vạn đồng bào ra khỏi các vùng có thể xảy ra chiến sự và từng bước lo cho đồng bào có chỗ ở, có công ăn việc làm ổn định.

Sau khi hoàn thành thắng lợi các cuộc di chuyển lớn lao nói trên, chúng ta bắt tay xây dựng lực lượng về mọi mặt để đi vào cuộc chiến đấu lâu dài.

Về bộ máy chính quyền các cấp, ta thành lập thêm Ủy ban kháng chiến bên cạnh Ủy ban hành chính và quy định phạm vi trách nhiệm của từng Ủy ban. Tháng 10 – 1947, hai Ủy ban sáp nhập làm một, thành Ủy ban kháng chiến hành chính để lãnh đạo toàn bộ hoạt động của nhân dân.

Về quân sự, mọi người dân từ 18 đến 45 tuổi đều tham gia dân quân. Những dân quân ưu tú được chọn vào đội du kích. Du kích là nguồn bổ sung cho bộ đội địa phương và bộ đội chính quy. Vũ khí thì vừa tự chế tạo vừa cướp của địch để tự trang bị. Ngành quân giới đến cuối 1947, đã có gần 100 công xưởng chế tạo vũ khí, sửa chữa máy móc phục vụ quốc phòng. Lực lượng vũ trang của ta có số lượng đông đảo (mỗi xã có 1 hoặc 2 trung đội dân quân), cố gắng luyện tập chiến đấu đều đặn, bảo vệ được an ninh xóm làng, giữ vững được các khu căn cứ kháng chiến và ngăn chặn một phần các cuộc tiến công mở rộng vùng chiếm đóng của địch.

Về kinh tế, toàn dân tích cực tăng gia sản xuất lương thực theo khẩu hiệu "Ăn no đánh thắng". Ruộng đất của bọn thực dân Pháp và bọn Việt gian được giao cho nông dân nghèo cày cấy. Việc đắp đê phòng lụt, việc đào đắp hệ thống thủy nông rất được chú ý. Những sản phẩm tối cần thiết cho cuộc sống như vải, giấy, xà phòng, chén, bát, muối, đường, diêm, cày, cuốc v.v... ta đều sản xuất được. Ngày 15 – 5 – 1947, tờ giấy bạc Việt Nam (bạc tài chính) được lưu hành trong cả nước.

Về văn hóa, phong trào Bình dân học vụ tiếp tục được duy trì và phát triển. Các trường lớp phổ thông được xây dựng (nhất là cấp I) thu hút con em nhân dân lao động vào học. Một số trường lớp chuyên nghiệp được mở ra như y dược, sư phạm ... Sách báo, tranh ảnh, bản nhạc... đã tích cực góp phần đấu tranh với văn hóa của địch và đã động viên, hướng

dẫn được đồng bào xây dựng nếp sống mới lành mạnh theo hướng giản dị, tiết kiệm, triệt để quân sự hóa, triệt để bảo mật phòng gian.

? – Chúng ta đã chuẩn bị như thế nào để có thể chiến đấu được lâu dài với địch ?

2. Chiến dịch Việt Bắc 1947

Sau khi quân ta rút ra khỏi các đô thị, thực dân Pháp đánh chiếm thêm được một số thành phố, thị trấn và kiểm soát một số đường giao thông quan trọng. Nhưng, càng mở rộng vị trí chiếm đóng, thực dân Pháp càng thiếu quân, phải dàn mỏng lực lượng. Chiến tranh du kích của ta dễ dàng hoạt động hơn. Các đồn bốt của địch nhiều nơi bị tiến công. Những cuộc hành quân tiếp viện của địch trên các trục đường giao thông luôn luôn bị chặn đánh. Đội quân viễn chinh Pháp dần dần sa vào thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp. Chúng lúng túng, bàn bạc cách đối phó vẫn không gỡ ra được.

Từ giữa 1947, chúng xúc tiến việc thành lập chính quyền bù nhìn hòng lừa bịp, lôi kéo quần chúng nhân dân. Mặt khác, chúng ra sức bình định nhanh chóng ở miền Nam để dồn của cải, sức lực mở những trận đánh lớn ở miền Bắc, hòng đè bẹp lực lượng kháng chiến của ta.

Âm mưu của địch ngày càng lộ rõ. Giữa tháng 9 – 1947, Đảng và Chính phủ đã nhắc nhở nhân dân cả nước phải nêu cao cảnh giác chuẩn bị đối phó với cuộc tiến công thu đông tới của địch.

Sáng 7 – 10 – 1947, thực dân Pháp cho một cánh quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, chợ Mới, chợ Đồn ; một cánh quân kéo từ Lạng Sơn lên Cao Bằng rồi vòng xuống Bắc Cạn ; một cánh quân theo sông Hồng, sông Lô ngược lên chiếm Tuyên Quang, Chiêm Hóa. Ba cánh quân tạo thành hai gọng kìm kẹp chặt lấy Việt Bắc.

Đợt tiến công lớn này, địch huy động hơn một vạn quân tinh nhuệ và hầu hết máy bay ở Đông Dương.

Nhưng ngay từ những ngày đầu, bộ đội ta đã bắn rơi máy bay chỉ huy của địch, giết chết Bộ tham mưu và bắt được cả bản kế hoạch tác chiến của chúng.

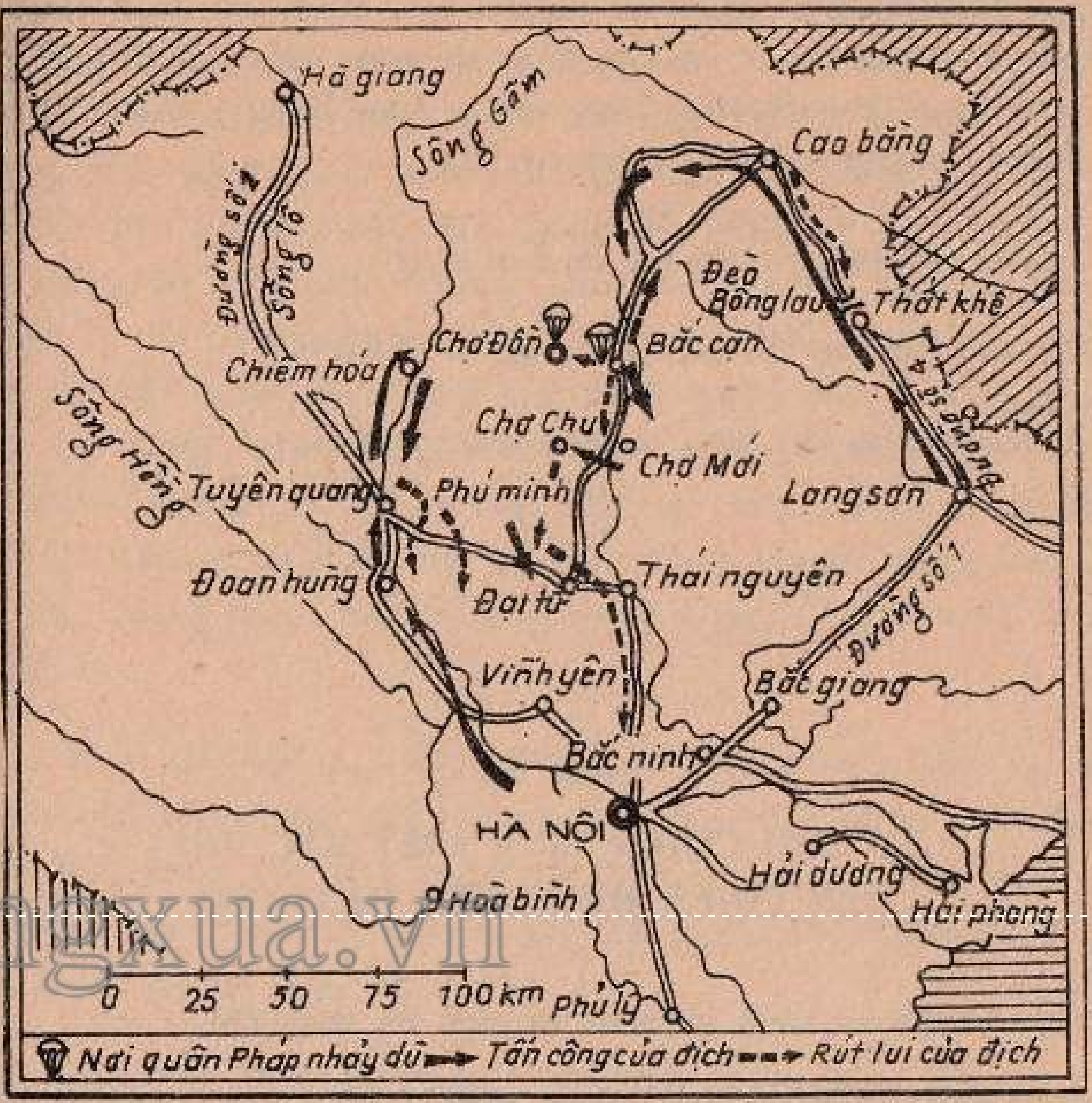

Hình 11 – Lược đồ Chiến dịch Việt Bắc 1947

uongxua.vn

Nhờ đó, ta kịp thời bao vây, cô lập và đánh tỉa dần quân nhảy dù. Đối với quân thủy, ta đánh chúng ở Đoan Hùng, Chiêm Hóa. Đối với quân bộ, ta phục kích và thắng lớn ở đèo Bông Lau. Cả ba cánh quân đều bị đánh đau, rơi vào tình trạng nguy khốn. Chúng buộc phải tìm đường rút lui. Cuộc rút lui đầu tiên từ Chiêm Hóa về Tuyên Quang lại bị quân ta đánh cho tơi bời ở Khe Lau, ngã ba sông Lô và sông Gâm. Các cuộc rút lui khác diễn ra từ tháng 11 đến ngày 19 – 12 – 1947 mới coi như chấm dứt.

Qua 75 ngày đêm chiến đấu, quân dân Việt Bắc đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6000 tên địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu

chiến, ca nô, phá hủy nhiều xe quân sự và pháo các loại. Giặc Pháp cũng phá hoại được một số kho tàng, thị trấn, làng bản của ta và vẫn kiểm soát được con đường Lạng Sơn – Cao Bằng – Bắc Cạn nhưng mưu đồ của chúng bị thất bại về cơ bản.

?

1. Địch tiến công lên Việt Bắc với mưu đồ gì ?

2. Chiến dịch Việt Bắc diễn ra như thế nào ? Kết quả ?

3. Nguyên nhân và ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc.

Bài 14

TỪ SAU CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC 1947 ĐẾN CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI 1950

1. Lực lượng so sánh giữa ta và địch đã thay đổi

Cho đến đầu 1948, tổng số quân Pháp ở tất cả các chiến trường bị chết và bị thương khoảng 20000, ngân sách hao phí cho chiến tranh lên tới 300 tỉ phơ-răng. Đó là những tổn thất nặng nề, quá sức chịu đựng của nước Pháp. Khả năng "đánh nhanh thắng nhanh" bằng chính lực lượng quân viễn chinh Pháp không còn nữa. Bọn chúng thay đổi kế hoạch, quay về củng cố những vùng đang chiếm đóng, thiết lập một mạng lưới đồn bốt, tháp canh dày đặc ở vùng ven các đô thị và trên các trục đường giao thông quan trọng, tiến hành những cuộc hành quân nhỏ vào vùng tự do của ta để càn quét, lấn chiếm và phá hoại cơ sở kinh tế, cơ sở chính trị kháng chiến. Mặt khác, chúng ra sức xây dựng ngụy quyền, phát triển mạnh ngụy quân, củng cố các vùng tề, thực hiện chính sách "dùng người Việt trị người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" để đánh kéo dài. Trong nửa đầu năm 1948, địch đã thu được một số kết quả ở Nam Bộ và ở cả Bắc Bộ, Trung Bộ, gây cho ta một số khó khăn.

Đứng trước âm mưu, hành động rất nham hiểm của địch, ta tạm thời phân tán một bộ phận quân chính quy thành những "đại đội độc lập" tiến sâu vào vùng tạm chiếm, dìu dắt các lực lượng vũ trang địa phương, phát động chiến tranh du kích một cách rộng rãi, phá tề, trừ gian, biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta. Cuộc chiến tranh không có ranh giới rõ ràng làm cho bọn địch rất lúng túng, phải rải quân đi đối phó khắp nơi. Cuối 1948 đầu 1949, phong trào đấu tranh của ta nổi dậy mạnh mẽ. Nhiều nơi chính quyền địch ở nông thôn bị tê liệt, ta xây dựng thành những làng kháng chiến (Đình Bảng – Bắc Ninh, Chi Lăng – Lạng Sơn, Cảnh Dương – Quảng Bình, Xitơ – Tây Nguyên ...), những khu căn cứ du kích rộng lớn (Bắc Ninh, Hồng Quảng, Hải Dương, Kiến An, Quảng Bình, Ninh Thuận, Đồng Tháp ...) quần nhau quyết liệt với địch.

Bọn Pháp lại phải đưa thêm 26000 quân sang Việt Nam và cầu cứu viện trợ của Mĩ. Chúng chủ trương phải mở rộng phạm vi chiếm đóng ở Bắc Bộ, phong tỏa chặt biên giới Việt – Trung. Dùng ngụy quyền, ngụy quân làm nhiệm vụ chiếm giữ, còn quân viễn chinh Pháp thì càn quét và mở những trận đánh lớn.

Từ tháng 7 – 1949 đến tháng 5 – 1950, chúng liên tiếp mở 7 chiến dịch đánh vào vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ mở rộng đất đai chiếm đóng, lập lại một số vùng tề, phá một số cơ sở kháng chiến gây cho ta nhiều khó khăn lớn.

Tình thế lúc này là phải nhanh chóng xây dựng một lực lượng quân đội chính quy lớn mới đối phó được với lực lượng cơ động mạnh của địch và mới duy trì được chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch. Đến đầu 1950, ta đã hợp nhất các đơn vị đại đội, tiểu đoàn xây dựng thành những trung đoàn, đại đoàn chủ lực (như đại đoàn 308, 304). Song song với việc tổ chức bộ đội chính quy ta phải lo bồi dưỡng cán bộ chỉ huy, bồi dưỡng cách đánh công kiên, vận động, phải lo cơ sở vật chất dồi dào (trang bị vũ khí, lương thực, thực phẩm). Phong trào thi đua "Tất cả vì tiền tuyến, tất cả vì chiến thắng" sôi nổi trong cả nước. Lực lượng mọi mặt của ta được củng cố và phát triển.

Tháng 10 – 1949, cách mạng Trung Quốc thắng lợi, đầu 1950, các nước anh em lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với ta. Phong trào phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam lên mạnh ở Pháp và các nước châu Phi.

Điều kiện trong nước và ngoài nước cho phép ta có thể xúc tiến mở những chiến dịch lớn để tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giành ưu thế quân sự của ta trên chiến trường.

? – Âm mưu của địch nguy hiểm như thế nào ? Cách đối phó của ta ?

–Lực lượng so sánh giữa ta và địch thay đổi như thế nào sau chiến thắng Việt Bắc ?

2. Chiến dịch Biên giới 1950

Vùng biên giới Việt – Trung chạy dài từ tây bắc sang đông bắc nước ta. Mạn tây bắc địch có 6 tiểu đoàn. Mạn đông bắc địch có 11 tiểu đoàn và 9 đại đội. Đường số 4 dài 300 km chạy dọc theo biên giới đông bắc qua các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh. Trên đường chiến lược này, địch đóng giữ các cứ điểm Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê, Na Sầm, Đồng Đăng, Lạng Sơn, Đình Lập, Tiên Yên, tạo thành một phòng tuyến vững chắc.

thuongmaitr

Tháng 6 – 1950, ta quyết định mở chiến dịch Biên giới, chọn hướng tiến công chính là đông bắc và căn cứ đột phá là Đông Khê. Mạn tây bắc chỉ đánh nghi binh, phối hợp.

Đông Khê là một cứ điểm có hầm ngầm cố thủ với 350 lính canh giữ, có hai điểm tựa trên cao và có bảy vị trí che chắn ở vành ngoài.

Bộ chỉ huy ta dùng một lực lượng áp đảo, tiến công địch từ 6 giờ ngày 16 – 9 đến 10 giờ ngày 18 – 9 mới tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm này.

Chiến thắng Đông Khê đã cắt đôi phòng tuyến của địch trên đường số 4. Chúng buộc phải rút quân khỏi Cao Bằng, đồng thời cho một cánh quân từ Thất Khê lên đánh chiếm lại Đông Khê để đón cánh quân ở Cao Bằng cùng rút về. Sau 8 ngày đêm vận động chiến đấu (1–10 đến

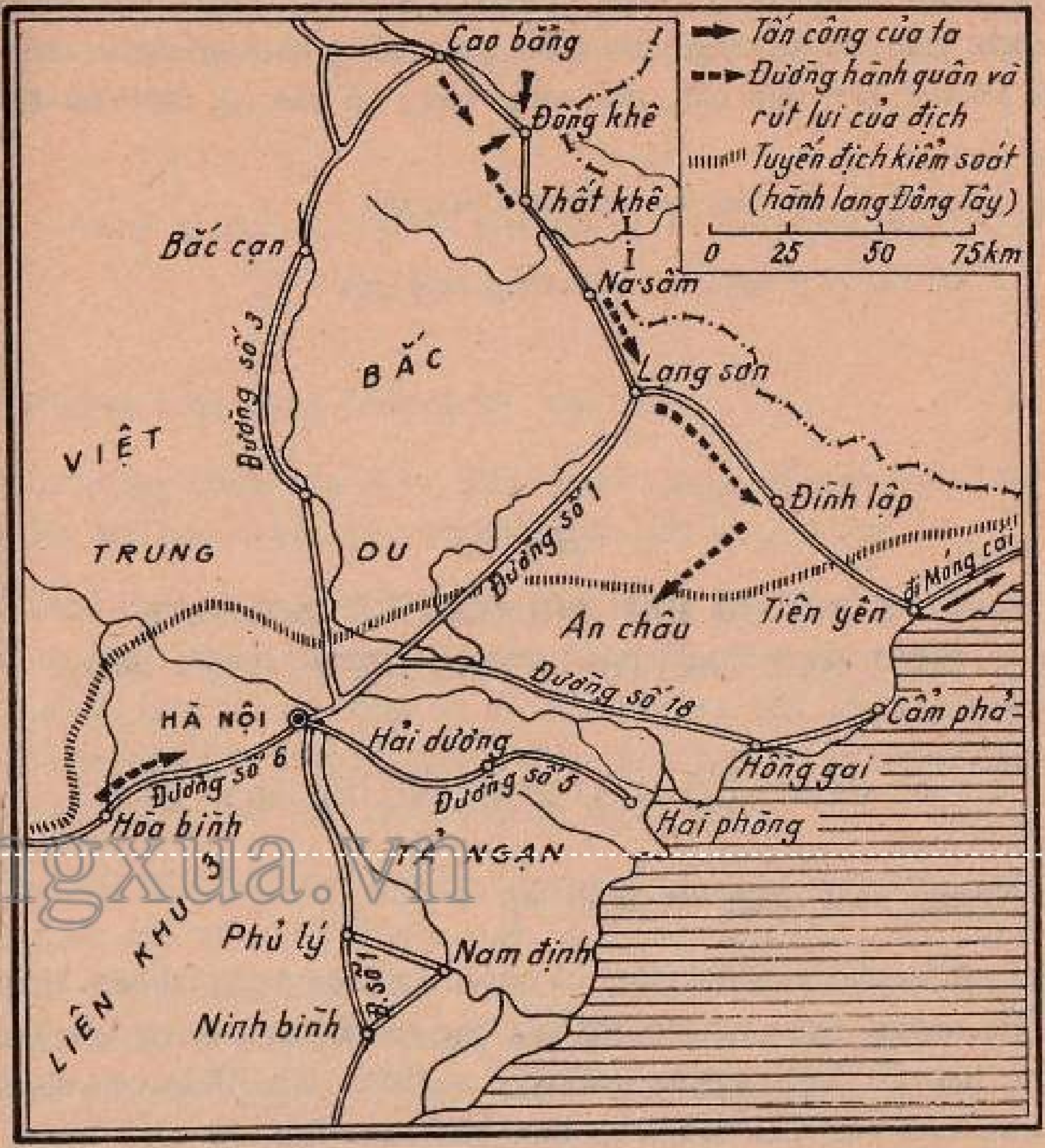

uongxua.vn

Hình 12 – Lược đồ chiến dịch Biên giới 1950

8–10) ta chia cắt, bao vây tiêu diệt lần lượt cả hai cánh quân, bắt sống toàn bộ bọn chỉ huy.

Địch hốt hoảng phải cho quân rút chạy khỏi Thất Khê (10 – 10), Na Sầm (13 – 10) và đến ngày 23 – 10, chúng rút chạy khỏi các cứ điểm còn lại trên đường số 4.

Hệ thống phòng tuyến biên giới mạn đông bắc, địch ra sức xây dựng củng cố hơn ba năm trời, quân ta mới đánh hơn một tháng đã phá vỡ tan tành.

Kết thúc chiến dịch, ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng vùng biên giới, giao thông liên lạc được với Trung Quốc và thế giới dân chủ, mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

?

1. Vì sao ta chủ động mở chiến dịch Biên giới ?

2. Kết quả và ý nghĩa của chiến thắng Biên giới ?

Bài 15

CỦNG CỐ HẬU PHƯƠNG VỀ MỌI MẶT. PHÁT HUY THẾ TIẾN CÔNG ĐỊCH (1951 - 1953)

I - CỦNG CỐ HẬU PHƯƠNG VỀ MỌI MẶT

thuongmait

1. Những hoạt động về chính trị

Sau chiến thắng Biên giới, cả nước ta tràn ngập không khí phấn khởi, tin tưởng. Giữa lúc đó, Đảng Cộng sản Đông Dương họp Đại hội lần thứ hai tại Tuyên Quang (tháng 2 – 1951). Bản "Báo cáo chính trị" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và bản báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" của đồng chí Trường Chinh đã đúc kết những kinh nghiệm mấy chục năm vận động cách mạng của Đảng, nêu rõ những nhiệm vụ trước mắt nhằm đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi và vạch ra tiền đồ của cách mạng Việt Nam.

Đại hội đã quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai ở Việt Nam lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Đối với Lào và Campuchia, Đại hội quyết định sẽ tổ chức ở mỗi nước một đảng cách mạng riêng, phù hợp với đặc điểm của từng nước.

Đầu tháng 3 – 1951, Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt cũng mở Đại hội để thống nhất thành một mặt trận lấy tên là Mặt trận Liên Việt.

Ngày 11 – 3 – 1951, báo *Nhân dân* của Đảng ra số đầu tiên chính thức phát ngôn mọi chủ trương chính sách của Đảng đến tận người dân.

? – Những sự kiện chính trị đầu năm 1951 có tầm quan trọng như thế nào ?

2. Những hoạt động về kinh tế, văn hóa

Cuộc kháng chiến của ta từ 1951 chuyển sang thế chủ động tiến công địch, đòi hỏi nguồn bổ sung về nhân lực, vật lực to lớn.

Ý thức được nhu cầu đó, nông dân hăng hái tham gia phong trào đổi công, hợp tác ; ra sức cày cấy, làm thủy lợi, làm phân bón, lựa chọn giống, khai hoang, tăng vụ để sản xuất ra thật nhiều lương thực, thực phẩm. Bộ đội, cán bộ, công nhân, học sinh cũng tranh thủ trồng trọt, chăn nuôi, đảm bảo tự túc được một phần.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp về cơ bản đáp ứng được những nhu cầu về công cụ sản xuất và những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu của đời sống. Riêng công nghiệp quốc phòng có nhiều bước tiến bộ. Năm 1953, ta sản xuất được hơn 3500 tấn vũ khí đạn dược, cung cấp tạm đủ cho bộ đội về thuốc men, quân trang, quân dụng.

Tháng 5 – 1951, Chính phủ ban hành thuế nông nghiệp, thành lập Ngân hàng quốc gia Việt Nam và Sở mậu dịch. Tháng 7 – 1951, ban hành thuế công thương, thuế xuất nhập khẩu, thuế hàng hóa... Những chính sách kinh tế, tài chính đó đã khuyến khích sản xuất, đảm bảo sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân được công bằng hơn và cũng giúp cho ta đấu tranh kinh tế với địch.

Cùng với những hoạt động kinh tế là những hoạt động văn hóa. Năm 1950, hệ thống giáo dục cũ được thay thế bằng hệ thống giáo dục phổ thông 9 năm. Nội dung giáo dục tinh giản hơn, sát với thực tế Việt Nam hơn. Nhà trường gắn bó với cuộc sống hơn. Năm học 1951 – 1952, số lượng học sinh các cấp tăng lên. Phong trào Bình dân học vụ tiếp tục phát triển.

Cuộc vận động giữ gìn vệ sinh phòng bệnh, bài trừ mê tín dị đoan, chống cờ bạc, thuốc phiện, thực hiện "Đời sống mới" ngày càng lan rộng và ăn sâu trong nhân dân.

Trên khắp các nẻo đường của đất nước dấy lên một phong trào văn nghệ quần chúng sôi động. Lời ca, tiếng hát, câu hò, điệu nhảy vang lên rộn rã, làm cho cuộc sống trong kháng chiến gian khổ vẫn vui tươi, lành mạnh.

Tháng 5– 1952, "Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc" khai mạc tại căn cứ địa Việt Bắc. Đại hội đã lựa chọn được 7 anh hùng và mấy chục chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Hình 13 – La Văn Cầu

Hình 14 – Ngô Gia Khảm

Những hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa của ta từ 1951 đến đầu 1953 đều nhằm xây dựng củng cố hậu phương vững mạnh, làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc kháng chiến.

?

1. Kể những thành tích về kinh tế và văn hóa của ta.
2. Hậu phương của ta có vững mạnh không ? Vì sao ?

II - PHÁT HUY THẾ TIẾN CÔNG ĐỊCH

1. Đấu tranh giành thế chủ động trên chiến trường

Bị thất bại trong chiến dịch Biên giới, Pháp phải tiếp tục cầu viện Mĩ, Mĩ cũng muốn nắm lấy Đông Dương nên càng tích cực giúp đỡ Pháp. Sau khi được Mĩ tiếp sức, Pháp ra sức chiêu mộ thêm ngụy quân ; xây dựng phòng tuyến chạy dài từ Hòn Gai qua Bắc Giang, Sơn Tây, Hà Đông đến Ninh Bình ; phía ngoài phòng tuyến, chúng lập "Vành đai trắng" triệt hạ hết làng mạc ; đồng thời chúng cho quân đi càn quét khắp nơi. Âm mưu của chúng là bình định đồng bằng Bắc Bộ, giành quyền chủ động chiến trường, chuẩn bị điều kiện để phản công lại ta.

Đầu năm 1951, chấp hành chủ trương của Đảng và Chính phủ, hầu hết các trung đoàn chủ lực trên chiến trường Bắc Bộ được tổ chức hợp nhất thành những đại đoàn lớn mạnh để tiến công địch. Đầu tiên, ta mở chiến dịch Trần Hưng Đạo đánh địch ở Vĩnh Phúc, Bắc Ninh. Tiếp theo, ta mở chiến dịch Hoàng Hoa Thám đánh địch ở vùng Phả Lại, Uông Bí. Giữa 1951, ta mở chiến dịch Quang Trung đánh địch ở vùng Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

Chỉ trong vòng 6 tháng của năm 1951, ta liên tiếp mở ba chiến dịch lớn đánh vào những phòng tuyến kiên cố của địch. Mỗi chiến dịch ta sử dụng đến 5, 6 trung đoàn, tiêu hao một phần sinh lực địch nhưng ta vẫn chưa làm thay đổi được tình thế ở đồng bằng Bắc Bộ.

Đầu tháng 11 – 1951, sau một thời gian chuẩn bị, địch dùng tới 20 tiểu đoàn bộ binh, đánh ra Hòa Bình nhằm phản công giành quyền chủ động đã mất, chặn đường tiếp tế, vận chuyển của ta giữa Khu IV và Việt Bắc.

Địch tập trung quân đánh Hòa Bình nên phải rút bớt quân ở vùng đồng bằng. Do đó, ta vừa bố trí quân vây hãm, tiêu diệt địch ở Hòa Bình, vừa cho quân tổ chức đánh địch ở vùng sau lưng của chúng.

Sau hơn ba tháng chiến đấu, ta buộc địch phải rút chạy khỏi Hòa Bình, phá tan từng mảng hệ thống đồn bốt, hệ thống ngụy quân, ngụy quyền, phát triển mạnh mẽ vùng căn cứ du kích của ta.

Bọn địch rất bối rối, vừa rút chạy khỏi Hòa Bình, tháng 3 - 1952, chúng lại cho quân liên tiếp mở 20 trận càn, trong đó có 4 trận càn lớn, mỗi trận chúng dùng tới hơn 12 tiểu đoàn, có trọng pháo, xe cơ giới, máy bay yểm trợ.

Ta đã được lệnh chuẩn bị đối phó từ trước. Chúng ta phá đường, đắp ụ, rào làng kháng chiến, cất giấu lương thực, đào hầm hào bí mật, đặt hố chông, bãi mìn, bố trí lực lượng khi tập trung, khi phân tán, lúc ẩn lúc hiện.

Với lối đánh địch linh hoạt, phong phú, mọi cuộc càn quét của địch đều bị thất bại.

Từ tháng 6 - 1952, địch phải dùng lối càn quét nhỏ, kết hợp tiến công quân sự với tuyên truyền lừa bịp, chiều an lòng dân.

thuongmaitr

Song, dù càn quét lớn hay nhỏ, dù dở đủ mọi mánh khóe, địch vẫn không sao bình định được đồng bằng Bắc Bộ như trước.

Trên các chiến trường ở Bình Trị Thiên, Liên khu V, Nam Bộ, quân ta cũng hoạt động mạnh, phối hợp chặt chẽ với chiến trường chính ở Bắc Bộ.

?

– Cuộc đấu tranh giành quyền chủ động trên chiến trường giữa ta và địch diễn ra như thế nào ?

– Em hãy chứng minh sự bị động lúng túng của địch.

2. Ta mở chiến dịch Tây Bắc

Tây Bắc là vùng chiến lược quan trọng, địch đã chiếm đóng đề uy hiếp khu căn cứ địa Việt Bắc và che chở cho vùng Thượng Lào. Ở đây, địch có 8 tiểu đoàn và 41 đại đội đóng giữ 144 cứ điểm.

Tây Bắc cách xa Việt Bắc và vùng tự do Thanh – Nghệ – Tĩnh của ta hàng trăm ki–lô–mét nên địch cũng lơi lỏng việc phòng bị.

Nắm được sơ hở của địch, ta quyết tâm mở chiến dịch Tây Bắc nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng đồng bào dân tộc, tạo điều kiện phối hợp với cuộc kháng chiến của nhân dân Lào anh em.

Ngày 14–10–1952, mở đầu, ta tiến công địch ở Nghĩa Lộ. Trong 13 ngày, ta đã quét sạch địch ở địa bàn giữa sông Thao và sông Đà. Đợt hai, ta cho một cánh quân vượt sông Đà đánh vào Mộc Châu và một cánh khác vượt sông Đà đánh vào Thuận Châu, Sơn La.

Từ 15 – 11 đến 30 – 11 – 1952, địch bị đánh bật khỏi hàng loạt căn cứ, phải tập trung tàn quân về Nà Sản. Sau đó, chúng đổ thêm quân xuống Nà Sản để cố giữ vị trí này.

Nà Sản có tất cả 10 tiểu đoàn, địch tổ chức thành một tập đoàn cứ điểm khá mạnh. Vì ta chưa đủ khả năng đánh chắc thắng một tập đoàn cứ điểm nên ta chủ động kết thúc chiến dịch vào ngày 10 – 12 – 1952, giải phóng hơn 28000 km^2 với 25 vạn dân.

tuoitgxua.vn

Đồng thời với chiến dịch Tây Bắc, quân ta còn đánh địch ở Phú Thọ, ở đồng bằng Bắc Bộ. Hàng loạt đồn bốt địch bị nhổ, hàng loạt vùng tề bị phá. Vùng căn cứ du kích của ta được củng cố và mở rộng.

Trên đà thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc, đầu 1953, quân đội Lào cùng với sự giúp đỡ của quân đội Việt Nam, mở chiến dịch Thượng Lào đánh vào Sầm Nưa, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn.

?

1. Với chiến dịch Tây Bắc, quân ta có những bước phát triển gì về thế và lực ?

2. Em hãy nói rõ mối quan hệ giữa củng cố hậu phương và thắng lợi ở chiến trường của ta những năm từ 1951 đến đầu 1953.

Bài 16

CHIẾN CUỘC ĐÔNG XUÂN (1953 - 1954) VÀ CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

I - CHIẾN CUỘC ĐÔNG XUÂN (1953 - 1954)

1. Tình hình của địch giữa 1953 và "Kế hoạch Na-va"

Sau gần tám năm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp chỉ chuốc lấy những thất bại. Năm viên cao ủy và sáu viên tổng chỉ huy Pháp ở Đông Dương lần lượt bị gọi về. Chính phủ Pháp 17 lần dựng lên, đổ xuống. Hơn 30 vạn binh lính và sĩ quan bị bắt và bị giết. Phong trào phản đối chiến tranh "bẩn thỉu" ở Đông Dương ngày càng lên cao. Tinh thần chiến đấu của quân đội Pháp suy sụp.

Để cứu vãn tình thế nguy ngập, ngày 7 – 5 – 1953, với sự thỏa thuận của Mĩ, chính phủ Pháp cử tướng Na–va sang làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương.

Pháp và Mĩ vạch ra "Kế hoạch Na–va" hòng chuyển bại thành thắng trong vòng 18 tháng. Kế hoạch chia làm hai bước. Bước một (đến giữa 1954) mở rộng ngụy quân, tập trung xây dựng lực lượng cơ động chiến lược lớn, chấm dứt tình trạng phân tán bị động. Bước hai (đến giữa 1955), chuyển sang tiến công chiến lược ở miền Bắc, giành thắng lợi quyết định hoặc ít nhất cũng tạo nên thế mạnh để đi đến một cuộc đàm phán có lợi.

Sau đó, thực dân Pháp tăng viện ngay cho quân viễn chinh 12 tiểu đoàn. Ngụy quyền Bảo Đại ra lệnh bắt hàng chục vạn thanh niên vào lính để mở rộng ngụy quân. Đế quốc Mĩ tăng viện trợ lên gấp rưỡi (chiếm 73% tổng số chi phí chiến tranh Đông Dương). Đến mùa xuân 1954, tổng số quân địch lên tới 48 vạn (khoảng 70% là quân ngụy). Lực lượng cơ động chiến lược, chiếm hơn 100 tiểu đoàn, chủ yếu tập trung ở Bắc Bộ.

Ngày 15 – 10 – 1953, quân Pháp dạo màn đầu "Kế hoạch Na–va" bằng cách mở chiến dịch "Hải Âu" đánh vào tây nam Ninh Bình nhưng đã bị tổn thất và rút lui.

? – "Kế hoạch Na–va" có nội dung cụ thể như thế nào ?

2. Chủ trương và kế hoạch của ta

Nghiên cứu tìm hiểu "Kế hoạch Na–va" ta chủ trương đánh vào những nơi sơ hở của chúng, buộc chúng phải phân tán lực lượng cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ ; tranh thủ tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch, giành quyền chủ động ở các chiến trường ; phối hợp chặt chẽ với quân dân Lào, Campuchia ; tạo điều kiện tiến lên giải phóng đồng bằng Bắc Bộ.

Mặt khác, ta cũng mở một lối thoát cho địch. Ngày 28 – 11 – 1953, nhân trả lời những câu hỏi của một nhà báo Thụy Điển về khả năng đình chiến ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Cơ sở của việc đình chiến là chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thực sự của nước Việt Nam". Ta cũng không quên lưu ý cán bộ nhân dân : phải đẩy mạnh kháng chiến, tiêu diệt cho thật nhiều sinh lực địch hơn nữa thì địch mới chịu nhân nhượng thương lượng.

uongxua.vn

Tháng 12 – 1953, Quốc hội nước ta lại thông qua "Luật cải cách ruộng đất". Luật được ban hành, gây một chấn động lớn trong cả nước. Uy thế của giai cấp địa chủ bị đánh đổ. Nông dân phấn khởi vươn lên làm chủ, hăng hái sản xuất, cống hiến sức của, sức người cho kháng chiến. Bộ đội (phần lớn là nông dân) giác ngộ thêm quyền lợi giai cấp, càng náo nức lập công.

? – Ta bước vào chiến cuộc Đông Xuân (1953 – 1954) với những thuận lợi gì ?

3. Các cuộc tiến công của ta

Giữa tháng 11 – 1953, triển khai kế hoạch tác chiến, ta cho bộ đội chủ lực tiến lên Tây Bắc nhằm giải phóng Lai Châu và quét bọn phỉ ở

Sơn La. Lập tức, Na–va phải cho quân cơ động nhảy dù xuống Điện Biên Phủ. Ta tiếp tục cho chủ lực lên Tây Bắc. Na–va phải tăng quân cho Điện Biên, biến thung lũng này thành một tập đoàn cứ điểm kiên cố. Ta đã phân tán được 12 tiểu đoàn địch về Điện Biên, giam chân chúng ở đây và lệnh cho quân dân ta gấp rút chuẩn bị mọi mặt để tiến công Điện Biên.

Đầu tháng 12 – 1953, liên quân Lào – Việt bất ngờ tiến công địch ở Trung Lào. Chỉ trong 5 ngày, ta đã giải phóng được bốn vạn km^2. Địch hốt hoảng điều quân ở Bắc Bộ và các nơi đến cứu nguy. Chúng tổ chức Xê–nô (Xa–va–na–khét) thành một tập đoàn cứ điểm mới. Quân ta thừa thắng đánh xuống Hạ Lào rồi cùng quân giải phóng Campuchia đánh thông cả miền Đông và Đông bắc Campuchia.

Cuối tháng 1 – 1954, ta lại tiến công địch ở Tây Nguyên. Chỉ trong một đêm, ta hạ ba căn cứ địch. Nhiều đồn bốt khác mới nghe quân ta tiến công đã rút chạy. Đầu tháng 2 – 1954, ta giải phóng Kon Tum và cả vùng bắc Tây Nguyên rộng 16000 km^2 với 20 vạn đồng bào. Cuộc hành quân lớn của địch đánh vào vùng tự do của ta ở Liên khu V phải ngừng lại để điều quân lên Tây Nguyên, xây dựng lại tập đoàn cứ điểm : An Khê và Plây Cu.

Cũng cuối tháng 1 – 1954, để đánh lạc hướng phán đoán của địch, tích cực mở chiến dịch Điện Biên, liên quân Lào – Việt tiến công vùng Thượng Lào, uy hiếp Luang Pha–bang và giải phóng toàn tỉnh Phong–xa–lì. Na–va buộc phải dùng máy bay điều quân từ đồng bằng Bắc Bộ đổ xuống Luang Pha– bang và Mường Sài.

Trong lúc bộ đội chính quy của ta đánh địch ở các chiến trường buộc chúng phải phân tán lực lượng cơ động ra nhiều nơi thì vùng sau lưng địch ở đồng bằng Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, nam Trung Bộ và Nam Bộ, chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá vỡ hàng trăm đồn bốt, mở rộng vùng căn cứ du kích, góp phần phân tán lực lượng địch, giam chân địch.

thuongmait

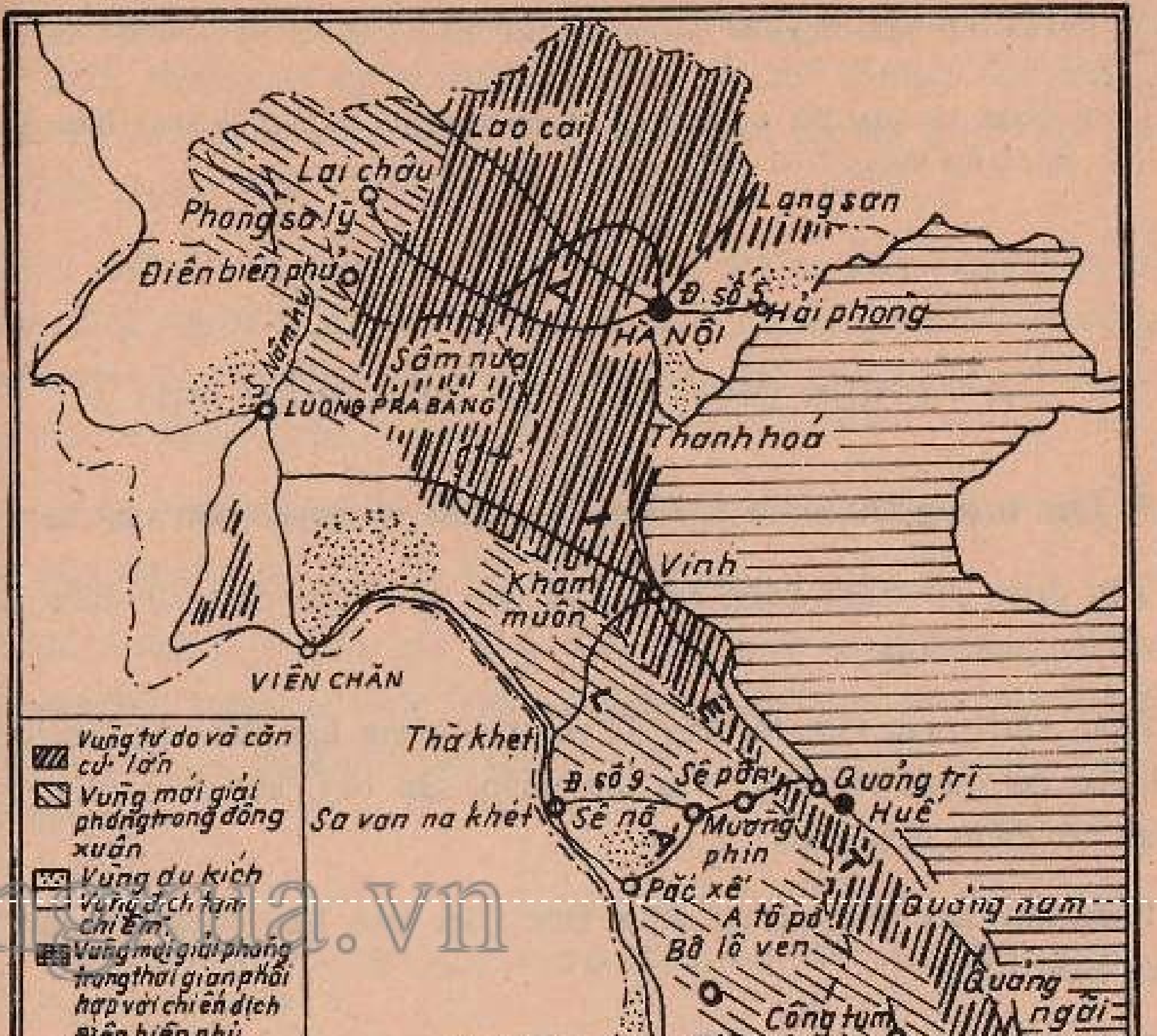

uongxua.vn

Hình 15 – Lược đồ chiến trường Đông Dương
(trên đất liền) (1953 – 1954)

?

1. Các cuộc tiến công của ta làm phá sản "Kế hoạch Na-va" như thế nào ?

2. Quan sát lược đồ, em thấy tập đoàn cứ điểm của địch ở Điện Biên Phủ có bị cô lập không ? Vì sao ?

II - CHIẾN DỊCH LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Lực lượng của địch ở Điện Biên Phủ và quyết tâm của ta

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bao gồm tám cụm cứ điểm, chia thành ba phân khu.

Phân khu trung tâm Mường Thanh tập trung hai phần ba lực lượng địch, có cơ quan chỉ huy, trận địa pháo, sân bay, kho hậu cần và hệ thống cứ điểm trên cao.

Phân khu Bắc gồm có cứ điểm Độc Lập, Bản Kéo cùng với cụm cứ điểm Him Lam.

Phân khu Nam là một cụm cứ điểm có trận địa pháo và sân bay Hồng Cúm.

Mỗi cụm cứ điểm là một hệ thống hỏa lực nhiều tầng, có chiến hào ngang dọc, có hàng rào dây thép gai dày từ 20 m đến 50 m, có bãi mìn dày đặc, có lưới dây điện sát mặt đất. Một số cứ điểm còn có hầm ngầm cố thủ.

Tổng số quân địch ở Điện Biên lên tới 16200 tên.

Điện Biên Phủ trở thành một tập đoàn cứ điểm mạnh chưa từng có ở Đông Dương. Nhiều tướng lĩnh Pháp, Mĩ đến Điện Biên đều xác nhận đây là một tập đoàn cứ điểm đáng sợ "Một pháo đài bất khả xâm phạm".

Về phía ta, trên dưới một lòng, đều quyết tâm tiêu diệt quân địch ở Điện Biên Phủ vì có đập tan được tập đoàn cứ điểm này thì mới phá tan được "Kế hoạch Na-va".

thuongmaitr

Công cuộc chuẩn bị cho chiến dịch đã được tiến hành từ đầu tháng 12 – 1953. Nhiệm vụ quan trọng bậc nhất là mở đường đến trận địa. Chỉ trong một thời gian ngắn, hàng nghìn km đường được xây dựng, sửa chữa trong "mưa bom bão đạn" của địch.

Trên những con đường đó (đường bộ và đường thủy), suốt ngày đêm, những dòng người, dòng xe ô tô, xe đạp thồ, những đoàn thuyền mảng ... chuyên chở lương thực, thực phẩm, súng đạn, thuốc men và cả sách báo, thư từ cuồn cuộn ra tiền tuyến.

Địch đã dùng trăm phương, nghìn kế, với vô vàn bom đạn ngăn chặn dòng vận chuyển thần kì đó mà không được.

Cuối tháng 1 – 1954, các đơn vị bộ đội chủ lực của ta đã vào địa điểm tập kết, chuẩn bị xong trận địa. Nhưng để đảm bảo đánh là thắng, chúng ta tiếp tục chuẩn bị chu đáo mọi mặt cho đến đầu tháng 3 – 1954 mới xong.

uongxua.vn

?

– Tại sao địch cho tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là "một pháo đài bất khả xâm phạm" ?

– Em hãy nói những đóng góp to lớn của nhân dân ta cho chiến dịch Điện Biên,

2. Diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ

Ngày 13 – 3 – 1954, quân ta bắt đầu tiến công địch ở phân khu Bắc. Trong hai ngày, ta đã tiêu diệt nhanh gọn hai cứ điểm Him Lam và Độc Lập. Ngày 17 – 3, quân địch ở Bản Kéo phải đầu hàng.

Đợt tiến công thứ nhất chỉ diễn ra 5 ngày, diệt 2000 địch, hạ 12 máy bay, uy hiếp trực tiếp sân bay Mường Thanh. Tên Pi-rốt chỉ huy pháo binh địch ở Điện Biên choáng váng dùng lựu đạn tự tử.

Chiều 30 – 3 – 1954, ta mở đợt tiến công thứ hai, đồng loạt nổ súng vào các cứ điểm trên các phân khu Trung tâm. Cuộc đánh chiếm đồi A_1 và C_1 diễn ra suốt 4 ngày đêm, hai bên giành giật nhau từng thước đất. Cuối cùng, mỗi bên chiếm giữ một nửa cao điểm. Sự tổn thất của

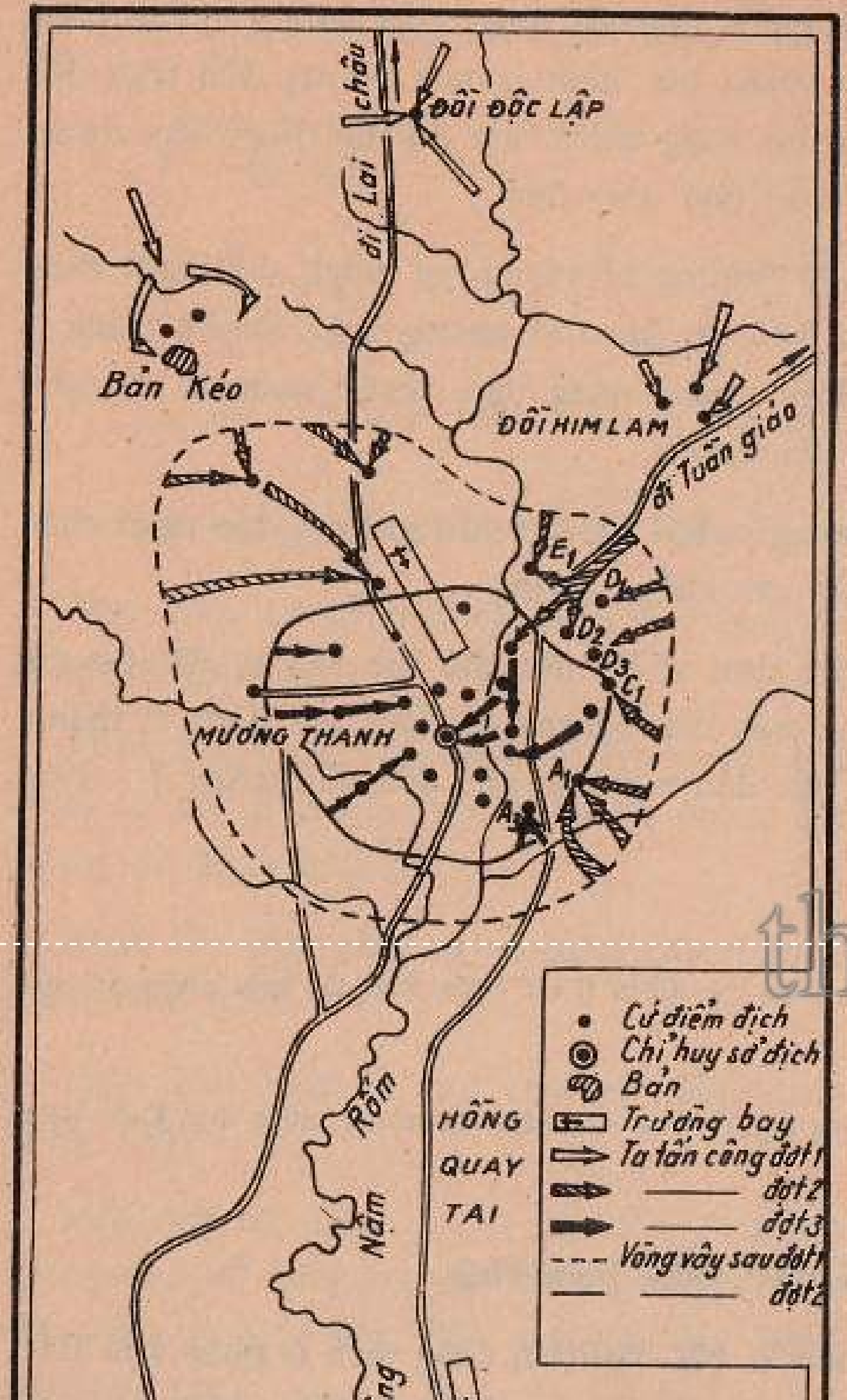

Hình 16 – Lược đồ các đợt tiến công của quân ta vào Điện Biên Phủ

hai bên đều nặng nề. Ở trận địa cánh đồng Mường Thanh việc tiến quân của ta rất khó khăn vì hỏa lực rất mạnh của địch. Ta chủ trương xây dựng một hệ thống hầm hào, mới tiến công được. Các đơn vị bộ đội sôi nổi thi đua xây dựng trận địa. Hào trục, hào nhánh lớn nhỏ đan nhau ngang dọc dài tới hàng trăm km, dính liền với hàng vạn chiếc hầm.

Đến giữa tháng 4, chiến hào đã giúp quân ta đỡ thương vong, cắt lìa phân khu Nam với phân khu Trung tâm, cắt đôi sân bay Mường Thanh. Cuối tháng 4, quân ta đã bao vây, ép chặt trận địa địch, mỗi chiều chỉ còn hơn 1km. Binh lính địch ló đầu lên khỏi mặt đất là bị quân ta bắn tỉa. Chúng phải chui rúc trong công sự chật hẹp, bẩn thỉu, thiếu nước, thiếu ăn, thiếu cả thuốc men.

Thực dân Pháp tập trung hầu hết máy bay ở Đông Dương dùng cho mặt trận Điện Biên. Đế quốc Mĩ chi viện ngay cho Pháp 179 máy bay kèm cả một số giặc lái. Chúng điên cuồng cho máy bay ném bom bắn phá không ngớt xuống trận địa ta nhưng chiến hào vẫn vươn tới như những chiếc thòng lọng thít chặt lấy cổ địch.

Đợt tiến công thứ ba của ta bắt đầu đêm 1 – 5. Những ngày đầu, ta chiếm một số điểm cao còn lại ở phía đông, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch ở phía tây. Tối 6 – 5, đường ngầm,ta đào vào tận đỉnh đồi A_1, dùng một tấn thuốc nổ mới phá tan được cao điểm cuối cùng nguy hiểm này.

Quân ta được lệnh tổng công kích trên toàn mặt trận. Chiều 7-5, quân ta vượt qua cầu Mường Thanh tiến công vào sở chỉ huy địch, bắt sống tên tướng Đờ Cát và bộ tham mưu của chúng. Gần một vạn quân địch kéo nhau ra hàng. Tiếp đó ta tiến công phân khu Nam, truy kích và bao vây tiêu diệt toàn bộ bọn địch ở đây.

Sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giết và bắt sống 16200 tên địch, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại.

Cuộc tiến công chiến lược đông xuân (1953 – 1954) với đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ đã đánh bại "Kế hoạch Na-va" của Pháp – Mĩ, xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho cuộc đấu tranh ngoại giao.

?

– Quân ta tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ như thế nào ?

– Cuộc chiến đấu diễn ra có gay go ác liệt không ? Tại sao ?

3. Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao

Cuối 1953, ta đã mở đường thương lượng đình chiến nhưng bọn địch chưa chấp nhận. Khi "kế hoạch Na-va" sắp tan vỡ thì Pháp – Mĩ buộc phải nhận lời đề nghị của Liên Xô triệu tập một cuộc hội nghị ở Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) vào ngày 26 – 4 – 1954 để bàn về việc

lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đến dự hội nghị có Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ, Anh, Pháp và những nước có liên quan. Phái đoàn Việt Nam do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu.

Cuộc đấu tranh ở bàn hội nghị diễn ra rất căng thẳng nhưng tin chiến thắng Điện Biên Phủ vang đến hội nghị rồi hàng trăm đoàn đại biểu nhân dân Pháp đến tận Giơ-ne-vơ đòi phái đoàn Pháp phải nghiêm chỉnh đàm phán, nhờ đó hội nghị tiến triển nhanh hơn.

Ngày 21 - 7 - 1954, sau 75 ngày làm việc, Hội nghị mới đi đến kết quả [1]. Các văn bản kí kết của Hiệp định công nhận độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Đối với Việt Nam, Hiệp định quy định ngày ngừng bắn ; thời gian chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời là vĩ tuyến 17 ; cấm hai bên trả thù những người cộng tác với đối phương ; quy định ngày 20 - 7 - 1956 sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất nước Việt Nam.

thuongmaitı

Hiệp định Giơ-ne-vơ cùng với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ hòa bình trên phạm vi toàn thế giới.

?

1. Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định những gì ?

2. Sự phối hợp giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao diễn ra như thế nào ?

3. Em hãy trình bày diễn biến, nguyên nhân và ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Điện Biên Phủ.

---

(1) Đại biểu Mĩ bỏ hội nghị ra về trước khi kí kết Hiệp nghị.

CHƯƠNG VI

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Bài 17

MIỀN BẮC BƯỚC VÀO THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, MIỀN NAM ĐẤU TRANH DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG (1954 - 1960)

I - TÌNH HÌNH MỚI, NHIỆM VỤ MỚI

1. Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền

Theo những điều khoản quy định trong Hiệp định Giơ-ne-vơ, phía Việt Nam đã thực hiện việc ngừng bắn, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực đúng thời hạn.

truongxua.vn

Trái lại, phía đế quốc Pháp thì cố tình trì hoãn việc ngừng bắn ; dụ dỗ, cưỡng ép gần một triệu đồng bào công giáo miền Bắc di cư vào Nam, lén lút mang đi những máy móc, tài sản, thiết bị quý của các nhà máy, cơ quan, trường học ...

Nhưng, trước thái độ đấu tranh bền bỉ, kiên quyết của Chính phủ và nhân dân ta, đế quốc Pháp cũng buộc phải thi hành Hiệp định.

Ngày 10 - 10 - 1954, bộ đội ta tiến vào giải phóng Hà Nội giữa rừng cờ, rừng hoa của đồng bào. Ngày 1 - 1 - 1955, nhân dân Hà Nội tưng bừng mít tinh lớn chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Thủ đô. Ngày 16 - 5 - 1955, những đơn vị cuối cùng của đế quốc Pháp rút khỏi khu vực Hải Phòng. Miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng.

Còn một nửa nước ở miền Nam vẫn do lực lượng Liên hiệp Pháp nắm quyền kiểm soát chờ ngày Tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất nước nhà.

Nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền.

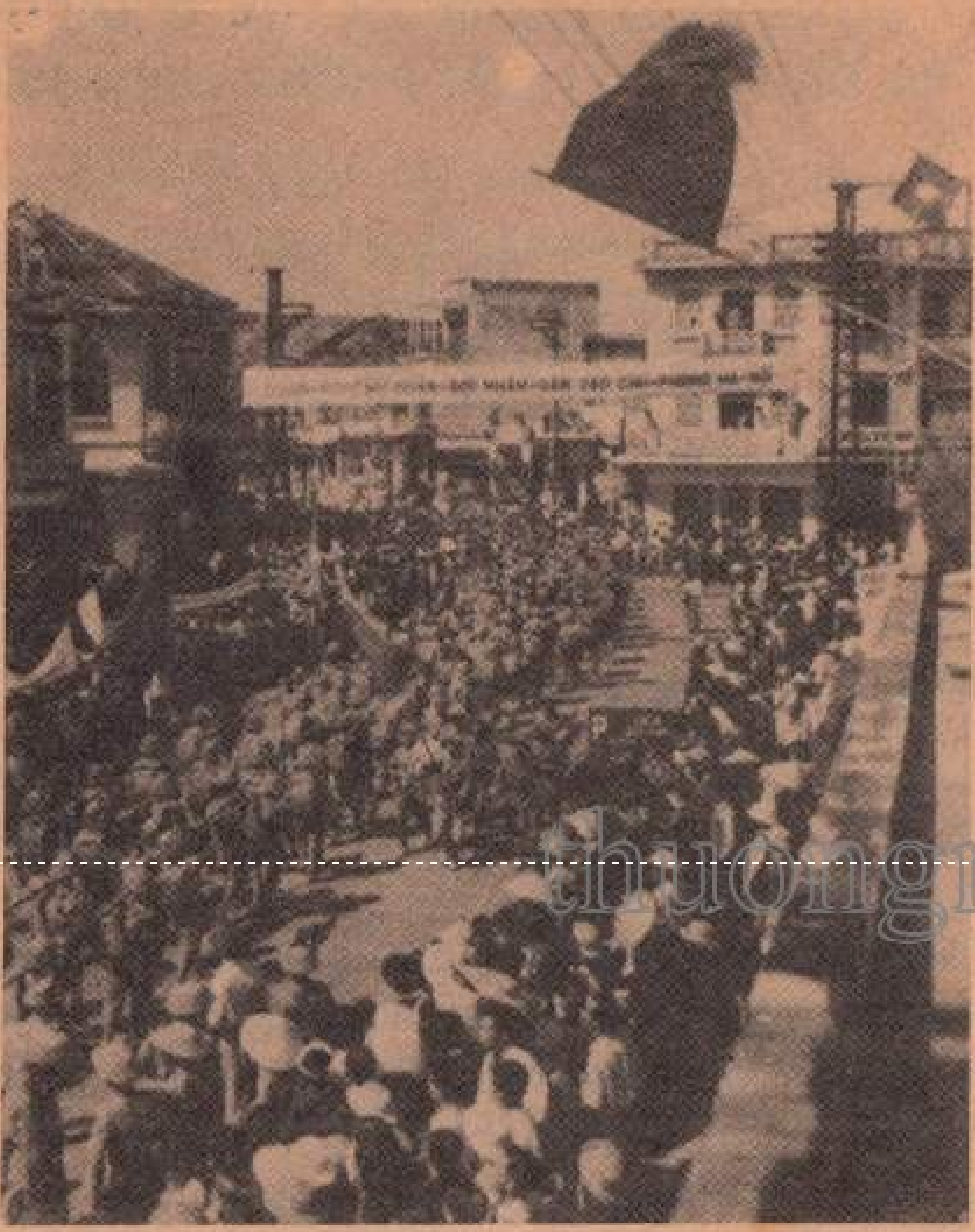

Hình 17 – Bộ đội tiến quân vào giải phóng Thủ đô

thuongmaitr

? – Tình hình mới của nước ta sau Hiệp định Giơ–ne–vơ như thế nào ?

2. Nhiệm vụ mới

Miền Bắc sau khi hoàn thành nhiệm vụ chống đế quốc, phải tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ chống phong kiến, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Miền Nam phải đấu tranh đòi thi hành đầy đủ Hiệp định Giơ-ne-vơ ; đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống ; chống khủng bố, đàn áp ; giữ lại những quyền lợi đã giành được trong kháng chiến.

Nhiệm vụ chung của nhân dân cả hai miền là ra sức xây dựng miền Bắc vững mạnh, duy trì hòa bình, đấu tranh thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

? 1. Nhiệm vụ cách mạng của miền Bắc và miền Nam nước ta cụ thể như thế nào ?

2. Nhiệm vụ của mỗi miền liên quan đến nhiệm vụ chung ra sao ?

II - MIỀN BẮC KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA

1. Khôi phục kinh tế

ruongxua.vn

Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng nhưng ở nông thôn phần lớn ruộng đất vẫn còn nằm trong tay giai cấp địa chủ phong kiến, nhiều nơi trong vùng địch cũ, đất đai bị bỏ hoang, trâu bò bị giết hại, nông cụ bị phá hủy. Ở các vùng đô thị, công nghiệp và thủ công nghiệp ít được phát triển, hàng hóa phải nhập của nước ngoài là chính. Trong tất cả các ngành kinh tế, thường làm ăn theo lối riêng lẻ nên quy mô nhỏ bé, lạc hậu. Mức sống của nhân dân thấp.

Đứng trước tình hình đó, Đảng và Chính phủ ta chủ trương phải đẩy mạnh cuộc vận động cải cách ruộng đất ra sức phục hồi kinh tế, tăng cường lực lượng quốc phòng, đưa miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đến mùa hè 1956, cải cách ruộng đất đã hoàn thành về cơ bản. 81 vạn hecta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 2 triệu nông cụ đã về tay nông dân lao động. Người nông dân tiến lên địa vị làm chủ ở nông thôn. Song cải cách ruộng đất cũng mắc phải những sai lầm nghiêm trọng như quy nhiều trung nông thành địa chủ, phương pháp đấu tranh còn thô bạo ...

Công cuộc khôi phục kinh tế được nhân dân tích cực hưởng ứng. Nông dân hăng hái khai phá ruộng hoang, sửa chữa đê điều, đào thêm mương máng, chăm sóc phát triển trâu bò, đẩy mạnh sản xuất. Đến cuối 1957, tổng sản lượng nông nghiệp đã đạt mức trước chiến tranh.

Các xí nghiệp công nghiệp quan trọng như mỏ than Hòn Gai, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy xi măng Hải Phòng ... lần lượt được khôi phục. Một số nhà máy mới được xây dựng như : chè Phú Thọ, cá hộp Hải Phòng, cơ khí Hà Nội, gỗ dán Cầu Đuống, diêm Thống Nhất, thuốc lá Thăng Long ...

Về giao thông, ta xây dựng lại gần 700km đường sắt,trong đó quan trọng nhất là đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn.

Về thương nghiệp, ta mở nhiều cửa hàng mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán ; việc buôn bán với nước ngoài ta đặt quan hệ với 27 nước.

Trong ba năm khôi phục kinh tế (1955 – 1957), mọi mặt hoạt động của ta trở lại ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện, nạn thất nghiệp được giải quyết về căn bản, lực lượng vũ trang được tổ chức lại, trang bị mới, huấn luyện chu đáo để sẵn sàng chiến đấu, góp phần cùng miền Nam tiến hành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.

? – Hòa bình lập lại, miền Bắc gặp khó khăn gì?

– Chúng ta giải quyết những khó khăn đó như thế nào ?

2. Cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế văn hóa

Sau khi hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế, Đảng và chính phủ ta xác định rõ :"Với sự giúp đỡ của các nước XHCN, chúng ta quyết đưa miền Bắc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội mà không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa" (1); "Phải đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ

(1) Trích Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 13 (12–1957).

thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa với thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh làm lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân"[1].

Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp được coi là khâu chính của kế hoạch ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế văn hóa (1958 - 1960).

Ở nông thôn miền Bắc, sau một năm giáo dục cho nông dân về con đường hợp tác hóa, các gia đình lần lượt xin vào hợp tác. Đến cuối 1960, 85% nông hộ, 68% ruộng đất đã vào hợp tác xã.

Ở thành thị, 87,9% số thợ thủ công và hơn 45% số người buôn bán nhỏ tham gia hợp tác xã thủ công nghiệp và thương nghiệp. Giai cấp tư sản, đứng trước trào lưu chung của xã hội, hầu hết cũng xin vào công tư hợp doanh.

Cùng với công cuộc cải tạo XHCN, chúng ta không ngừng chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa. Năm 1957, ta mới có 97 xí nghiệp quốc doanh, đến 1960 ta đã có đến 172 xí nghiệp quốc doanh và trên 500 cơ sở công nghiệp địa phương. Sản lượng công nghiệp quốc doanh từ chỗ chiếm 10,8% tổng sản lượng công nghiệp (1955) đến chỗ chiếm 89,9% (1960). Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán đã giữ được vai trò chỉ đạo, ổn định thị trường.

Những tiến bộ về mặt kinh tế tạo điều kiện cho văn hóa, giáo dục, y tế phát triển. Cuối năm 1960, nhân dân miền xuôi hầu hết đã biết đọc, biết viết. Hệ thống giáo dục mở rộng, hoàn chỉnh dần với các trường lớp phổ thông, đại học chuyên nghiệp và bổ túc văn hóa.

Trình độ hiểu biết của các tầng lớp nhân dân được nâng cao, góp phần quan trọng cho các ngành văn hóa, y tế đạt được những thành tựu đáng kể.

Đồng thời với những việc trên, chúng ta đã tiến hành bầu cử lại Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp ; đưa quân đội từng

---

(1) Trích Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 14 (11 –1958).

bước tiến lên chính quy hiện đại ; ban hành hiến pháp mới ; tổ chức bầu cử quốc hội khóa II ; sôi nổi thi đua chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba, thắt chặt thêm quan hệ ngoại giao với các nước ...

Nhìn chung lại, sau ba năm cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa (1958 – 1960), bộ mặt miền Bắc nước ta đã thay đổi về cơ bản. Trong xã hội hầu như không còn quan hệ người bóc lột người. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và nửa xã hội chủ nghĩa chiếm vai trò trọng yếu trong nền kinh tế quốc dân. Đời sống mọi mặt của nhân dân tương đối tươi vui, no ấm. Sự lớn mạnh của miền Bắc đã động viên, khích lệ nhân dân miền Nam đứng lên đấu tranh giành độc lập, thống nhất.

?

1. Công cuộc cải tạo XHCN và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa đã diễn ra như thế nào ? Kết quả ?

2. Từ năm 1954 đến năm 1960 miền Bắc đã lớn mạnh như thế nào ?

3. Em thử phân tích xem sự lớn mạnh của miền Bắc sẽ có tác dụng cụ thể như thế nào đến phong trào đấu tranh ở miền Nam ?

thuongmaitr

III - MIỀN NAM ĐẤU TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIƠ-NE-VƠ, CHỐNG "TỐ CỘNG, DIỆT CỘNG" VÀ "ĐỒNG KHỞI" THẮNG LỢI

1. Âm mưu của đế quốc Mĩ

Chỉ một ngày sau khi kí Hiệp định Giơ–ne–vơ, tổng thống Mĩ Ai–xen–hao đã tuyên bố : "Chính phủ Mĩ không tham gia kí thì không bị Hiệp định ràng buộc". Rồi không đầy hai tháng sau, Mĩ lôi kéo một số nước thành lập khối SEATO (1) đặt ba nước Đông Dương dưới sự bảo hộ của khối này. Tháng 11 – 1954, Mĩ cử tướng J. Cô–lin sang làm đại sứ ở

(1) Khối phòng thủ Đông Nam Á gồm các nước : Mĩ, Anh, Pháp, Ô–xtrây–li–a, Niu Di–len,Pa–ki–xtan,Phi–lip–pin,TháiLan

Nam Việt Nam với mưu đồ : ủng hộ Ngô Đình Diệm [1] gạt bỏ Pháp, tiêu diệt lực lượng cách mạng, chiếm hẳn miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

Để thi hành kế hoạch thâm độc này, đế quốc Mĩ viện trợ thẳng cho chính quyền ngụy không qua tay Pháp ; liên tiếp đưa cố vấn quân sự và vũ khí vào miền Nam, trực tiếp giúp Ngô Đình Diệm xây dựng một đội quân lớn trang bị tối tân ; bày trò "trưng cầu dân ý" lật đổ Bảo Đại, đưa Diệm lên làm tổng thống ; loại trừ dần các phần tử thân Pháp, buộc Pháp phải rút hết quân về nước (5-1956) ; ráo riết tổ chức những chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" tàn sát không thương tiếc những người kháng chiến cũ ; tung hàng hóa Mĩ, Nhật tràn vào thị trường, tạo ra một cảnh phồn vinh giả tạo, xa hoa, trụy lạc. Trắng trợn hơn, Mĩ - Diệm tuyên bố "không có hiệp thương tổng tuyển cử", tự động bầu cử quốc hội riêng rẽ và ban hành hiến pháp của miền Nam, xóa bỏ Hiệp định Giơ-ne-vơ.

ruongxua.vn

? – Âm mưu chủ yếu của đế quốc Mĩ là gì ?

2. Phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam (1954 - 1960)

Ngay từ 1954, Đảng ta đã chỉ rõ : đế quốc Mĩ hiện đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương và vạch ra nhiệm vụ cụ thể cho cách mạng miền Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Nam chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị. Phong trào đầu tiên nổ ra ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Huế nhằm chào mừng hòa bình, yêu cầu chính quyền ngụy thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơ-ne-vơ.

---

(1) Ngô Đình Diệm, tay sai của Pháp rồi được Mĩ huấn luyện. Tháng 6 – 1954, Mĩ ép Pháp đưa Diệm lên làm Thủ tướng chính phủ ngụy.

Phong trào ngày càng lan rộng ra trên khắp miền Nam, lôi kéo hàng chục vạn quần chúng tham gia, mặc cho quân thù khủng bố, đàn áp.

Đến giữa năm 1955, phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tuyển cử bùng lên dữ dội. Mít tinh, biểu tình, bãi công, bãi thị liên tiếp nổ ra ở khắp nơi. Địch hết sức bối rối, càng mở rộng chiến dịch khủng bố, tàn sát.

Từ cuối 1956 đến 1959, Mĩ – Diệm một mặt công khai xóa bỏ Hiệp định Giơ–ne–vơ, một mặt ra sức lùng bắt tra tấn, tù đày, giết hại cán bộ cách mạng và quần chúng yêu nước. Chúng mở rộng chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" ; ban hành luật "cải cách điền địa" : lập "khu dinh điền", "khu trù mật" ; thi hành luật 10–59, đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật ; tăng cường quân đội, hô hào "Bắc tiến".

Trước sự đàn áp tàn bạo của địch, lực lượng cách mạng chỉ đối phó bằng đấu tranh chính trị nên bị tổn thất khá nặng nề. Hàng chục vạn người bị bắt và bị giết. Nhiều nơi, cán bộ, đảng viên bị tàn sát hết, tổ chức cách mạng bị phá vỡ hoàn toàn.

thuongmaitr

Trong thực tiễn đối mặt với quân thù hung ác, quần chúng thấy rằng không thể dùng tay không mà chống với súng đạn. Quần chúng tự động vũ trang để tự vệ, diệt ác, trừ gian. Tháng 4–1958, Bắc Ái (Ninh Thuận), vùng dậy chống dồn dân, bảo vệ buôn làng. Tháng 10–1958, lực lượng vũ trang quận Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một) tiến công tiêu diệt hoàn toàn quân địch ở quận lị. Phong trào được nhen nhóm trở lại.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (1–1959) đã kịp thời đánh giá tình hình và xác định rõ "Con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, bằng sức mạnh của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang".

Có Đảng chỉ đường, tháng 8 – 1959, nhân dân huyện Trà Bồng (Quảng Ngãi) vùng lên quét sạch ngụy quyền ở 16 xã. Rồi ngày 17–1–1960, tỉnh ủy Bến Tre phát lệnh "đồng khởi". Huyện Mỏ Cày được chọn làm điểm mở đầu. Với vũ khí thô sơ, nhân dân Bến Tre nhất tề nổi dậy phá tan bộ máy kìm kẹp của địch ở thôn xã. Thắng lợi của Bến Tre nhanh

chống lan rộng ra các tỉnh Nam Bộ rồi cả miền Nam. Chính quyền cách mạng đã được thành lập trên một vùng rộng lớn. Cục diện cách mạng miền Nam chuyển biến nhảy vọt.

Trong khí thế đó, ngày 20-12-1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Cương lĩnh của Mặt trận có tác dụng tập hợp mọi tầng lớp nhân dân yêu nước miền Nam đứng lên chống Mĩ – Diệm.

?

1. Diễn biến phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam từ 1954 đến 1960 ?

2. Em có biết những chuyển biến nhảy vọt của cách mạng miền Nam năm 1960 có tác dụng như thế nào đối với sự nghiệp xây dựng ở miền Bắc ?

Bài 18

ruongxua.vn

MIỀN BẮC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. MIỀN NAM CHỐNG "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1961 - 1965)

1. Đại hội toàn quốc lần thứ ba của Đảng

Trong bối cảnh miền Bắc, miền Nam đều đang vươn lên mạnh mẽ, tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp tại Hà Nội, Đại hội đã xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam : Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đẩy mạnh cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Hai nhiệm vụ đó có quan hệ mật thiết với nhau.

Miền Bắc phải là căn cứ địa chung của cách mạng cả nước, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

Cách mạng miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Đại hội đã vạch ra đặc điểm đường lối chung của cả thời kì quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội của miền Bắc, thông qua phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ; đồng thời chỉ rõ con đường đấu tranh để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

? – Nhiệm vụ cách mạng ở hai miền Nam, Bắc cụ thể như thế nào ? Có gì khác với nhiệm vụ của hai miền được nêu ra năm 1954 ?

2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)

Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là : Phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội ; hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ; cải thiện thêm một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ; củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự an ninh xã hội.

Nhà nước ta đã dành 48% tổng số vốn để xây dựng và phát triển công nghiệp, trong đó 80% số vốn đầu tư vào công nghiệp nặng. Một số cơ sở công nghiệp nặng bắt đầu đi vào xây dựng hoặc bước vào sản xuất : sup – pe phốt phát Lâm Thao, nhiệt điện Uông Bí, phân đạm Bắc Giang, phân lân Văn Điển, thủy điện Thác Bà, gang thép Thái Nguyên, mỏ sắt Trại Cau ... Nhiều xí nghiệp công nghiệp nhẹ ra đời : miến, mì chính Việt Trì, đường Vạn Điểm, pin Văn Điển, dệt 8-3, dệt kim Đông Xuân ...

Ở các địa phương, hàng trăm xí nghiệp công nghiệp cũng được xây dựng để hỗ trợ cho công nghiệp trung ương và giải quyết nhu cầu tại chỗ.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nông nghiệp được coi là cơ sở để công nghiệp hóa đất nước. Hàng trăm công trình thủy lợi lớn hình

thành nhằm tưới tiêu nước, hàng vạn km bờ vùng, bờ thửa để cải tạo đồng ruộng, một màng lưới rộng lớn các trạm trại kĩ thuật được lập ra để nghiên cứu, áp dụng các thành tựu khoa học, kĩ thuật vào sản xuất. Cùng với những việc to lớn trên đây, khắp nông thôn miền Bắc đều có phong trào chăm lo củng cố hợp tác xã, đưa phần lớn hợp tác xã bậc thấp lên bậc cao.

Đến cuối kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, ta đã có được một nền công nghiệp vừa khai thác, vừa chế biến bao gồm nhiều ngành công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương với hơn 1000 xí nghiệp.

Có một nền nông nghiệp đi vào hợp tác hóa sản xuất theo hướng quy mô lớn đạt năng suất cao (một số hợp tác xã đạt 5 tấn thóc một hecta), vừa chú trọng thâm canh vừa không ngừng mở rộng diện tích.

Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân trên cơ sở nền kinh tế phát triển càng tiếp tục được cải thiện. Số học sinh phổ thông từ 1,5 triệu (1960) lên 2,6 triệu (1965) ; 70% số huyện có bệnh viện với đội ngũ y sĩ, bác sĩ đông đảo ; sách, báo, phim ảnh đưa về đến tận thôn xã ; đâu đâu cũng có trường học, nhà trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ, sân chơi, nhà ngói mới.

Lực lượng vũ trang của ta đã tiến lên chính quy, bước đầu trang bị hiện đại, đủ sức bảo vệ miền Bắc và có thể tích cực chi viện cho miền Nam. Trên các tuyến đường tiếp tế Bắc – Nam tổ chức từ 1959 (1) đã được tăng cường cả về quân số và phương tiện vận chuyển, ngày đêm chở vũ khí, đạn dược, thuốc men ... vào Nam. Các khung cán bộ cấp tiểu đoàn, trung đoàn, cơ quan chỉ huy và ngay cả từng đơn vị tiểu đoàn, trung đoàn cũng được gấp rút huấn luyện để lần lượt đưa vào miền Nam chiến đấu.

? –Bộ mặt miền Bắc nước ta thay đổi như thế nào sau kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ?

(1) Đường Trường Sơn và Đường "Trường Sơn biển".

3. Miền Nam chống "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ

Phong trào "đồng khởi" đã đánh bại kiểu "chiến tranh một phía" của đế quốc Mĩ. Năm 1961, chúng phải đưa ra chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" để áp dụng ở miền Nam. Biện pháp quan trọng nhất của chiến lược này là ra sức xây dựng quân ngụy lớn mạnh để đối phó với chiến tranh du kích của ta ; ra sức bình định nông thôn, lập "ấp chiến lược" để kiểm soát dân ; ra sức càn quét để tiêu diệt lực lượng kháng chiến. Đế quốc Mĩ cho thêm cố vấn, đưa hẳn một số đơn vị chiến đấu, tăng thêm viện trợ quân sự (kể cả máy bay và chiến xa) vào miền Nam. Bọn chúng còn dùng mọi cách, kể cả dùng chất độc hóa học, để ngăn chặn đường tiếp tế Bắc – Nam, tung nhiều toán gián điệp, biệt kích vào miền Bắc để phá hoại.

Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ vô cùng hiểm độc nhưng quân dân miền Nam vẫn tìm cách đối phó để tiến lên.

Đầu năm 1961, các đơn vị vũ trang tự vệ còn nhỏ bé của miền Nam, được sự chi viện của miền Bắc đã xây dựng một lực lượng vũ trang cách mạng tại chỗ gồm ba thứ quân : bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng. Suốt hai năm 1961 – 1962, quân ta đã chống phá hàng ngàn cuộc càn quét của địch, chủ động tiến công các đồn bốt, uy hiếp các thị trấn, thị xã, tiêu hao nhiều sinh lực địch, thu rất nhiều súng đạn để tự trang bị. Có lực lượng vũ trang lớn mạnh, quần chúng càng thêm tin tưởng để đấu tranh chính trị và làm binh vận. Phong trào đấu tranh phá "ấp chiến lược" diễn ra quyết liệt, dai dẳng. Muốn phá ấp ta phải bám dân, bám đất, nhen nhóm, liên kết lực lượng rồi trong ấp nổi lên, bên ngoài đánh vào hỗ trợ. Phá được ấp, quân dân ta dựng làng chiến đấu, sẵn sàng chống địch càn quét. Đầu năm 1963, địch tổ chức một cuộc vây quét lớn với hơn 2000 quân, có cả chiến xa và trực thăng phối hợp do bọn tướng tá Mĩ chỉ huy đánh vào Ấp Bắc (Mĩ Tho). Suốt từ sáng đến chiều, quân dân ta dựa vào làng chiến đấu, đánh lui tất cả các đợt tấn công của địch, buộc chúng phải rút chạy. Từ đó, khắp miền Nam có phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công".

Hàng loạt đồn bốt địch bị nhổ bật, hàng loạt "ấp chiến lược" biến thành căn cứ của quân ta. Các cuộc đấu tranh ở đô thị cũng trở nên mạnh mẽ. Nội bộ địch hoang mang bối rối. Cuối 1963, bọn tướng lĩnh nguỵ làm đảo chính lật đổ Diệm rồi bắn chết.

Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" mang nhãn hiệu "Kế hoạch Xta-lây – Tay-lo" coi như bị sụp đổ. Bước sang 1964, Mĩ lại đưa ra kế hoạch Giôn-xơn – Mac Na-ma-ra hi vọng bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng hai năm. Nhưng, lúc này chính quyền cách mạng đã hình thành ở cơ sở. Quân giải phóng đã tập hợp lại thành những đơn vị tiểu đoàn, trung đoàn. Vùng giải phóng được củng cố và mở rộng trở thành hậu phương trực tiếp, vững chắc của cách mạng miền Nam. Từ 1964 đến giữa 1965, quân dân ta đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, phá vỡ trên 5000 "ấp chiến lược". Phong trào đấu tranh ở các đô thị lên cao, thu hút hàng triệu lượt người tham gia và càng sôi động lên cao hơn khi địch xử bắn người chiến sĩ biệt động Nguyễn Văn Trỗi (15 – 10 – 1964). Đặc biệt tháng 12-1964, bộ đội chủ lực cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích đã chủ động tiến công địch, suốt gần một tháng trời, trên một địa bàn khá rộng bắt đầu tại Bình Giã (Bà Rịa). Lực lượng địch có 7 – 8 tiểu đoàn, có vũ khí hiện đại, có máy bay thiết xa yểm trợ, có cố vấn Mĩ chỉ huy nhưng vẫn thất bại nặng nề. Sau đó, quân ta còn thắng lớn ở An Lão (Bình Định) Ba Gia (Quảng Ngãi) Đồng Xoài (Biên Hòa).

Đến giữa 1965 bằng các đòn tiến công chính trị, quân sự và binh vận, trên cả ba địa bàn rừng núi, đồng bằng và đô thị, quân dân miền Nam đã đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ.

?

1. Âm mưu của địch trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là gì ?

2. Nhân dân miền Nam đã đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" như thế nào ?

3. Sự phát triển của cách mạng hai miền Nam Bắc đã giúp đỡ lẫn nhau như thế nào ?

Bài 19

CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP ĐẤU TRANH CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC (1965 - 1968)

I - MIỀN BẮC VỪA CHỐNG "CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ VỪA XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Mĩ đưa chiến tranh ra miền Bắc

Năm 1964, Mĩ tăng cường hoạt động quấy phá miền Bắc. Đầu tháng 8–1964, chúng bịa đặt ra "sự kiện vịnh Bắc Bộ" rồi cho máy bay ném bom, bắn phá một số nơi. Đầu 1965, khi chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" có nguy cơ bị thất bại, Mĩ liên tục dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm suy giảm ý chí chiến đấu của quân dân ta.

Địch đã huy động một lực lượng không quân và hải quân rất lớn với các loại vũ khí hiện đại tập trung đánh vào các mục tiêu quân sự, các đầu mối và phương tiện giao thông vận tải, các nhà máy xí nghiệp hầm mỏ, các khu "dân cư đông đúc". Dã man hơn, chúng còn đánh cả vào bệnh viện, trường học, đền, chùa, nhà thờ và hệ thống đê điều ...

Mỗi ngày, trung bình chúng dùng tới hơn 300 lần chiếc máy bay đã bắn phá và thường xuyên có hơn 20 tàu chiến các loại công phá dọc bờ biển miền Bắc. Khối lượng bom đạn bắn phá ngày một tăng. Phạm vi đánh phá ngày một mở rộng. Thời gian đánh phá cả ban ngày lẫn ban đêm.

? – Mĩ đánh phá miền Bắc nhằm mục đích gì ?

2. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa xây dựng

Nắm vững quan điểm chiến tranh nhân dân của Đảng, quân dân ta kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến với tinh thần toàn dân vừa chiến đấu vừa sản xuất.

Một hệ thống phòng không và phòng thủ bờ biển được thiết lập khẩn trương, vững chắc, kết hợp các lực lượng của ba thứ quân ; kết hợp tình nghĩa quân dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sự ủng hộ quốc tế đã bình tĩnh đánh bại các nấc leo thang đánh phá của địch, lập nên những chiến công vang dội.

Hình 18 – Bộ đội cao xạ

Hạ máy bay địch có công lao của bộ đội cao xạ, tên lửa, không quân và có cả vai trò của người chiến sĩ tự vệ súng máy, súng trường. Bắn cháy tàu chiến địch có thành tích của chiến sĩ hải quân lẫn bộ đội, dân quân vùng biển.

Các tầng lớp nhân dân không trực tiếp cầm súng thì làm nhiệm vụ liên lạc, tiếp tế, động viên chiến đấu. Hình ảnh chiếc mũ sắt bên cạnh chiếc mũ rơm trong khung cảnh mịt mù khói đạn đã ăn sâu vào tiềm thức mọi người.

Công tác phòng không sơ tán được gấp rút thực hiện. Hàng triệu nhân dân ở các vùng trọng điểm và các đô thị đã dời về các vùng an

toàn. Một mạng lưới hầm, hào, công sự rộng lớn được đào đắp đảm bảo ổn định cuộc sống, hạn chế thương vong. Một số nơi ở vùng giới tuyến Vĩnh Linh, bom đạn ngút trời, mọi sinh hoạt của nhân dân đều nằm sâu dưới lòng đất mới có thể bám trụ, đương đầu chống địch.

Hình 19 – Đội mũ rơm đi học

Trên mặt trận sản xuất, chúng ta có những chuyển hướng kịp thời. Các cơ sở công nghiệp trung ương được triệt để sơ tán, phân tán. Công nghiệp địa phương được chú ý phát triển mạnh. Vốn đầu tư được điều

chỉnh, phân bố lại nhằm xây dựng những vùng chiến lược có khả năng tự giải quyết phần lớn nhu cầu sản xuất và chiến đấu. Nền sản xuất nông nghiệp được đặc biệt coi trọng.

Cả nước dâng lên một phong trào thi đua sôi nổi. Các lực lượng vũ trang nêu cao khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù mà bắn !", "Quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược !". Công nhân, nông dân "Chắc tay búa, tay súng", "Chắc tay cày, tay súng" phấn đấu đạt "Ba điểm cao", "Ba mục tiêu". Thanh niên có phong trào "Ba sẵn sàng". Phụ nữ có phong trào "Ba đảm đang". Từ trong cao trào ấy đã xuất hiện nhiều cá nhân, nhiều tập thể đạt được những thành tích chói lọi.

Mỗi người dân miền Bắc đều ghi nhớ lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", sẵn sàng chịu đựng gian khổ, lao động hết mình "làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm", không ngại hi sinh, mất mát để góp sức mình vào sự nghiệp chống Mĩ cứu nước thắng lợi.

ruongxua.vn

? – Nhân dân miền Bắc chống "Chiến tranh phá hoại" như thế nào ?

3. Miền Bắc hướng về miền Nam ruột thịt

Trong thời gian phải đối đầu với cuộc "Chiến tranh phá hoại" ác liệt của đế quốc Mĩ, nhân dân miền Bắc vẫn hết lòng làm nhiệm vụ của "hậu phương lớn" đối với "tiền tuyến lớn". Con đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam dài hàng nghìn km, ngày càng mở rộng, củng cố, đảm bảo cho phương tiện cơ giới đi lại suốt ngày đêm. Từ 1965 đến 1968, số quân được điều vào Nam chiến đấu tăng gấp 9 lần. Khối lượng vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, thuốc men, lương thực ... đưa vào chiến trường tăng gấp 10 lần.

Trên con đường Trường Sơn và "Trường Sơn biển" dày đặc bom đạn của quân thù, nhưng những chiến sĩ lái xe, lái tàu công binh, thanh niên xung phong, giao liên ... vẫn đảm bảo cho "Dòng sông chi viện" không ngừng tuôn chảy.

Hình 20 – Đường Trường Sơn

Tất cả nhân dân miền Bắc đều hướng về "Tuyến đầu Tổ quốc", sẵn sàng sẻ nửa sức người, sức của để kề vai sát cánh cùng đồng bào miền Nam ruột thịt chiến đấu chống quân thù xâm lược.

Sau một năm chống "Chiến tranh phá hoại" của đế quốc Mĩ, nhân dân miền Bắc đã bắn rơi hơn 3000 máy bay, tiêu diệt và bắt sống hàng nghìn giặc lái, bắn cháy hàng trăm tàu chiến. Tổng giá trị sản lượng nông nghiệp vẫn xấp xỉ như trước chiến tranh, sản lượng công nghiệp địa phương tăng lên, chiếm 58% tổng giá trị sản lượng công nghiệp. Đời sống của nhân dân vẫn ổn định. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế còn phát triển mạnh mẽ và phong phú. Sự chi viện cho miền Nam tăng lên gấp bội.

Năm 1968, đế quốc Mĩ bị thất bại nặng nề trong cuộc leo thang chiến tranh ở miền Bắc và bị thua đau ở miền Nam nên chúng buộc phải tuyên bố "ném bom hạn chế" miền Bắc từ ngày 31-3-1968, rồi đi đến ngừng ném bom bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc vào ngày 1-11-1968 để thương lượng với ta.

?

1. Miền Bắc làm những gì để chi viện cho miền Nam ?

2. Căn cứ vào đâu để có thể khẳng định : nhân dân miền Bắc đã đánh bại "Chiến tranh phá hoại" của đế quốc Mĩ ?

3. Em hãy tìm hiểu và kể lại một trong những tấm gương chiến đấu hoặc xây dựng của nhân dân miền Bắc từ 1965 đến 1968.

II - MIỀN NAM CHỐNG "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ

1. Mĩ trực tiếp xâm lược miền Nam

Giữa năm 1965, Mĩ lâm vào thế nguy ngập ở miền Nam nên phải mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, đồng thời trực tiếp đưa quân vào xâm lược miền Nam. Lính Mĩ cuối năm 1964 có 26000 tên, đến cuối 1965 lên tới 180000 tên và 20000 lính chư hầu. Số máy bay tăng lên gấp đôi. Số xe thiết giáp tăng lên gấp rưỡi, nhiều loại vũ khí hiện đại được đưa ra sử dụng với quy mô lớn như bom na-pan, chất độc hóa học. Chúng còn thành lập hẳn một bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Mĩ, lệnh cho Hạm đội 7 của chúng ở Thái Bình Dương sẵn sàng tham chiến.

Kế hoạch chủ yếu của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là tổ chức ngay những cuộc hành quân lớn "tìm diệt" các lực lượng vũ trang cách mạng ; bỏ ra hàng chục tỉ đô la nhằm hỗ trợ cho công cuộc "bình định", nhanh chóng giành quyền chủ động chiếm đất, chiếm dân.

uongxua.vn

Với hai gọng kìm "tìm diệt" và "bình định", chúng hi vọng đến cuối 1967, sẽ dồn phong trào cách mạng miền Nam vào thế bị động rồi kết thúc chiến tranh theo ý muốn của chúng.

? – Vì sao Mĩ phải đưa quân trực tiếp xâm lược miền Nam và nhằm mục đích gì ?

– Việc làm đó gây cho Mĩ những khó khăn, nguy hiểm như thế nào ?

2. Quân dân miền Nam chống lại hai cuộc phản công mùa khô của Mĩ

Mờ sáng 18-8-1965, Mĩ đã huy động 9000 quân, 100 máy bay lên thẳng, 70 máy bay chiến đấu, 105 xe tăng, xe bọc thép, 6 tàu đổ bộ tấn công vào Vạn Tường (Quảng Ngãi) nhằm thí nghiệm một cuộc hành quân "tìm diệt". Sau hai ngày chiến đấu, một trung đoàn quân giải phóng phối hợp với lực lượng du kích đã đánh bại được quân Mĩ.

Chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ quân Mĩ cũng không đáng sợ, quân ta có thể đè bẹp được chúng.

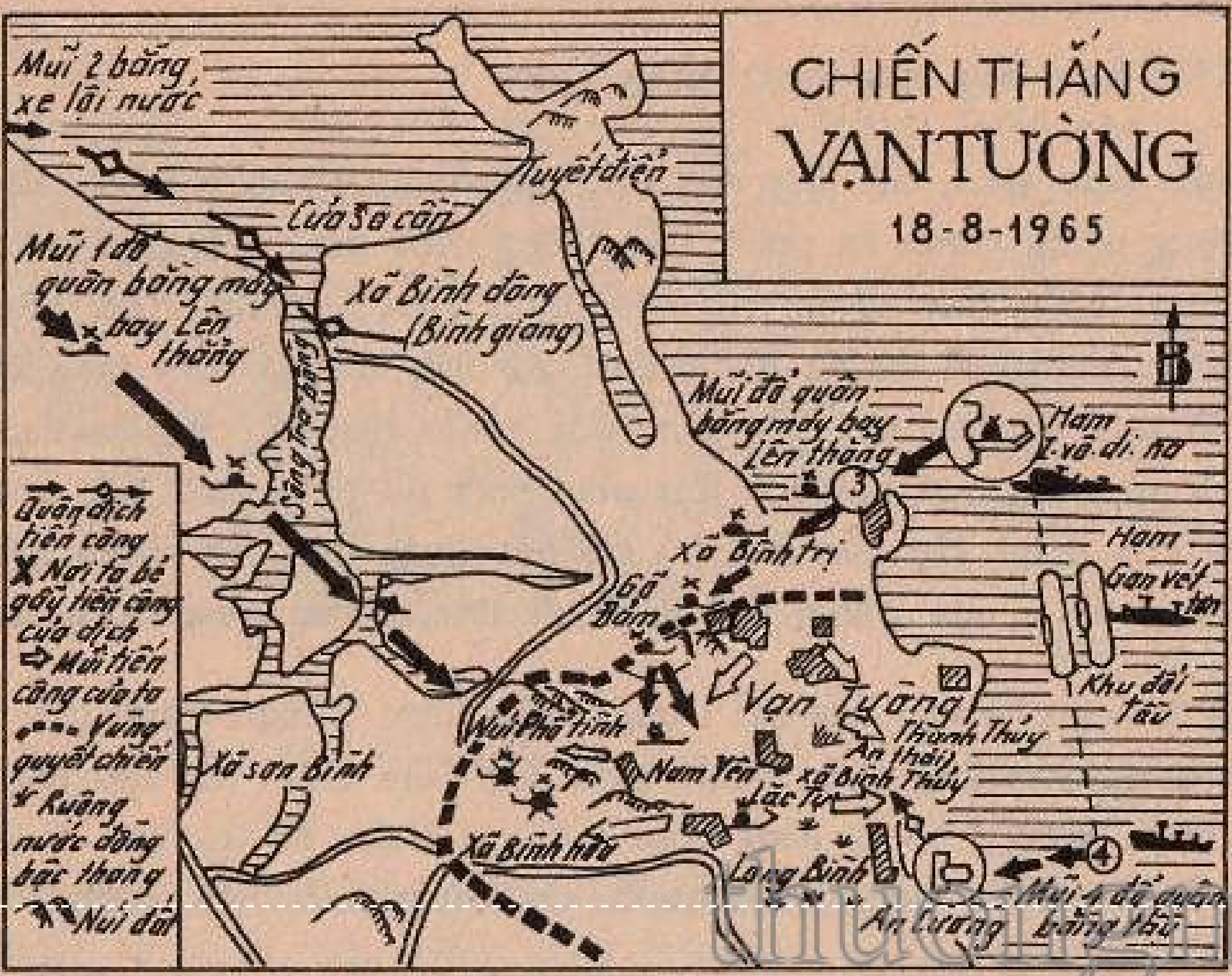

Hình 21 – Lược đồ chiến thắng Vạn Tường

Đầu 1966, sau khi chuẩn bị kĩ lưỡng, Mĩ mở cuộc phản công chiến lược mùa khô đầu tiên theo hai hướng chính là miền Đông Nam Bộ và đồng bằng Khu V. Chúng sử dụng tới 75 vạn quân, hơn 2000 máy bay, hơn 1300 xe tăng và xe bọc thép, đánh liên tục khắp nơi, suốt từ tháng 1 đến tháng 4–1966.

Quân dân ta đã triển khai sẵn thế trận chiến tranh nhân dân, quyết "tìm Mĩ mà đánh" "lùng ngụy mà diệt". Lực lượng du kích đã giam chân địch ở các thôn xã ; bộ đội địa phương liên tục chặn địch trên các đường hành quân, tổ chức những trận phục kích bất ngờ ; quân chính quy chuẩn bị những "quả đấm thép" tiêu diệt một bộ phận lớn quân địch. Phong trào thi đua trở thành dũng sĩ diệt Mĩ sôi nổi khắp miền Nam.

Sau 4 tháng "tìm diệt", chính Mĩ – Ngụy lại bị tiêu diệt hơn 104 000 tên, còn lực lượng vũ trang của ta lại trưởng thành về mọi mặt.

Cuối 1966 đầu 1967, Mĩ tiến hành cuộc phản công mùa khô lần thứ hai. Số quân Mĩ và chư hầu lúc này tăng lên tới 440000 . Hướng tiến công chủ yếu của chúng là miền Đông Nam Bộ với ý định là tiêu diệt bộ đội chủ lực và cơ quan đầu não của ta, tạo ra bước ngoặt trong chiến tranh.

Mọi cố gắng của địch lại bị thất bại một lần nữa. Ba cuộc hành quân lớn [1] của địch đều bị quân ta bẻ gãy. Cuối 1967, Mĩ vẫn đưa thêm quân vào miền Nam nhưng không tổ chức được cuộc "phản công" nào đáng kể và lâm vào thế đối phó bị động.

? – Chiến đấu với Mĩ, quân ta gặp những khó khăn gì ? Ta đã thắng Mĩ ra sao ?

3. Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968

Trên cơ sở nhận định tương quan lực lượng giữa ta và địch đầu 1968, Đảng ta chủ trương mở cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa khắp miền Nam nhằm đánh sập ngụy quyền, tiêu diệt một bộ phận quân Mĩ, giành chính quyền về tay nhân dân, buộc đế quốc Mĩ phải đàm phán để rút quân về nước.

Trong hai ngày 30 và 31-1-1968 (đúng dịp Tết Mậu Thân), quân dân miền Nam đã đồng loạt tiến công và nổi dậy ở hầu khắp các thành phố, thị trấn, quận lị, đánh vào các sở chỉ huy, các căn cứ kho tàng của địch. Riêng Sài Gòn, ta đánh hẳn vào tòa đại sứ Mĩ. Đợt tổng tiến công này kéo dài đến 28-4-1968.

Cả miền Nam rung chuyển. Hơn một triệu quân Mĩ – Ngụy choáng váng. Nội bộ chúng rối loạn. Ta đã tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đánh mạnh vào ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ, làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của chúng.

Đầu tháng 5-1968 và giữa tháng 8-1968, quân dân miền Nam còn mở tiếp hai đợt tiến công và nổi dậy nữa, nhưng bọn địch đã co cụm lại phòng giữ cẩn mật các đường giao thông, các thành phố thị xã nên

---

(1) At-tơn-bo-rơ, Xê-đa-phôn, Gian-xơn Xi-ti

thành quả đạt được chưa cao và bọn địch cũng gây cho ta những tổn thất nhất định.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy 1968 nhìn chung chưa thực hiện đầy đủ các mục tiêu đề ra, song những chiến công to lớn của nó cùng với những chiến công to lớn của quân dân miền Bắc đã buộc đế quốc Mĩ phải ngừng ném bom miền Bắc, và thay đổi chiến lược chiến tranh ở miền Nam, nhận đàm phán với phái đoàn đại diện Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tại Pa-ri.

?

1. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy 1968 đã diễn ra như thế nào ? Kết quả ?
2. Vì sao nhận định rằng chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mĩ bị phá sản ?
3. Em hãy phân tích và chứng minh sự lớn mạnh của lực lượng vũ trang miền Nam từ 1960 đến 1968.

thuongmaitr

Bài 20

CẢ NƯỚC ĐẤU TRANH CHỐNG "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH" VÀ "CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI" LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1969-1973)

I - QUÂN DÂN MIỀN NAM CHỐNG "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH"

1. Đế quốc Mĩ tiến hành "Việt Nam hóa chiến tranh"

Đầu 1969, Ních-xơn nhậm chức tổng thống Mĩ. Ních-xơn thấy rõ càng đổ thêm quân Mĩ vào Việt Nam thì càng thất bại cay đắng, càng bị nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới kịch liệt phản đối. Ních-xơn cho điều chỉnh chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" trước kia thành chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Âm mưu của Mĩ là rút dần quân Mĩ về nước đồng thời vực dần quân ngụy mạnh lên để thay thế. Mĩ sẽ yểm trợ mạnh cho quân ngụy bằng vũ khí, trang bị, hậu cần, giành lại thế chủ động trên chiến trường để thương lượng, kết thúc chiến tranh có lợi cho Mĩ. Mĩ còn liên tiếp đẩy mạnh kế hoạch "bình định" miền Nam trong các năm 1969, 1970, 1971 nhằm đảm bảo an ninh lãnh thổ cao nhất, mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào, tăng cường hoạt động ngoại giao, triệt để cô lập cách mạng miền Nam.

? – Vì sao Mĩ tiến hành "Việt Nam hóa chiến tranh" ? Âm mưu này nguy hiểm và ác độc như thế nào ?

2. Quân dân miền Nam chống "Việt Nam hóa chiến tranh" cùng quân dân Campuchia, Lào chống Mĩ

Thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", trong gần 4 năm (1969 – 1972) Mĩ đã nâng quân chủ lực, quân địa phương (bảo an, dân vệ) ngụy từ 70 vạn lên 110 vạn, ra sức càn quét và giành giật, bình định vùng nông thôn rộng lớn miền Nam. Chúng đã gây cho ta nhiều khó khăn và tổn thất.

uongxua.vn

Trước tình hình đó, ta kịp thời rút kinh nghiệm củng cố lực lượng, tiến công trên cả ba vùng chiến lược nhưng lấy địa bàn nông thôn là hướng chính, chú trọng phát triển chiến tranh du kích, chống phá kế hoạch "bình định" của địch. Ở vùng giải phóng, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời (6 – 6 – 1969) đã thi hành những cải cách dân chủ, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế và chăm lo sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp để làm nhiệm vụ hậu cần tại chỗ. Đồng bào các dân tộc ít người đã góp phần to lớn vào việc cung cấp sức người, sức của cho kháng chiến.

Tháng 9 – 1969, tin Bác Hồ qua đời làm cho quân dân miền Nam vô cùng thương nhớ Bác, quyết "biến đau thương thành hành động cách mạng". Những tháng cuối 1969, ta tiếp tục tiến công địch ở nhiều nơi, đặc biệt ở Tây Nguyên, ta làm cho địch bị thiệt hại khá nặng.

Tháng 3 – 1970, Mĩ giật dây bọn tay sai ở Campuchia lật đổ chính quyền trung lập Xi-ha-núc, rồi cuối tháng 4, Mĩ – Ngụy Sài Gòn đem 100 000 quân xâm lược Campuchia. Ở Lào, Mĩ trực tiếp giúp đỡ bọn ngụy tiến công vùng giải phóng. Ngọn lửa chiến tranh lan rộng cả ba nước Đông Dương.

Hình 22 – Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương

Ý đồ của Mĩ là lập ra một liên minh phản động khu vực nhằm cô lập và cắt đứt con đường tiếp tế Bắc – Nam, áp đặt ách thống trị của chúng trên bán đảo Đông Dương.

Hành động xâm lược trắng trợn của Mĩ bị dư luận thế giới và ngay cả nước Mĩ lên án gay gắt. Ngày 24–4–1970, các nhà lãnh đạo cấp cao của ba nước Đông Dương họp cam kết bên nhau chống Mĩ.

Lực lượng kháng chiến Campuchia, có bộ đội Việt Nam giúp sức, tiến công giải phóng 5 tỉnh miền đông bắc và nhiều vùng nông thôn khác. Quân dân miền Nam thu được nhiều trận thắng lớn ở Kon Tum,

Quảng Nam, Trị Thiên, Mĩ Tho ... Liên quân Lào – Việt nổ súng giải phóng được thị xã A–tô–pơ (Hạ Lào) và thừa thắng đánh chiếm thị xã Xa–ra–van.

Giữa 1970, một căn cứ địa rộng lớn của ba nước Đông Dương hình thành, bao gồm cao nguyên Bô–lô–ven, Tây Nguyên, đông Nam Bộ và vùng đông bắc Campuchia. Từ đây, con đường chi viện từ miền Bắc đi đến các chiến trường đảm bảo mở rộng, thông suốt.

Tháng 2-1971, Mĩ ngoan cố tập trung 45 000 quân với hàng trăm máy bay, xe tăng, xe bọc thép mở cuộc hành quân lớn "Lam Sơn 719" đánh vào Đường 9 và Nam Lào, định cắt đôi Đông Dương. Quân dân Việt – Lào, sau 43 ngày đêm chiến đấu, đã đập tan được cuộc hành quân đó. Trên đà thắng lợi, cả năm 1971, khắp chiến trường Đông Dương tiếp tục sôi động, quân ta thu được nhiều chiến công khác nữa.

? – Vì sao Mĩ mở rộng chiến tranh ra cả ba nước Đông Dương ? Chúng đã bị thua như thế nào ?

truongxua.vn

3. Cuộc tiến công chiến lược 1972

Theo chỉ thị của Đảng và kế hoạch tác chiến của Quân ủy Trung ương, đầu 1972, quân dân miền Nam mở màn tiến công địch. Hướng chủ yếu, ta đánh vào Trị Thiên đồng thời ta tiến công cả Tây Nguyên, Khu V và miền đông Nam Bộ. Bọn địch bị đánh bất ngờ nên đối phó rất bị động. Qua gần ba tháng tiến công, ta đã tiêu diệt 200 000 tên địch, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn với hơn một triệu đồng bào.

Lúc này, đế quốc Mĩ đã rút dần quân đánh bộ về nước, không thể mang quân trở lại nên phải dùng không quân và hải quân tăng cường yểm trợ cho quân ngụy, nhưng chúng vẫn bị thất bại liên tiếp. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" coi như bị thất bại thảm hại. Mĩ một mặt phải nghĩ đến chuyện kết thúc chiến tranh, kí Hiệp định

Pa-ri, một mặt lại chuẩn bị mở cuộc tập kích bất ngờ bằng B52 vào miền Bắc nước ta.

?

1. Cuộc tiến công chiến lược 1972 làm cho địch bị suy yếu như thế nào ?

2. Vì sao nói chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mĩ bị thất bại thảm hại ?

3. Em thử so sánh lực lượng cách mạng miền Nam giữa năm 1972 và năm 1968 ?

II - MIỀN BẮC KHÔI PHỤC KINH TẾ VÀ CHỐNG "CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI" LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ

1. Khôi phục kinh tế

Ngay sau khi Mĩ chấm dứt ném bom bắn phá, nhân dân miền Bắc đã bắt tay vào lao động, khắc phục những hậu quả của chiến tranh, khôi phục kinh tế, ổn định đời sống và không ngừng làm nhiệm vụ của hậu phương đối với tiền tuyến.

Hầu hết các xí nghiệp, hầm mỏ bị đánh phá đều được sửa chữa, tranh thủ đưa từng bộ phận vào sản xuất. Hai ngành quan trọng bậc nhất là điện và than được chính phủ đặc biệt quan tâm, tạo điều kiện để khôi phục nhanh chóng.

Các đường giao thông, các cầu, phà, bến, bãi, kho tàng, bị tàn phá nặng nề, sau một thời gian ngắn đã trở lại hoạt động bình thường.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, Nhà nước ban hành chính sách khuyến khích chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực ... Nông dân tập thể ra sức thâm canh, mở rộng diện tích thi đua giành "ba mục tiêu". Sản lượng thóc 1970 vượt hơn hẳn 1968.

Công tác giáo dục, y tế, văn hóa từng bước được củng cố và đi vào chất lượng. Chế độ giáo dục phổ cập tiểu học đã áp dụng ở các tỉnh đồng

thuongmaitr

bằng và trung du. Nhiều đoàn đại biểu các nước đến thăm nước ta và nhiều đoàn của ta đi thăm nước bạn.

Trên các con đường chiến lược Bắc – Nam hoạt động chi viện vô cùng sôi nổi. Số lượng vũ khí, trang bị đưa vào chiến trường tăng lên gấp rưỡi, các đơn vị bộ đội liên tục lên đường, bổ sung kịp thời theo yêu cầu của các mặt trận. Đặc biệt, các đơn vị xe tăng, pháo cơ giới, pháo phòng không ... dưới bom đạn hết sức ác liệt của quân thù, vẫn hành quân vượt qua hàng ngàn ki–lô–mét để tham gia chiến đấu, khiến cho kẻ địch không thể ngờ tới.

? –Tình hình miền Bắc sau 1968 diễn ra như thế nào ? Tình hình đó nói lên điều gì ?

2. Chống "Chiến tranh phá hoại" lần thứ hai

Cuối tháng 3-1972, ta tiến công địch ở miền Nam thì đầu tháng 4-1972, Mĩ cho máy bay đánh phá vùng Khu IV cũ (từ Thanh Hóa trở vào) để ngăn chặn nguồn chi viện Bắc – Nam. Giữa tháng 4, chúng đánh ra Hải Phòng và cả Hà Nội. Đầu tháng 5, chúng còn thả mìn phong tỏa bờ biển và các sông ngòi miền Bắc, cho tàu chiến bao vây vùng biển cắt đứt sự liên hệ giữa miền Bắc với thế giới bên ngoài.

Nhân dân miền Bắc đã nhanh chóng tổ chức cuộc chiến đấu, đánh trả kịp thời các lực lượng không quân và hải quân Mĩ, một lần nữa chuyển sinh hoạt, sản xuất theo nếp sống thời chiến.

Bộ đội pháo cao xạ, tên lửa, không quân, hải quân và lực lượng dân quân tự vệ, với lối đánh tập trung, hiệp đồng tại chỗ, trong vòng 5 tháng đã bắn rơi hơn 500 máy bay hiện đại của địch.

Sản xuất nông nghiệp thu hoạch tương đối tốt. Số hợp tác xã đạt 5 tấn một hec–ta ngày càng nhiều, sản xuất công nghiệp vẫn duy trì. Giao thông vận tải là mặt trận đấu tranh quyết liệt giữa ta và địch. Bọn chúng phong tỏa bờ biển, ta phá mìn, phá thủy lôi mà tiếp cận tàu nước bạn.

Bọn chúng băm đường, chặt cầu, ta "mở đường mà tiến, đánh địch mà đi". Năm 1972, khối lượng hàng chi viện cho các chiến trường không hề giảm sút mà còn tăng lên 1,7 lần so với 1971.

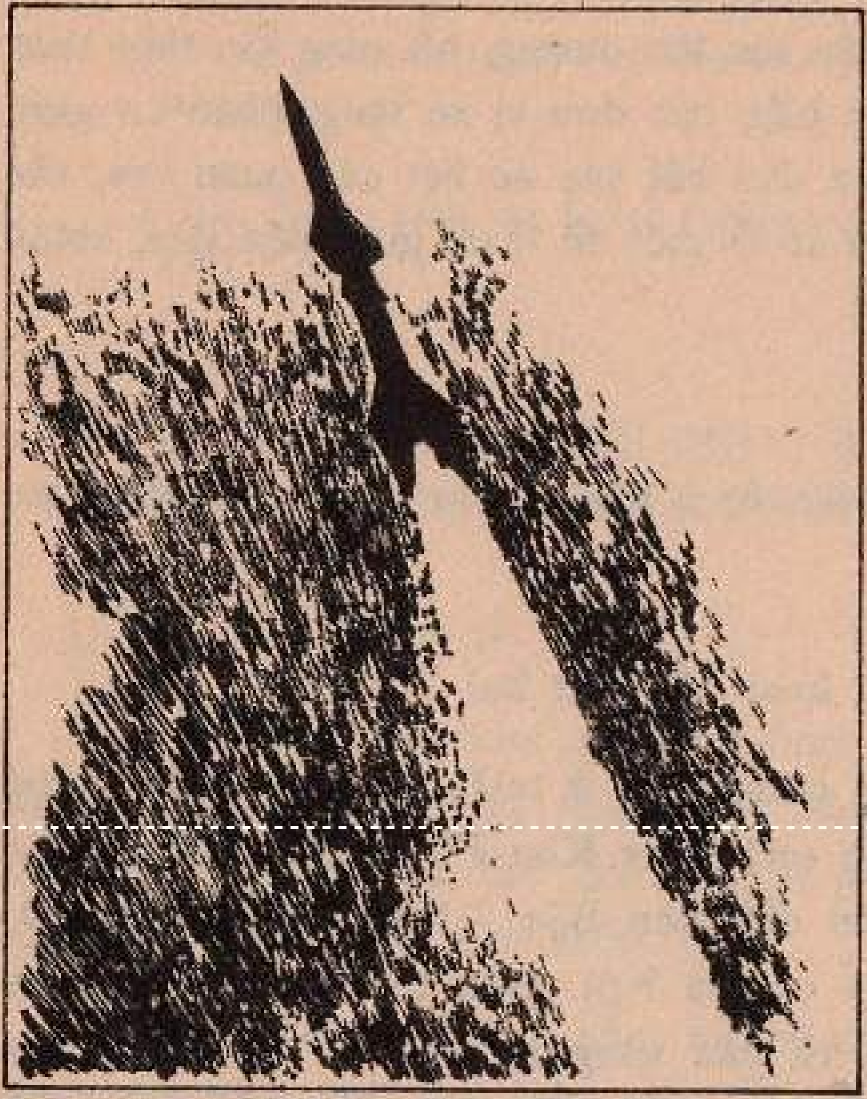

Hình 23 – Tên lửa chiến đấu

Nich-xơn thấy rằng dùng biện pháp vũ lực, biện pháp ngoại giao vẫn không làm lung lay được ý chí chiến đấu của nhân dân Việt Nam, vẫn không cắt đứt được con đường chi viện Bắc – Nam, vẫn bị tiến công liên tiếp ở chiến trường nên Mĩ phải trao đổi với ta về bản Dự thảo Hiệp định Pa-ri và ngày 23-10-1972 phải tuyên bố ném bom hạn chế ở miền Bắc.

Giữa tháng 12-1972 Mĩ tuyên truyền rằng : "Hiệp nghị hòa bình đã đạt tới 99%", trong khi đó chúng bí mật quyết định tiến hành một cuộc tập kích bất ngờ bằng không quân vào Hà Nội.

Đúng 12 giờ ngày 18-12-1972, Nich-xơn đích thân ra lệnh cho các "pháo đài bay" B52, mang đầy bom đạn, cất cánh nhằm hướng Hà Nội.

Song, nhân dân Hà Nội đã triệt để sơ tán từ mấy hôm trước. Ngày 17 – 12, toàn bộ quân chủng phòng không – không quân đã được lệnh sẵn sàng chiến đấu.

19 giờ 44 phút ngày 18-12-1972, 90 lần chiếc B52 và 205 lần chiếc máy bay khác ào ạt ném bom, bắn phá Hà Nội.

Tiếp đó, suốt ngày đêm, chúng đã đánh phá man rợ Hà Nội, Hải Phòng và một số thị xã khác. Tổng số bom đạn chúng trút xuống miền Bắc trong 12 ngày đêm là 10 vạn tấn (bằng sức nổ tương đương 5 quả bom nguyên tử mà Mĩ đã ném xuống Nhật Bản năm 1945).

Quân dân miền Bắc đã có nhiều kinh nghiệm chống máy bay Mĩ nên đã làm phá sản mọi lối đánh lắt léo của chúng, hạ 81 chiếc trong đó có 34 chiếc B52, tiêu diệt và bắt sống hàng trăm giặc lái sừng sỏ.

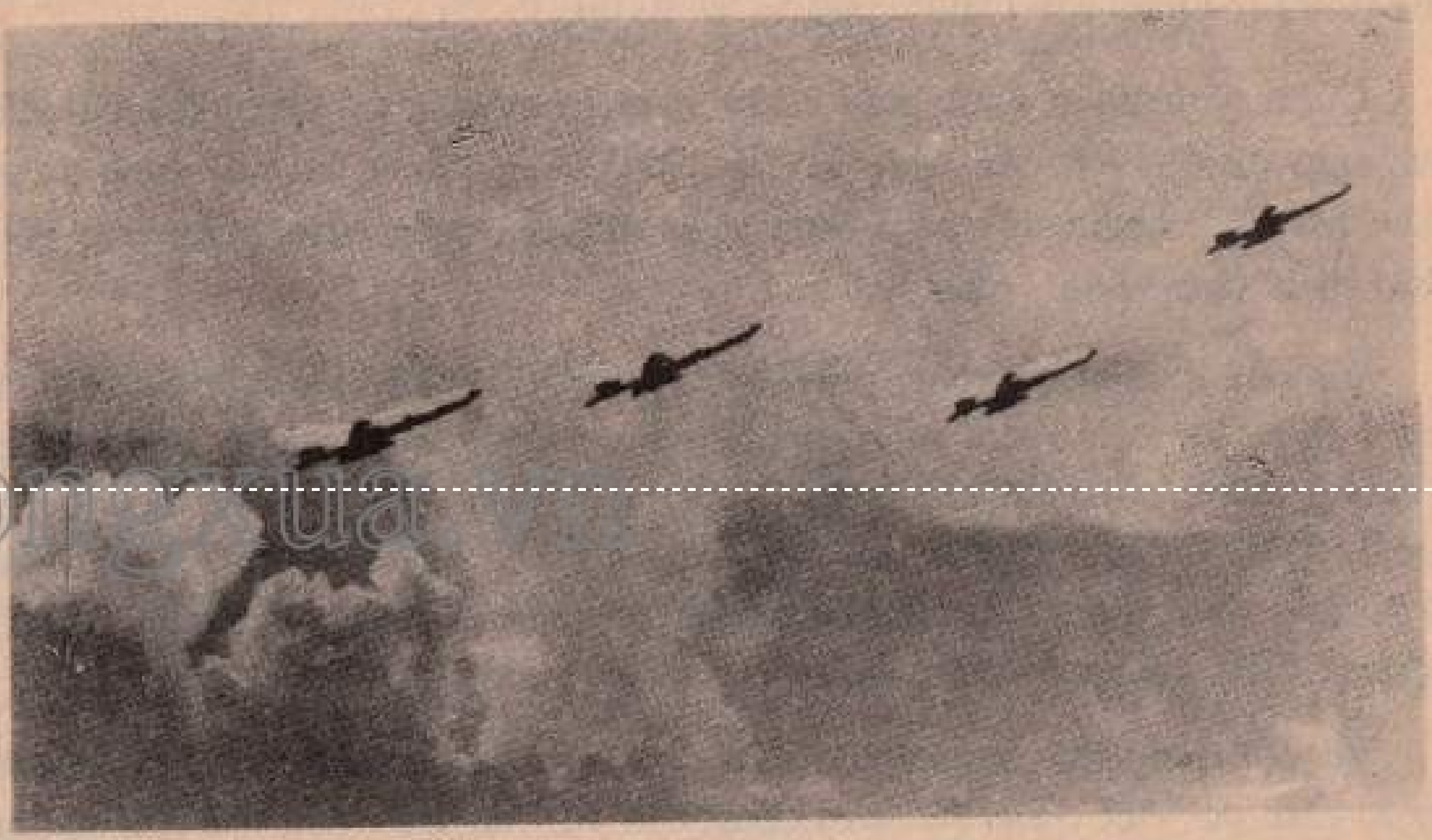

Hình 24 – Không quân Việt Nam xuất kích

Bị thất bại nặng nề ở cả hai miền, bị lên án bởi dư luận khắp nơi trên thế giới, Nich–xơn phải kết thúc cuộc tập kích, trở lại bàn hội nghị thương lượng với ta ở Pa–ri.

?

1. Vì sao Mĩ lại tiến hành "Chiến tranh phá hoại" miền Bắc lần thứ hai ?
2. Em hãy giải thích tại sao Mĩ vừa chuẩn bị kí hiệp định hòa bình với ta vừa chuẩn bị tập kích bằng không quân vào Hà Nội ?
3. Cuộc tập kích đã diễn ra như thế nào ? Kết quả ?

III - CUỘC ĐẤU TRANH TRÊN MẶT TRẬN NGOẠI GIAO

1. Đấu tranh đòi chấm dứt ném bom miền Bắc

Từ năm 1965, khi đế quốc Mĩ đưa chiến tranh ra miền Bắc, chúng đã thăm dò thương lượng với ta. Nhưng cuộc thăm dò đó chủ yếu để che lấp tội ác gây chiến của chúng.

Cho đến đầu năm 1968, bị thất bại nặng nề ở miền Nam lẫn miền Bắc, tổng thống Mĩ phải tuyên bố "ném bom hạn chế" miền Bắc và chấp nhận đàm phán với Chính phủ ta ở Pa-ri.

Cuộc đàm phán giữa phái đoàn Việt Nam và phái đoàn Mĩ bắt đầu từ ngày 13-5-1968 đến ngày 31-10-1968, xoay quanh hai nội dung chính là : Mĩ phải chấm dứt ném bom miền Bắc và cuộc đàm phán bao gồm bốn bên chứ không phải hai bên.

Về nội dung thứ nhất, phía Mĩ khăng khăng đòi "có đi có lại" thì mới thực hiện. Họ đòi ta phải giảm hoạt động quân sự ở miền Nam, "không được chi viện cho miền Nam" ... Những đòi hỏi của họ đều bị phái đoàn ta kiên quyết bác bỏ với những lí lẽ sắc bén. Cuối tháng 10-1968, tổng thống Mĩ lại phải tuyên bố ngừng ném bom hoàn toàn và không điều kiện trên toàn miền Bắc Việt Nam.

Về nội dung thứ hai, cả hai bên đi đến thỏa thuận họp hội nghị bốn bên, gồm có Việt Nam dân chủ cộng hòa và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam với Mĩ và chính quyền Sài Gòn. Hội nghị sẽ bàn bạc tìm ra một giải pháp chính trị cho cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam.

? – Vì sao Mĩ phải thương lượng với ta ? Ta đòi Mĩ phải thực hiện điều gì ? Kết quả ?

2. Cuộc thương lượng giằng co và kéo dài

Ngày 18-1-1969, phiên họp trù bị đầu tiên của hội nghị bốn bên khai mạc. Suốt ba năm tiếp theo (1969, 1970, 1971), đã có hàng trăm phiên họp công khai và hàng chục phiên họp kín (chỉ có Việt Nam dân chủ cộng hòa và Mĩ) diễn ra.

Lập trường của ta chủ yếu đòi phía Mĩ phải tôn trọng các quyền cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ ; phải rút hết quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh ra khỏi miền Nam ; để cho nhân dân miền Nam Việt Nam giải quyết lấy công việc nội bộ của mình. Phía Mĩ thì muốn "hai bên cùng rút quân", tạo mọi điều kiện cho ngụy quyền Sài Gòn lớn mạnh, chiếm lĩnh lấy toàn bộ miền Nam.

Lập trường của hai phía khác hẳn nhau nên cuộc thương lượng chỉ giằng co và kéo dài, kết quả là dậm chân tại chỗ. Thực tế trong ba năm qua, tình hình chiến trường, tình hình ở Mĩ, tình hình thế giới chưa thể dẫn đến một giải pháp nào cho vấn đề Việt Nam.

? – Nguyên nhân nào làm cho cuộc thương lượng giằng co và kéo dài ?

3. Đấu tranh quyết liệt trong năm 1972

Bước sang 1972, ta chủ động tiến công địch trên các chiến trường miền Nam, bắn rơi nhiều máy bay Mĩ xâm phạm miền Bắc. Năm 1972 cũng là năm có cuộc chạy đua vào Nhà trắng.

Nich–xơn muốn trúng cử tổng thống một nhiệm kì nữa nên phải nhanh chóng chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

Nắm vững thời cơ đó, ngày 8–10–1972, trong phiên họp kín lần thứ 19, phía ta chủ động đưa ra bản dự thảo Hiệp định 9 điểm. Phía Mĩ tiếp nhận, nghiên cứu kĩ lưỡng và gửi ngay bản dự thảo Hiệp định về cho Nich–xơn. Sau khi được Nich–xơn đồng ý, các chuyên viên Mĩ làm việc với các chuyên viên của ta, nhanh chóng thảo ra một bản Hiệp định chính thức và vạch ra cả một thời gian biểu cụ thể, từng bước dẫn đến ngày kí kết vào cuối tháng 10–1972.

Song, phía Mĩ đã không thực hiện những điều cam kết, họ cố tình lật lọng, dây dưa, kéo dài. Ngày 26–10–1972, Chính phủ ta công bố nội dung bản Hiệp định và tố cáo thái độ thiếu nghiêm chỉnh của Mĩ. Nhà trắng lập tức phải đối phó với dư luận bằng cách họp báo và công bố rằng "Hòa bình đã ở trong tầm tay".

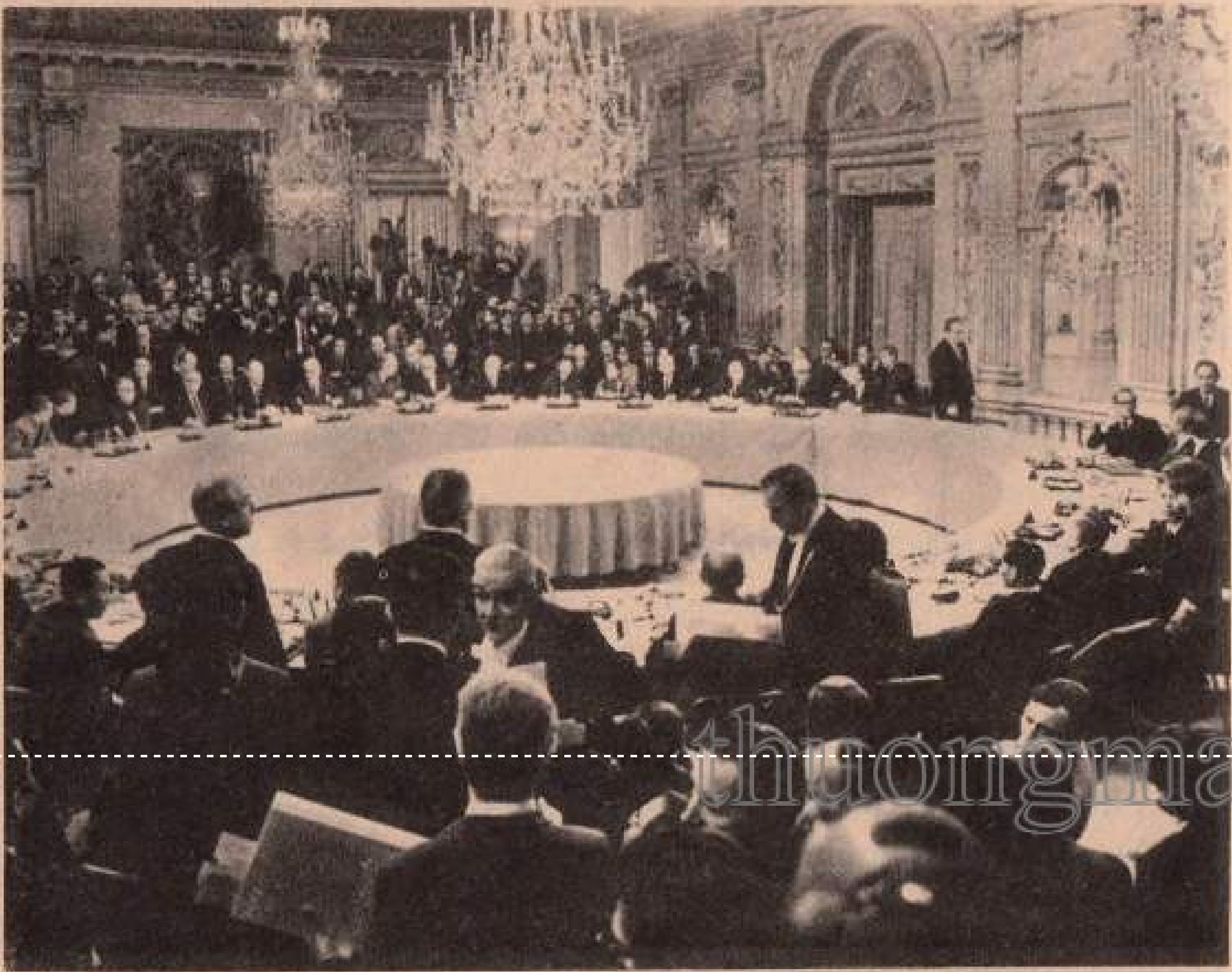

Hình 25 – Quang cảnh phòng họp ở Pari

Ngày 7–11–1972, Nich–xơn trúng cử tổng thống, ông ta liền cho đánh phá miền Bắc ác liệt hơn đồng thời cho phái đoàn Mĩ tiếp tục họp kín với phái đoàn Việt Nam, đòi sửa đổi nhiều chỗ trong Hiệp định. Cuộc đàm phán trở nên rối ren, có lúc bế tắc rồi tiếp tục họp lại.

Ngày 16–12–1972, phía Mĩ họp báo tuyên bố rằng chỉ cần vài phiên họp nữa là văn bản Hiệp định hoàn thành và sau đó, 12 ngày đêm, máy bay B52 của Mĩ đã ném bom phá hoại tàn khốc miền Bắc nước ta. Đế quốc Mĩ đụng đầu với một trận "Điện Biên Phủ trên không" phải trở lại bàn đàm phán, chấp nhận những điều khoản do chúng ta đặt ra.

Ngày 23–1–1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được kí tắt. Ngày 27–1–1973, Hiệp định trên được kí chính thức ở Pa–ri.

Nội dung Hiệp định ghi rõ : Hoa Kì và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam ; hai bên ngừng bắn tại chỗ, quân Mĩ và chư hầu rút hết khỏi miền Nam Việt Nam ; hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt, hai bên miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình, thông qua tổng tuyển cử thực sự tự do và dân chủ ...

Ngày 2–3–1973, Hội nghị quốc tế bao gồm các đoàn đại diện của 12 nước đã kí Định ước ghi nhận và ủng hộ "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam" và các Nghị định thư kèm theo ; khẳng định rằng bản Hiệp định và các Nghị định thư đó phải được tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh.

?

1. Cuộc đấu tranh ngoại giao diễn ra quyết liệt như thế nào ?

2. Văn bản Hiệp định ghi rõ những điều gì ? Ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định ra sao ?

tuongxua.vn

3. Em hãy chứng minh cụ thể : cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao tùy thuộc ở cuộc đấu tranh trên mặt trận quân sự như thế nào ?

Bài 21

TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975, KẾT THÚC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC (1973 - 1975)

I - TÌNH HÌNH NƯỚC TA SAU KHI KÍ HIỆP ĐỊNH PA-RI

1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, dồn sức chi viện cho miền Nam

Sau khi Hiệp định Pa–ri đã được kí kết, miền Bắc đứng trước những khó khăn to lớn : cơ sở vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội bị

tàn phá hầu hết ; nhịp độ phát triển dân số tăng nhanh, của cải xã hội làm ra tăng chậm ; vốn tích lũy trong nước rất hạn chế ; miền Nam vẫn còn chiến tranh.

Song, nhân dân miền Bắc vốn cần cù tiết kiệm lại được sống trong hòa bình nên không quản khó khăn, ra sức lao động để hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và hết lòng chi viện cho miền Nam.

Do sự nỗ lực phi thường của nhân dân kết hợp với sự giúp đỡ của các nước anh em, chúng ta đã có những bước tiến bộ đáng kể. Sản lượng thóc năm 1973 và 1974 đều đạt khoảng 5 triệu tấn. Số tỉnh, huyện, xã đạt 5 tấn thóc một hécta tăng lên nhiều. Một số hợp tác xã đạt tới 10 tấn/ha. Tỉnh Thái Bình đạt 7 tấn/ha. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp 1974 vượt kế hoạch 4% và tăng hơn 1973 15%. Khối lượng hàng hóa vận chuyển cũng tăng lên nhiều.

Nhìn chung lại, nền kinh tế miền Bắc, trên một số mặt quan trọng, đã đạt và vượt mức sản xuất những năm 1965, 1971 là những năm phát triển khá nhất. Đời sống của nhân dân về mọi mặt đi dần vào thế ổn định.

thuongmaitr

Cùng với việc khôi phục và phát triển kinh tế, nhân dân miền Bắc luôn luôn đáp ứng mọi yêu cầu của chiến trường. Trong hai năm (1973 – 1974), miền Bắc đã chuyển vào Nam 370000 bộ đội chủ lực, hàng chục vạn tấn vũ khí, lương thực ... hoàn thành gấp rút đường Trường Sơn Đông (1200 km), đường ống dẫn dầu và đường dây thông tin liên lạc nối liền Hà Nội với Lộc Ninh.

? – Miền Bắc đạt được những thành tích gì trong hai năm 1973, 1974 ?

2. Miền Nam đấu tranh bảo vệ Hiệp định Pa-ri

Đế quốc Mĩ trong thế thua phải kí kết Hiệp định Pa–ri, phải rút hết quân khỏi miền Nam.

Những tháng cuối 1972, Mĩ ồ ạt viện trợ cho bọn ngụy quyền Sài Gòn hàng tỉ đôla vũ khí, đạn dược, phương tiện chiến tranh, khẩn trương củng cố và tăng cường quân ngụy về tổ chức và trang bị để đối

phó với cách mạng miền Nam. Do đó, khi Hiệp định vừa kí xong, bọn ngụy quyền Sài Gòn đã hò hét "tràn ngập lãnh thổ" lấn chiếm vùng giải phóng của ta, trắng trợn vi phạm Hiệp định.

Trong năm 1973, chúng huy động lực lượng mở trên 360000 cuộc hành quân lấn chiếm, giải tỏa, càn quét. Bọn Mĩ thì tổ chức một "lực lượng ngăn đe" ở Đông Nam Á và xúc tiến hoạt động ngoại giao lừa bịp để hạn chế khả năng chiến đấu của ta.

Mưu đồ của bọn chúng là xóa bỏ tình trạng "da báo" biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt, đặt dưới ách thực dân kiểu mới của đế quốc Mĩ.

Trong những tháng đầu 1973, do chưa thấy hết âm mưu địch và có phần lơi lỏng nên có nơi ta đã để cho địch lấn đất, lấn dân.

Nhưng từ sau tháng 7–1973, thực hiện Nghị quyết của Đảng, quân dân miền Nam đã kiên quyết đánh trả địch, tiến công địch trên cả ba mặt trận đồng thời ra sức củng cố vùng giải phóng, phát triển mạnh lực lượng quân sự địa phương và dân quân du kích.

tuongxua.vn

Đầu 1974, ta đã lấy lại các vùng vừa bị mất và giải phóng thêm được gần nửa triệu dân. Đến giữa 1974, nước Mĩ náo động về vụ Oa–tơ–ghết [1], Nich–xơn phải từ chức (18–8–1974). Ngụy quyền Sài Gòn lao đao vì Mĩ cắt giảm viện trợ chỉ còn gần một nửa so với 1972 – 1973.

Cả miền Nam sôi nổi lập công, phong trào lên đều cả ba vùng. Chủ lực của ta từ chỗ đánh tiêu diệt sinh lực địch là chính chuyển lên đánh những trận lớn làm tan rã từng binh đoàn mạnh của địch, giải phóng những vùng đất đai cả ở nông thôn đồng bằng và thị xã. Quân ngụy không chống cự nổi và cũng không có khả năng phản công giành lại những nơi đã mất.

Cuối 1974, ngụy quyền Sài Gòn lâm vào cảnh khủng hoảng toàn diện và sâu sắc.

---

(1) Vụ Đảng Cộng hòa của Nich–xơn bị phát giác đặt máy nghe trộm ở khách sạn Oa–tơ–ghết, nơi Đảng Dân chủ họp bàn kế hoạch tranh cử tổng thống Mĩ.

?

1. Mĩ – Ngụy đã phá hoại Hiệp định Pa-ri như thế nào ?

2. Phong trào cách mạng miền Nam tiến triển ra sao ?

3. Em thử so sánh lực lượng giữa ta và địch cuối năm 1974 ?

II - TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

1. Dự kiến kế hoạch giải phóng miền Nam

Căn cứ vào tình hình phát triển mạnh mẽ của cách mạng miền Nam cuối 1974, sau khi nghe báo cáo tường tận tình hình mọi mặt của từng chiến trường, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã tổ chức một cuộc hội nghị mở rộng kéo dài từ 18-12-1974 đến 8-1-1975 để bàn kế hoạch giải phóng miền Nam.

Hội nghị đã phân tích sự suy yếu của ngụy quyền Sài Gòn, đánh giá lực lượng của ta, khả năng can thiệp của Mĩ, cách bố trí các sư đoàn chủ lực của địch và nhất trí đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 – 1976.

Năm 1975 phải tranh thủ đánh địch liên tục, có những đòn tiến công lớn, làm thay đổi hẳn lực lượng so sánh hai bên để năm 1976 ta tiến lên tổng công kích, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Hội nghị còn dự kiến một phương án táo bạo là : Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Giữa lúc Hội nghị sắp kết thúc thì nhận được tin quân ta vừa giải phóng toàn tỉnh Phước Long vào ngày 6-1-1975. Tin vui lớn càng khẳng định những kết luận trong hội nghị là chính xác và càng chứng tỏ Mĩ rất ít có khả năng can thiệp trở lại miền Nam.

Sau hội nghị lịch sử này, toàn quân, toàn dân ở hai miền Nam Bắc gấp rút chuẩn bị kế hoạch cụ thể ở từng ngành, từng địa phương, từng đơn vị và động viên sự nỗ lực lớn nhất để thực hiện kế hoạch đề ra, góp phần hoàn thành nhiệm vụ to lớn của cả nước.

thuongmaitr

? – Vì sao ta đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 – 1976 ?

2. Chiến dịch Tây Nguyên

Theo kế hoạch, ta chọn chiến trường Tây Nguyên để đánh lớn và chọn Buôn Ma Thuột để nổ súng đầu tiên.

Tây Nguyên có vị trí rất quan trọng, địch cũng đề phòng ta tiến công nhưng chúng lo đề phòng mạn bắc là chủ yếu. Lực lượng của địch ở Tây Nguyên cũng không mạnh lắm.

Đầu tháng 3 – 1975, quân ta ở các chiến trường đều tiến công địch, đồng thời ta đánh nghi binh ở Plây Cu, Kon Tum. Trong khi đó, với lực lượng mạnh hơn hẳn địch, đúng 2 giờ sáng ngày 10–3–1975, các loại pháo hỏa tiễn của ta tới tấp dội bão lửa vào các cơ quan đầu não của địch ở Buôn Ma Thuột. Tiếp theo, bộ binh ta ào ạt tiến vào thị xã.

truongxua.vn

Hình 26 – Quân ta đánh chiếm Buôn Ma Thuột

Bị đánh bất ngờ, địch chỉ chống trả yếu ớt. Sáng 11–3, ta đã chiếm được Buôn Ma Thuột. Ngày 12 – 3, địch cố sức phản kích chiếm lại nhưng không nổi. Toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển. Để tránh nguy cơ bị tiêu diệt nặng, ngày 14–3, địch phải quyết định rút khỏi Tây Nguyên chạy về đồng bằng ven biển miền Trung. Chúng dự định sẽ củng cố lực lượng đánh chiếm lại Buôn Ma Thuột sau.

Quân ta nhanh chóng tổ chức chặn đánh và truy kích địch. Trên đường 7, ta bao vây, tiêu diệt địch ở Cheo Reo, Củng Sơn. Trên đường 19, ta bao vây, tiêu diệt địch ở An Khê. Trên đường 21, ta bao vây, tiêu diệt địch ở Phước An, Khánh Dương ... Thừa thắng, quân ta tiến xuống, phối hợp với lực lượng địa phương giải phóng Bình Định (1 – 4), Phú Yên (1 – 4) Khánh Hòa (3 – 4).

Chiến dịch Tây Nguyên thắng lớn. Ta tiêu diệt hơn 10 vạn quân địch, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân.

thuongmaitr

? – Tại sao quân ta đánh chiếm được Buôn Ma Thuột khá nhanh chóng ? Chiến thắng đó có ảnh hưởng to lớn như thế nào ?

3. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng

Khi quân ta đang truy kích địch ở Tây Nguyên thì ngày 19–3, ta giải phóng tỉnh Quảng Trị. Địch lo sợ, co cụm về giữ Huế và Đà Nẵng. Ngày 21–3, quân ta thọc sâu, chia cắt, chặn đường rút chạy của địch trên bộ, trên biển, hình thành thế bao vây thành phố Huế.

Đúng 10 giờ 30 phút ngày 25–3, quân ta tiến vào giải phóng cố đô Huế. Cùng thời gian này, ta giải phóng thị xã Tam Kì (24–3) và toàn tỉnh Quảng Ngãi (25–3).

Thành phố Đà Nẵng, một căn cứ hải lục không quân vào loại mạnh nhất của địch, rơi vào thế cô lập. Quân ta từ ba phía bắc, tây, nam tiến nhanh áp sát thành phố. Hơn 10 vạn quân địch bị dồn ứ về đây trở nên hỗn loạn, mất hết khả năng chiến đấu. Chúng phải dùng máy bay di tản bọn cố vấn Mĩ và một phần lực lượng ngụy.

Sáng 28–3, pháo binh ta đột kích mãnh liệt vào quân cảng Đà Nẵng, sân bay Nước Mặn, bán đảo Sơn Trà, triệt hẳn mọi đường rút chạy của địch. Sáng hôm sau, bộ binh và xe tăng của ta tiến thẳng vào thành phố.

Lực lượng vũ trang và chính trị nội thành đã nổi dậy phối hợp kịp thời. Chiều 29–3, Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng.

? –Em có những nhận xét gì về các ngày chiến thắng của quân ta trong tháng 3-1975 ?

4. Chiến dịch Hồ Chí Minh

Trải qua gần một tháng tiến công và nổi dậy, quân và dân ta đã giành toàn thắng trong chiến dịch Tây Nguyên và Huế – Đà Nẵng. Quân ta đã giải phóng hơn một nửa diện tích đất đai và một nửa số dân, chiếm được nhiều căn cứ mới, nhiều kho dự trữ mới, nhiều đường chiến lược mới. Các lực lượng vũ trang của ta trưởng thành vượt bậc.

Trái lại, lực lượng địch về mọi mặt bị giảm sút nghiêm trọng, phải lui về phòng thủ từ Phan Rang trở vào, trong thế đảo lộn, trong không khí hoang mang, bối rối.

Để cứu nguy cho bọn nguỵ, đế quốc Mĩ cử tham mưu trưởng lục quân Mĩ đến Sài Gòn trực tiếp chỉ đạo việc phòng thủ. Chúng lập ra ba tuyến phòng thủ : Tuyến trung tâm Sài Gòn, tuyến vòng ngoài (cách Sài Gòn khoảng 30 km), tuyến từ xa (đến Phan Rang). Mĩ còn cho máy bay viện trợ khẩn cấp mọi thứ cho bọn nguỵ.

Bộ Chính trị, Trung ương Đảng ta từ ngày 25–3 đã khẳng định : "Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam ... Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa" (tức tháng 5–1975).

Từ đầu tháng 4–1975, trên đường số 1 và đường Trường Sơn, xe chạy ra tiền tuyến như trẩy hội. Nhân dân cả nước sẵn sàng cống hiến tất cả để giành thắng lợi trong trận quyết chiến cuối cùng.

Ngày 9–4, quân ta bắt đầu đánh vào Xuân Lộc, một trọng điểm phòng thủ của địch, bảo vệ cửa ngõ phía đông Sài Gòn. Nhiều trận chiến đấu ác liệt đã xảy ra. Ngày 16–4, quân ta phá vỡ được tuyến phòng thủ Phan Rang rồi tiếp tục tiến vào giải phóng Bình Thuận. Sư đoàn ngụy ở Xuân Lộc, lúc này mới hoảng sợ, phải rút chạy ngày 21–4. Mất Xuân Lộc, Mĩ – Ngụy rơi vào tình trạng hoảng loạn. Tổng thống ngụy xin từ chức.

Cả thế giới chăm chú theo dõi tình hình chiến sự ở Việt Nam.

Ngày 22–4, Bộ chỉ huy chiến dịch duyệt lần cuối cùng kế hoạch đánh chiếm Sài Gòn – Gia Định.

Đúng 17 giờ ngày 26–4, tiếng súng tiến công đầu tiên của chiến dịch Hồ Chí Minh (tức chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định) nổ ra ở hướng đông. Sáng 27–4, năm quân đoàn chủ lực của ta ở năm hướng đồng loạt đánh vào vùng ven Sài Gòn. Địch cố gắng chống đỡ nhưng vòng vây vẫn khép chặt dần.

Ngày 28-4, các trận địa pháo của ta bắt đầu bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất và ngay chiều hôm đó, một phi đoàn 5 chiếc A37 (máy bay của địch), do chiến sĩ ta lái, đến ném bom vào khu vực chứa máy bay. Các cầu lớn trên đường tiến vào Sài Gòn đều bị quân ta chiếm giữ.

Trên bầu trời Sài Gòn, máy bay lên thẳng gầm rít lên xuống để chuyển số người Mĩ đứng chen chúc trên các nóc nhà. Bọn tướng lĩnh ngụy cũng tìm mọi cách để chạy trốn cho nhanh.

Ngày 29–4, đúng 00 giờ, các quân đoàn của ta được lệnh tổng công kích vào sào huyệt cuối cùng của địch, chiếm lĩnh 5 cơ quan đầu não của chúng. Nhân dân và các lực lượng vũ trang nội thành, đã được chuẩn bị phối hợp từ trước, náo nức đợi chờ, kiên quyết nổi dậy giành quyền làm chủ.

9 giờ 30 phút ngày 30–4, bọn ngụy quyền Sài Gòn xin ngừng bắn để thương lượng.

10 giờ 45 phút ngày 30–4–1975, quân ta tiến vào dinh Độc lập, bắt giữ toàn bộ bọn đầu sỏ ngụy quyền trung ương. 11 giờ 30 phút, cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ tổng thống ngụy.

Hình 27 – Xe tăng tiến vào dinh Độc Lập
(ảnh của bà François de Mulder)

Thành phố Sài Gòn đã hoàn toàn giải phóng.

Thừa thắng, quân và dân ta đã tiến công và nổi dậy giải phóng trọn vẹn các tỉnh và các hòn đảo còn lại ở Nam Bộ.

Sau gần 2 tháng chiến đấu vô cùng anh dũng, đầy mưu trí, sáng tạo, cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 đã giành được thắng lợi hoàn toàn.

? 1. Tại sao Đảng ta chủ trương giải phóng miền Nam trước tháng 5–1975 ?

2. Chiến dịch Hồ Chí Minh diễn ra như thế nào ?

3. Em hãy phát biểu ý kiến về một số vấn đề :

– Mối quan hệ giữa tiến công và nổi dậy.
– Vai trò lãnh đạo của Đảng.
– Nguyên nhân và ý nghĩa thắng lợi.

CHƯƠNG VII

BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG CẢ NƯỚC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

thuongmaitr

Bài 22

BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG CẢ NƯỚC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I - SỰ THÀNH LẬP NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM. BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG CẢ NƯỚC

1. Sự thành lập Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, cuối năm 1975, đại biểu hai miền Nam, Bắc họp hội nghị hiệp thương ở Sài Gòn, quyết định tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước để thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Ngày 25-4-1976, cuộc tổng tuyển cử được tiến hành với hơn 23 triệu người đi bầu (98,8% tổng số cử tri). Đây là lần thứ hai, cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước (lần đầu tiên vào ngày 6-1-1946 bầu cử Quốc hội khóa I).

Cuối tháng 6–1976, Quốc hội mới gồm 492 đại biểu đại diện cho nhân dân cả nước, họp tại hội trường Ba Đình (Hà Nội). Đây là Quốc hội khóa VI. Ngày2–7–1976, Quốc hội thông qua nghị quyết đổi tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu chính phủ thống nhất. Cụ Tôn Đức Thắng được bầu làm Chủ tịch nước. Đồng chí Phạm Văn Đồng được bầu làm Thủ tướng chính phủ. Thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 31–1–1977, mặt trận dân tộc ở hai miền Nam, Bắc hợp nhất thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Sự ra đời của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng nguyện vọng sâu xa của nhân dân là hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và tạo cơ sở cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

? – Việc hòa bình thống nhất nước Việt Nam được thực hiện như thế nào sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng ?

tuongxua.vn

2. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (tháng 12-1976)

Từ ngày 14 đến 20–12–1976, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV của Đảng Lao động Việt Nam họp ở Hà Nội với 1008 đại biểu tham dự.

Báo cáo chính trị, được Đại hội thông qua, nêu bật ý nghĩa quan trọng của việc cả nước tiến vào cách mạng xã hội chủ nghĩa : "Cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất làm nhiệm vụ chiến lược duy nhất là tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội ...

Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được ước mơ lâu đời của nhân dân lao động là vĩnh viễn thoát khỏi cảnh bị áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, để sống một cuộc đời no cơm, ấm áo, một cuộc đời văn minh, hạnh phúc ...

Có chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc ta mới có kinh tế hiện đại, văn hóa, khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, do đó đảm bảo cho đất nước ta được vĩnh viễn độc lập, tự do và ngày càng phát triển phồn vinh ...".

Đại hội đã thảo luận và quyết nghị về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới, về nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 – 1980). Đại hội quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

? – Ý nghĩa quan trọng của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

3. Những thành tựu bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước

Trong những năm 1976 – 1980, nhân dân ta ra sức khôi phục những cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải ... bị tàn phá trong thời kì chiến tranh.

Về nông nghiệp, với việc phục hóa, khai hoang và tăng vụ, diện tích gieo trồng tăng thêm gần 2 triệu héc–ta. Với việc cung ứng thêm 18 ngàn máy kéo các loại, tỉ lệ cơ giới hóa làm đất đạt 25% diện tích gieo trồng. Sản xuất nông nghiệp được phát triển, giúp cho những vùng bị thiên tai nặng nề vượt qua được nạn đói.

Về công nghiệp, được bổ sung thêm 100 ngàn ki–lô–oát điện, 2 triệu tấn than, 500 ngàn tấn xi măng. Nhiều nhà máy mới đang xây dựng và sẽ đưa vào sản xuất như nhà máy xi măng, nhà máy điện, cơ khí động lực, cơ khí đóng và sửa chữa tàu thuyền, nhà máy đường, nhà máy giấy, nhà máy sợi ...

Về giao thông vận tải, đã khôi phục và xây dựng mới gần 3800km đường ôtô, 30000 mét cầu, 1000 mét bến cảng, 1700km đường sắt. Cuối năm 1976, đường xe lửa *Thống nhất* nối liền Nam – Bắc được khai thông.

Cùng với phát triển sản xuất, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được tiến hành khẩn trương ở vùng mới giải phóng. Giai cấp tư sản mại bản bị xóa bỏ ; 15000 xí nghiệp tư bản chủ nghĩa hạng lớn và hạng vừa được cải tạo thành xí nghiệp quốc doanh hoặc công tư hợp doanh. Tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp được sắp xếp và

tổ chức lại. Một bộ phận nông dân ở Nam Bộ được tổ chức vào các tập đoàn sản xuất ; các tỉnh ở Nam Trung Bộ đã cơ bản hoàn thành việc đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể.

Về văn hóa, từ giữa năm 1978, nạn mù chữ được căn bản xóa bỏ ở vùng mới giải phóng. Năm 1979 – 1980, cả nước có hơn 14 triệu học sinh (bằng 1/3 số dân) theo học ở các trường phổ thông và đại học ; gần 1 triệu rưỡi trẻ em ở các lớp mẫu giáo (gấp hơn 3 lần năm 1975), gần 1 triệu 200 ngàn trẻ em ở các nhà trẻ (gấp đôi năm 1975).

Công tác y tế, thể dục, thể thao có nhiều tiến bộ. Đã xây dựng thêm hàng ngàn bệnh viện, bệnh xá và hơn 2000 trạm y tế xã.

Ngày 7–4–1977, *Viện Khoa học Việt Nam* được thành lập.

Những thành tựu đạt được rất quan trọng. Nhưng do không thấy hết những khó khăn, phức tạp của tình hình và nhiệm vụ, do tư tưởng chủ quan, nóng vội, chúng ta cũng đã phạm nhiều khuyết điểm, sai lầm. Những khuyết điểm, sai lầm ấy đã khiến cho kết quả đạt được còn thấp so với yêu cầu và chưa tương xứng với công sức bỏ ra. Lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu khác đều thiếu ; thị trường và vật giá không ổn định, đời sống nhân dân lao động có nhiều khó khăn.

Những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, mặc dù có nhiều sai lầm, khuyết điểm, nhưng đã khẳng định hướng tiến lên của cách mạng Việt Nam sau khi cả nước được giải phóng và thống nhất, là đúng đắn. Nhằm thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng trong thời kì mới, Quốc hội khóa VI trong kì họp ngày 18–12–1980 đã thông qua Hiến pháp mới. Hiến pháp mới kế thừa và phát triển Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959.

?

1. Hãy nêu những thành tựu và hạn chế của bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

2. Em hãy phân tích ý nghĩa quan trọng của việc ban hành Hiến pháp mới năm 1980.

II - MỞ RỘNG QUAN HỆ QUỐC TẾ, BẢO VỆ CHỦ QUYỀN DÂN TỘC, TOÀN VẸN LÃNH THỔ

1. Mở rộng quan hệ quốc tế

Sự ra đời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chẳng những đã tạo cơ sở cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước mà còn tạo điều kiện cho việc mở rộng những quan hệ giữa Việt Nam với thế giới. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành hội viên thứ 149 của Liên Hiệp Quốc (tháng 9 –1977) và thành viên của nhiều tổ chức quốc tế khác. Tháng 6 –1978, Việt Nam tham gia với tư cách thành viên chính thức Hội đồng tương trợ kinh tế của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Đến giữa năm 1980 đã có 105 nước đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã kí hiệp ước hợp tác và tương trợ với Lào (tháng 7 – 1977), với Campuchia (tháng 2-1979), kí với Ấn Độ chương trình trao đổi kinh tế kĩ thuật và văn hóa (1978). Tháng 11–1978, Việt Nam đã kí hiệp ước hữu nghị và hợp tác với Liên Xô.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đi thăm Pháp (tháng 4-1977), các nước Bắc Âu (tháng 6-1977), các nước Đông Nam Á (tháng 9, 10-1978)[1].

Việc mở rộng quan hệ quốc tế thể hiện rõ thiện chí của nhân dân và chính phủ Việt Nam muốn xây dựng tình hữu nghị, hợp tác bình đẳng, tương trợ với các nước trên thế giới.

? – Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi được thành lập đã mở rộng quan hệ với các nước khác trên thế giới như thế nào ?

2. Bảo vệ biên giới phía Tây - Nam

Ngay sau khi miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng, "Khơ–me đỏ" đang nắm quyền ở Campuchia, đã cho quân đánh phá nhiều làng xã của ta ở vùng biên giới và các đảo Phú Quốc, Thổ Chu

(1) Từ 28 – 7 – 1995, Việt Nam là thành viên thứ bảy của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)

(tháng 5–1975). Những hành động này vẫn tiếp diễn trong năm 1976 mặc dù Chính phủ ta đã nhiều lần đề nghị hai bên thương lượng để giải quyết hòa bình vấn đề biên giới.

Đặc biệt, từ tháng 4–1977, "Khơ–me đỏ" đã huy động một lực lượng võ trang lớn, mở những cuộc tiến công ác liệt vào những làng biên giới Việt Nam và dùng pháo bắn phá các thị xã, thị trấn : Hà Tiên, Châu Đốc, Tây Ninh. Đồng thời, ở trong nước Campuchia, "Khơ–me đỏ" đàn áp đẫm máu tất cả những người đối lập với họ.

Tại Campuchia, từ năm 1976, lẻ tẻ đã nổ ra những vụ phản đối chính sách tàn bạo của "Khơ–me đỏ". Sang năm 1978, phong trào chống đối có quy mô lớn hơn, rộng hơn vì "Khơ–me đỏ" bắt đầu trấn áp những người trong quân đội, không ăn cánh với họ. Ngày 3–12–1978, Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia ra đời, tập hợp lực lượng nhằm đánh đổ sự thống trị của "Khơ–me đỏ".

Cuối tháng 12–1978, "Khơ–me đỏ" huy động 19 sư đoàn, có pháo và xe tăng, thiết giáp yểm trợ, tiến công sâu vào lãnh thổ Việt Nam. Bị quân đội nhân dân Việt Nam đánh trả quyết liệt, quân "Khơ–me đỏ" tháo chạy tan tác. Nhân dân Campuchia có sự giúp đỡ của Việt Nam đã kịp thời vùng lên đánh đuổi "Khơ–me đỏ" giải phóng đất nước.

? – Quân dân ta đã làm gì để bảo vệ biên giới phía Tây Nam ?

3. Bảo vệ biên giới phía Bắc

Trong quá trình đấu tranh cách mạng, nhân dân Việt Nam và nhân dân Trung Quốc đã từng gắn bó với nhau mật thiết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên, trong quan hệ giữa hai bên cũng đã xảy ra những va vấp. Những va vấp ấy trở nên căng thẳng khi quân "Khơ–me đỏ" đánh phá biên giới Tây – Nam nước ta.

Đến tháng 6–1978, chính phủ Trung Quốc cắt đứt mọi viện trợ kinh tế và kĩ thuật cho Việt Nam, rút chuyên gia về nước, các lãnh sự quán Việt Nam ở Trung Quốc bị đóng cửa.

Cuối cùng, chiến tranh đã xảy ra ở biên giới Việt – Trung (17–2 đến cuối tháng 3–1979). Quân dân ta đã hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ được

toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc mình. Đây là một tổn thương lớn đối với quan hệ láng giềng tốt giữa hai nước.

Hiện nay, trong bối cảnh mới của tình hình khu vực cũng như tình hình thế giới, Việt Nam và Trung Quốc đã có những bước đi thiết thực nhằm khôi phục sự giao lưu và hợp tác giữa hai nước trên nhiều lĩnh vực, tiến tới bình thường hóa quan hệ Việt – Trung.

?

1. Quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã gặp những khó khăn gì và hiện nay đã được cải thiện ra sao ?

2. Những thành tựu và trở ngại trong việc mở rộng quan hệ quốc tế sau khi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thành lập ?

III - ĐẤT NƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI (1986 - 1991)

Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp từ 15 đến 18–12–1986 đã xác định đất nước đổi mới trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, với những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Đổi mới toàn diện, đồng bộ từ kinh tế, chính trị đến tư tưởng, xã hội.

Chúng ta đã đạt được những thành tựu lớn :

– Năm 1988 còn phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo nhưng đến năm 1990, chúng ta đã xuất khẩu gạo

– Từ 1986 đến 1990, hàng xuất khẩu tăng gần 3 lần

– Chúng ta đã kiềm chế được nạn lạm phát, đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn.

?

– Em có suy nghĩ gì về triển vọng kinh tế đất nước sau Đại hội VI của Đảng ?

thuongmaitr

Bài 23

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NAY (1991)

Vì độc lập và chủ quyền của dân tộc, từ đầu thế kỉ XX, nhân dân ta lại vùng lên, tiếp tục cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp. Cuộc vận động giải phóng dân tộc trong giai đoạn này đã gắn liền với vận động cải tạo xã hội, hướng nước nhà phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa một khi giành lại được độc lập, chủ quyền dân tộc. Phong trào Đông Du, Đông kinh nghĩa thục, cuộc Duy Tân và kháng thuế ở Trung Kì ..., những cuộc vận động lớn lúc bấy giờ thể hiện rõ xu hướng mới này. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo xu hướng trên, tiếp tục phát triển với đỉnh cao của nó là khởi nghĩa Yên Bái(9–2–1930).

Cũng ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, với ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười Nga (1917), đã xuất hiện một xu hướng mới, trên lập trường chủ nghĩa Mác – Lênin thể hiện trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước trong những năm 20 đã dẫn đến sự kiện quan trọng là sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (3–2–1930). Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chấm dứt thời kì mò mẫm trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam và mở ra thời kì cách mạng Việt Nam được một lí luận tiên tiến là chủ nghĩa Mác – Lênin soi sáng. Từ đây, độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam gắn liền với chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã có ảnh hưởng quyết định đối với sự chuyển hướng này.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã giành được thắng lợi đầu tiên cực kì quan trọng đối với sự phát triển lịch sử dân tộc : Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, đưa đến sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (2–9–1945).

Nhưng đế quốc Pháp trở lại, gây chiến tranh hòng cướp nước ta lần nữa. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự

lực cánh sinh, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, nhân dân ta vừa chiến đấu vừa xây dựng cuộc sống mới ở những vùng do chính quyền cách mạng kiểm soát. Vượt qua những khó khăn, gian khổ ban đầu, nhân dân ta càng đánh, càng mạnh và sau 9 năm kháng chiến, đã lập nên chiến công Điện Biên Phủ lẫy lừng (tháng 5–1954).

Trước thắng lợi của nhân dân ta, bọn đế quốc và phản động quốc tế đã thỏa hiệp, câu kết với nhau, tìm cách hạn chế. Do đó, với Hiệp định Giơ–ne–vơ (21–7–1954), đế quốc Pháp buộc phải công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân ta nhưng đất nước ta tạm thời bị chia cắt làm 2 miền : từ vĩ tuyến 17 trở ra được hoàn toàn giải phóng, từ vĩ tuyến 17 trở vào đế quốc và tay sai thống trị.

Đế quốc Mĩ thay thế đế quốc Pháp, đã biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, một căn cứ quân sự, hòng chiếm toàn bộ nước ta và bành trướng thế lực ở Đông Nam Á. Trải qua 21 năm vừa tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa xây dựng miền Bắc thành căn cứ cách mạng vững chắc cho cả nước, vừa chiến đấu chống đế quốc Mĩ (trong thời gian đầu tại miền Nam và từ 1964 ở cả hai miền Nam, Bắc), nhân dân ta đã lần lượt đánh bại mọi chiến lược và kế hoạch quân sự phiêu lưu của đế quốc Mĩ. Với thắng lợi tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, nhân dân ta đã quét sạch Mĩ – Ngụy, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hòa bình thống nhất nước nhà.

Sự thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (tháng 7–1976) mở ra kỉ nguyên nhân dân ta hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn bộ đất nước. Nhưng hòa bình chưa được bao lâu, bọn xâm lược mới kéo đến. Vừa xây dựng nhân dân ta lại vừa phải cầm súng chiến đấu bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Campuchia.

Đường lối đổi mới do Đại hội toàn quốc lần thứ VI đề ra đã đáp ứng yêu cầu cấp bách của dân tộc. Kinh tế phát triển nhanh và mạnh hơn trước rất nhiều.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên một đất nước vừa thoát khỏi ách thống trị của thực dân và phong kiến lại vừa phải trải qua hơn ba mươi năm chiến tranh, không thể tránh khỏi những vấp váp, sai lầm. Tuy nhiên, những thành tựu đạt được, mà đỉnh cao là sự thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã khẳng định chân lí do Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên : "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ".

?

1. Hãy nêu lên những chặng đường lịch sử mà nhân dân ta đã trải qua từ đầu thế kỉ XX đến nay.

2. Hãy lấy những ví dụ trong lịch sử dân tộc ta, từ đầu thế kỉ XX đến nay, để chứng minh cho những chân lí mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên và được dẫn lại trên đây.

truongxua.vn

MỤC LỤC

Trang

LỊCH SỬ VIỆT NAM

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay (1991)

Chương I

BƯỚC TIẾN MỚI CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM

Bài 1 Bối cảnh trong nước và trên thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất 3

Bài 2 Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài (1919 – 1925) 7

Bài 3 Cuộc vận động cách mạng ở trong nước (sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến giữa những năm 20) 11

Bài 4 Những tổ chức cách mạng mới được thành lập 14

Chương II

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 30

Bài 5 Những tổ chức cộng sản Việt Nam đầu tiên 17

Bài 6 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3 –2 –1930) 21

Bài 7 Phong trào công nhân và nông dân 1930 –1931. Xô viết Nghệ-Tĩnh 24

Bài 8 Phong trào dân tộc, dân chủ 1936 – 1939 28

Chương III

CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1939 - 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Bài 9 Cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939 –1945) 31

Bài 10 Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời 40

thuongmaitr

Chương IV

BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (TỪ 2-9-1945 ĐẾN 19-12-1946)

Bài 11 Bước đầu xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (từ2–9–1945đến19–12–1946) 47

Chương V

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TRỞ LẠI XÂM LƯỢC

Bài 12 Thời gian đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc 54
Bài 13 Từ sau kháng chiến toàn quốc bùng nổ đến chiến dịch Việt Bắc 1947 58
Bài 14 Từ sau chiến dịch Việt Bắc 1947 đến chiến dịch Biên giới 1950 62
Bài 15 Củng cố hậu phương về mọi mặt. Phát huy thế tiến công địch (1951 – 1953) 66
Bài 16 Chiến cuộc đông xuân (1953 –1954) và chiến dịch Điện Biên Phủ 72

Chương VI

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Bài 17 Miền Bắc bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam đấu tranh duy trì và phát triển lực lượng cách mạng (1954 – 1960) 81
Bài 18 Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam chống "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ (1961 – 1965) 89
Bài 19 Cả nước trực tiếp đấu tranh chống Mĩ cứu nước (1965 –1968) 94
Bài 20 Cả nước đấu tranh chống "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Chiến tranh phá hoại" lần thứ hai của đế quốc Mĩ (1969 –1973) 102
Bài 21 Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1973 – 1975) 113

Chương VII

BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG CẢ NƯỚC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976 - 1991)

Bài 22 Bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa 122
Bài 23 Tổng kết lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay (1991) 129

truongxua.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

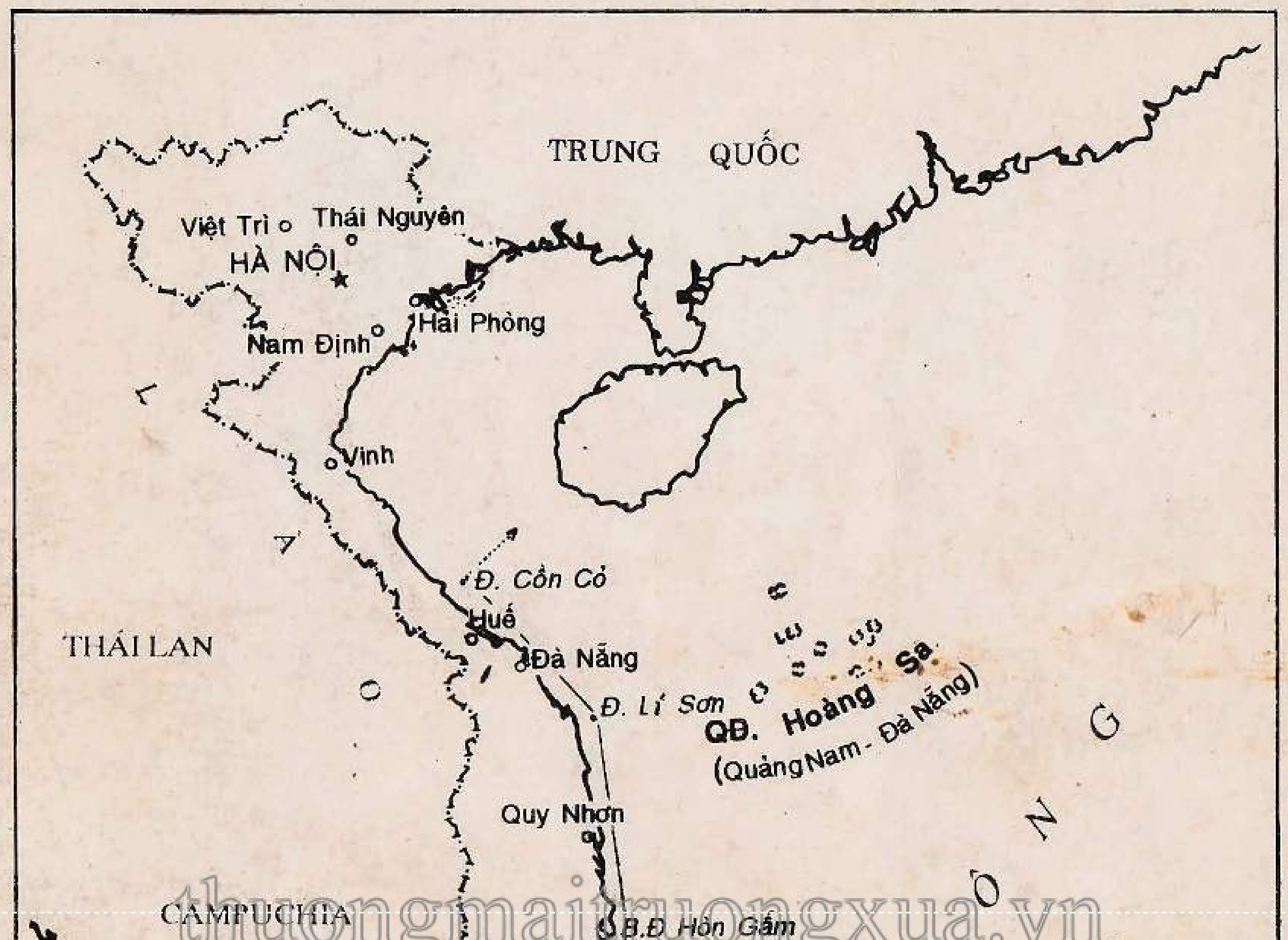

thuongmairuongxua.vn

LỊCH SỬ 9 - TẬP HAI

In 50.000 bản, (QĐ.1C) khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Nhà máy in Diên Hồng.
Số in: 103. Số XB: 767/157 - 98.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 1999.

Mã số : 2H906T9

Giá : **3.000 đ**